BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

01-TỈNH AN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HOÀNG THỦ	KHOA	01.01.03	12/05/1997	Kinh	An Giang	Nam	Toán	13.00	K.Khích	12	THPT Chu Văn An
2	TRẦN ĐỨC	THỌ	01.05.05	24/11/1998	Kinh	An Giang	Nam	Tin học	13.35	K.Khích	11	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
3	NGUYỄN THỊ YẾN	TRINH	01.09.05	20/09/1997	Kinh	An Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	THPT Nguyễn Hữu Cảnh
4	PHẠM NGỌC THANH	TRÍ	01.09.06	27/07/1997	Kinh	An Giang	Nam	Tiếng Anh	14.60	Ba	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
5	BÙI HOÀNG	LONG	01.09.02	21/09/1997	Kinh	An Giang	Nam	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HUỲNH VĂN	Y	02.01.06	21/04/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Toán	17.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	LÊ THÀNH	LONG	02.01.03	08/06/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	LÊ THỊ ANH	THƯ	02.01.05	17/08/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN THANH	LÂM	02.01.02	21/12/1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	NGUYỄN MINH	QUÂN	02.01.04	13/05/1997	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Toán	22.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	PHẠM THÀNH	TÀI	02.02.04	23/12/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Vật lí	16.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	LÝ GIA	BẢO	02.02.01	16/08/1997	Hoa	BR-VT	Nam	Vật lí	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	LÊ NGỌC	UYÊN	02.02.06	23/06/1998	Kinh	BR-VT	Nữ	Vật lí	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	02.02.02	05/05/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	NGUYỄN PHÚC	ANH	02.03.02	26/03/1997	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	22.40	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	02.03.06	23/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	26.85	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	PHẠM THOẠI NHÃ	LINH	02.03.05	30/11/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Hoá học	24.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	ĐẶNG ĐỨC	ANH	02.03.01	30/05/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	21.90	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	VŨ ĐÌNH	DUY	02.04.02	22/10/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Sinh học	28.10	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	DƯƠNG THỊ THÙY	VÂN	02.04.06	11/08/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Sinh học	30.15	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	TRẦN PHẠM MINH	KHÔI	02.04.04	27/01/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Sinh học	28.05	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	HÀ QUỐC	HÙNG	02.04.03	24/05/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Sinh học	25.95	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	VŨ BÙI KHÁNH	LINH	02.04.05	24/06/1998	Kinh	BR-VT	Nữ	Sinh học	27.75	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÊ DƯƠNG TUẤN	ANH	02.05.01	19/09/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Tin học	13.77	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	DƯƠNG NGUYỄN THÁI	BẢO	02.05.02	09/09/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Tin học	13.40	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	LẠI THẾ	CƯỜNG	02.05.03	21/09/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Tin học	12.15	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	02.06.01	20/11/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
23	NGUYỄN HỮU QUỲNH	HƯƠNG	02.06.02	01/10/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	LÊ THỊ HUYỀN	NHUNG	02.06.03	30/03/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
25	LÊ NGỌC	QUỲNH	02.06.05	13/10/1998	Kinh	BR-VT	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	02.07.03	30/01/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Lịch sử	16.25	Nhì	11	THPT Vũng Tàu
27	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	02.07.01	10/06/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
28	TRỊNH THỊ	THOA	02.07.05	24/02/1997	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
29	PHẠM MINH	HIẾU	02.09.03	28/10/1998	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	14.40	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
30	BÙI THỊ MINH	HẰNG	02.09.02	02/03/1998	Kinh	BR-VT	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
31	VĂN ĐỨC	TOÀN	02.09.10	28/07/1998	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
32	NGUYỄN THẾ ANH	KHOA	02.09.05	04/01/1998	Kinh	BR-VT	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	THPT Vũng Tàu
33	NGUYỄN MINH	CHÂU	02.09.01	16/04/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
34	LƯU HỒNG	NGỌC	02.09.07	19/07/1997	Kinh	BR-VT	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
35	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	02.09.04	12/12/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Tiếng Anh	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
36	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	02.09.06	18/02/1997	Kinh	BR-VT	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN HỮU CẢNH	TOÀN	02.09.09	08/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 37 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	03.01.01	21/06/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
2	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	03.01.02	06/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
3	THÂN THỊ	QUỲNH	03.01.04	13/01/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Toán	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
4	NGUYỄN VĂN	TIẾN	03.01.05	02/09/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
5	NHƯ VĂN	HUY	03.02.02	01/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	20.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
6	NGUYỄN QUANG	HƯNG	03.02.03	13/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
7	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	03.02.04	01/07/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Vật lí	16.50	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
8	NGUYỄN HỒNG	MINH	03.02.05	09/02/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	21.50	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
9	VŨ NGỌC	SƠN	03.02.06	29/12/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	16.25	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
10	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	03.02.07	28/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Vật lí	22.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
11	ĐÀM QUANG	TRUNG	03.02.08	19/05/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	15.75	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
12	NGUYỄN ĐỨC	CẢNH	03.03.01	23/01/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	26.00	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
13	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	DŨNG	03.03.02	23/12/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	30.15	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
14	TRẦN ĐỨC	HẢI	03.03.03	13/04/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	31.80	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
15	NGUYỄN HUY	HOÀNG	03.03.05	09/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	27.15	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
16	ĐỖ THU	HẰNG	03.03.04	12/07/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Hoá học	26.60	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
17	NGUYỄN THỊ OANH	OANH	03.03.07	29/04/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Hoá học	23.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
18	PHẠM VĂN	THUẬN	03.03.08	27/08/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	27.90	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	03.04.01	02/10/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	27.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
20	LÊ THỊ THU	HÀ	03.04.02	19/10/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	31.65	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
21	HOÀNG THỊ MINH	HIỀN	03.04.03	14/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	28.70	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
22	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	03.04.06	25/06/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	28.90	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
23	ĐÀO VĂN	PHONG	03.04.07	01/02/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Sinh học	28.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
24	LƯƠNG ĐỨC TUẤN	ĐẠT	03.05.02	18/02/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	14.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
25	HÀ MINH	HIẾU	03.05.03	10/02/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	14.07	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
26	LƯƠNG NGỌC	HƯNG	03.05.05	27/03/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	19.14	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
27	PHÙ VĂN	QUẤT	03.05.06	07/04/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	17.14	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
28	HOÀNG VĂN	THƯ	03.05.08	20/08/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	16.78	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
29	NGUYỄN PHẠM HƯƠNG	GIANG	03.06.01	14/05/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
30	LƯU THỊ	NGÂN	03.06.02	18/01/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
31	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯỢNG	03.06.04	11/09/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
32	TRIỆU LINH	THẢO	03.06.06	28/04/1997	Nùng	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
33	VŨ THỊ HẢI	TỚI	03.06.07	22/02/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
34	NHỮ THU	TRANG	03.06.08	07/05/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
35	NGUYỄN THỊ	TÂM	03.06.05	29/01/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
36	LƯƠNG VĂN	DOANH	03.07.01	18/01/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	TRỊNH TÙNG	LÂM	03.07.02	15/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
38	TRẦN THỊ	THẢO	03.07.03	26/07/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	16.75	Nhất	11	THPT Chuyên Bắc Giang
39	HÀ THỊ	TRANG	03.07.05	27/05/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
40	ONG THỊ	THƯƠNG	03.07.04	20/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
41	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	03.07.06	05/05/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
42	THÂN THỊ LAN	ANH	03.08.01	06/08/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Giang
43	LƯƠNG THỊ	DUNG	03.08.02	21/09/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Giang
44	ĐẶNG LINH	HƯƠNG	03.08.04	22/11/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
45	TRẦN NGỌC	MAI	03.08.06	11/06/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Giang
46	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	03.08.05	30/10/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
47	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	03.08.07	17/03/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
48	TRẦN THỊ	TRANG	03.08.08	15/09/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Giang
49	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	03.09.01	16/11/1997	Kinh	Hòa Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Giang
50	NGUYỄN VĂN	CÔNG	03.09.02	10/11/1997	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang
51	NGUYỄN BÍCH	PHƯƠNG	03.12.04	20/10/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Trung	14.07	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 51 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

04-TỈNH BẮC KẠN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HÀ DƯƠNG	THU	04.06.06	25/05/1998	Tày	Bệnh Viện	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	Chuyên Bắc Kạn
2	HÀ THỊ KIM	CHI	04.06.01	02/07/1997	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Bắc Kạn
3	BÙI THỊ KIM	NGỌC	04.06.03	13/10/1997	Tày	Phường	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Bắc Kạn
4	NÔNG THỊ	ĐIỆP	04.07.02	19/11/1997	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Chuyên Bắc Kạn
5	NGUYỄN THỊ	THUẬN	04.07.05	20/04/1997	Kinh	Sông Cầu	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Kạn

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

05-TỈNH BẠC LIÊU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN MINH	DANH	05.01.01	10/01/1998	Kinh	Tỉnh Bạc Liêu	Nam	Toán	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bạc Liêu
2	ĐẶNG THỊ CẨM	LINH	05.07.02	07/04/1997	Kinh	Tỉnh Bạc Liêu	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Bạc Liêu

Danh sách này gồm 2 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ HUY	CƯỜNG	06.01.01	12/06/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
2	LÊ THỊ HẢI	LINH	06.01.03	24/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Toán	26.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
3	NGUYỄN ĐĂNG	QUÂN	06.01.05	09/06/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Toán	23.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
4	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	06.01.06	19/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Toán	20.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
5	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	06.02.01	20/12/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	24.25	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
6	NGUYỄN VĂN	HƯNG	06.02.03	04/02/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
7	NGUYỄN QUANG	HUY	06.02.02	22/04/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
8	NGUYỄN ĐẮC	NAM	06.02.04	19/01/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	16.50	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
9	NGUYỄN QUANG	QUÝ	06.02.05	09/10/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	21.25	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
10	TẠ BẢO	THẮNG	06.02.06	04/07/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	16.75	Ba	12	THPT Lê Văn Thịnh
11	PHẠM CÔNG	ANH	06.03.01	29/06/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	27.30	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
12	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	06.03.02	14/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Hoá học	30.75	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
13	TRẦN ĐÌNH	HIẾU	06.03.03	05/02/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	35.05	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
14	TRẦN MINH	HIẾU	06.03.04	22/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	30.90	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
15	NGUYỄN VĂN	KIỂM	06.03.05	22/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	25.65	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
16	DƯƠNG ĐẮC NGỌC	LONG	06.03.06	04/10/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	31.95	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
17	PHAN THỊ THU	TRANG	06.03.08	16/05/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Hoá học	25.80	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
18	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	06.04.01	23/08/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	30.35	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	PHẠM THỊ KIỀU	KHANH	06.04.02	24/03/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Sinh học	28.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
20	NGUYỄN NGỌC	LÂM	06.04.03	15/09/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	33.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
21	NGUYỄN ĐÌNH	NAM	06.04.04	23/06/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	36.60	Nhất	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
22	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	06.04.05	11/11/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Sinh học	31.95	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
23	NGUYỄN THỊ	OANH	06.04.06	20/12/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Sinh học	27.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
24	TRẦN THỊ	HIỀN	06.05.01	10/01/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Tin học	13.63	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
25	NGUYỄN LÊ VŨ	LONG	06.05.02	23/07/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	27.04	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
26	HÀ THỊ NGỌC LƯU	LY	06.05.03	21/07/1998	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tin học	17.32	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
27	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	06.05.04	07/06/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	15.72	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
28	NGUYỄN ĐẮC	SANG	06.05.05	31/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	21.20	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
29	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	06.06.01	29/09/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
30	TRẦN THÚY	NGA	06.06.03	21/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
31	NGUYỄN THỊ BÍCH	HIỀN	06.07.01	27/08/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
32	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	06.07.02	22/06/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	16.50	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
33	TRẦN THỊ	LOAN	06.07.03	07/04/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
34	NGUYỄN HỒNG	NGA	06.07.04	10/04/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
35	TRẦN THỊ	THẢO	06.07.06	01/03/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	17.00	Nhất	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
36	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	06.08.01	31/12/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	06.08.02	25/09/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Địa lí	16.75	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
38	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	06.08.03	19/05/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	16.75	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
39	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	06.08.04	11/08/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
40	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	06.08.05	06/10/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
41	TRẦN BÍCH	HƯỜNG	06.08.06	03/10/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
42	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06.08.08	09/10/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
43	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	06.09.03	28/02/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh

Danh sách này gồm 43 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

07-TỈNH BẾN TRE

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HỒ QUANG	HUY	07.02.02	14/06/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Vật lí	21.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bến Tre
2	HUỲNH VĨNH	LỘC	07.02.03	16/10/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Vật lí	21.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bến Tre
3	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	07.02.04	29/03/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Vật lí	17.00	Ba	12	THPT Chuyên Bến Tre
4	TRẦN THỦY	CÁT	07.03.02	16/09/1997	Kinh	Bến Tre	Nữ	Hoá học	25.15	Ba	12	THPT Chuyên Bến Tre
5	PHAN TUẤN	ĐẠT	07.04.01	15/09/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Sinh học	30.00	Ba	12	THPT Chuyên Bến Tre
6	PHẠM THỊ MAI	TRÚC	07.04.04	02/07/1997	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Sinh học	29.05	Ba	12	THPT Chuyên Bến Tre
7	LÊ HOÀNG	SANG	07.05.04	07/07/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Tin học	12.83	K.Khích	12	THPT Chuyên Bến Tre
8	NGUYỄN CHÂU	PHA	07.07.06	20/11/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Bến Tre
9	NGUYỄN HỮU	THIỆN	07.09.04	27/01/1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	THPT Trương Vĩnh Ký
10	LÊ PHẠM ĐAN	THƯ	07.09.05	04/07/1997	Kinh	TP.HCM	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Bến Tre
11	HUỲNH PHƯỚC	SANG	07.11.03	24/11/1997	Kinh	Bến Tre	Nam	Tiếng Pháp	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Bến Tre
12	VÕ NGUYỄN PHÚC	THƯƠNG	07.11.05	20/04/1997	Kinh	Bến Tre	Nữ	Tiếng Pháp	14.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Bến Tre

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

07-TỈNH BẾN TRE

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 12 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHAN THANH	HÀO	08.01.01	28/07/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	20.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	PHẠM LƯƠNG	HÀO	08.01.02	29/04/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	18.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	LÊ NHẬT	HOÀNG	08.01.03	25/06/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	27.00	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	MAI TIẾN	LUẬT	08.01.04	01/01/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	25.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	TRƯƠNG MINH NHẬT	QUANG	08.01.05	05/03/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	NGUYỄN THỊNH	TÍN	08.01.06	20/11/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	14.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	BÙI QUỐC	CHIẾN	08.02.01	02/09/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Vật lí	15.75	Ba	12	THPT Tây Sơn
8	NGÔ HÀ	NHI	08.02.05	20/12/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	ĐINH THANH	SANG	08.02.06	07/11/1996	Kinh	Bình Định	Nam	Vật lí	20.25	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	NGUYỄN ĐÌNH	CHÍ	08.03.02	23/08/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	21.70	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	LÊ THÁI THANH	KHUÊ	08.03.04	25/02/1998	Kinh	Bình Định	Nữ	Hoá học	25.10	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	TRỊNH HOÀNG	QUÝ	08.03.06	14/03/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	27.65	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	NGUYỄN MINH	TIN	08.03.08	04/09/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	24.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	HUỲNH XUÂN	BẢO	08.04.01	03/05/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Sinh học	29.65	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	NGUYỄN VĂN	DUY	08.04.02	18/06/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Sinh học	29.60	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	LƯƠNG ANH	KHOA	08.04.03	05/05/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Sinh học	26.30	K.Khích	12	THPT Nguyễn Du
17	LÊ HÀ	NGUYÊN	08.05.01	15/09/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Tin học	12.15	K.Khích	12	THPT Trưng Vương
18	NGUYỄN ANH	TUÂN	08.05.05	04/01/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Tin học	21.32	Ba	12	THPT Nguyễn Trân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐỖ THỊ THÚY	HẰNG	08.06.01	26/07/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Lý Tự Trọng
20	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	08.06.02	20/04/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT số 1 Phù Mỹ
21	LÊ THÚY	VI	08.06.06	30/09/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	NGUYỄN THỊ NHẬT	TRÂM	08.07.05	21/04/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Hùng Vương
23	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG	VI	08.07.06	28/03/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Nguyễn Du
24	NGUYỄN CÔNG	ĐIỀN	08.08.01	17/11/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Lý Tự Trọng
25	PHẠM HOÀI	NAM	08.08.02	29/09/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	ĐINH CÔNG	VĂN	08.08.04	18/02/1997	Kinh	Bình Định	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trân
27	VÕ THỊ KIM	HOÀNG	08.09.02	04/08/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
28	HUỲNH NGỌC PHÚC	NHI	08.09.05	25/09/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	14.60	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
29	NGUYỄN HÀ	THANH	08.09.07	12/12/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
30	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	08.09.08	15/07/1998	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 30 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

09-TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN GIA	BẢO	09.01.01	08/01/1998	Kinh	Bình Dương	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	Chuyên Hùng Vương
2	NGUYỄN HIẾU	LIÊM	09.01.06	21/08/1998	Kinh	Bình Dương	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	Chuyên Hùng Vương
3	PHẠM NHẬT	MINH	09.03.03	09/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	24.05	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương
4	NGUYỄN VŨ	KHÁNH	09.03.02	28/09/1998	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	23.85	K.Khích	11	Chuyên Hùng Vương
5	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	09.04.06	18/12/1997	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	26.70	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương
6	SÁI NGỌC	LINH	09.04.04	26/06/1998	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	28.05	K.Khích	11	Chuyên Hùng Vương
7	VƯƠNG	HY	09.05.02	22/10/1998	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	28.56	Nhì	11	Chuyên Hùng Vương
8	LÂM THỊ YẾN	NHI	09.06.03	31/05/1998	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Chuyên Hùng Vương
9	TRƯƠNG NGUYỄN DIỆP	ANH	09.06.01	01/01/1998	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Chuyên Hùng Vương
10	THÁI THỊ THU	TRÂM	09.07.06	08/03/1997	Kinh	Bình Dương	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương
11	LÊ HỒNG	NHUNG	09.08.04	04/11/1997	Kinh	Bình Dương	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương
12	TRỊNH MỸ	PHƯƠNG	09.08.06	07/09/1997	Kinh	Bình Dương	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương
13	BÙI THỊ	HƯƠNG	09.09.02	11/02/1998	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	11	Chuyên Hùng Vương
14	NGUYỄN ĐẠI	THÀNH	09.09.05	25/05/1997	Kinh	Bình Dương	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

09-TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 14 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HOÀNG ĐĂNG	THIỆN	10.01.05	23/12/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
2	VŨ XUÂN	ANH	10.01.01	04/11/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	17.00	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
3	TRẦN TRUNG	NGUYÊN	10.01.04	14/09/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Bình Long
4	LÊ THANH	HẢI	10.02.02	06/02/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
5	VŨ QUANG	HUY	10.02.03	23/08/1997	Kinh	Bình Dương	Nam	Vật lí	22.25	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
6	LÊ ĐỨC	HÙNG	10.02.04	15/04/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	16.75	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
7	NGUYỄN VĂN	HÙNG	10.02.05	03/12/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	14.25	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
8	PHẠM TRỌNG	NGHĨA	10.02.07	28/03/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	18.00	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
9	HOÀNG MINH	NHÂN	10.02.08	13/10/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
10	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	10.02.01	14/06/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
11	HOÀNG TUẤN	LONG	10.02.06	20/02/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
12	PHÙNG ĐẠT	TOÀN	10.03.08	25/11/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	28.65	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
13	NGUYỄN ĐỨC	HUY	10.03.05	23/07/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	25.40	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
14	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	10.03.06	08/02/1998	Kinh	Bình Phước	Nữ	Hoá học	26.30	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
15	NGUYỄN MINH	TUẤN	10.03.09	29/10/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	22.40	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
16	CHẾ VIỆT	HUY	10.03.04	23/08/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	24.35	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
17	LÊ VŨ PHONG	DƯƠNG	10.03.01	18/03/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	21.15	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
18	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	10.03.03	25/07/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	22.15	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN NGỌC	THẾ	10.03.07	16/02/1998	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	23.45	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
20	KIỀU VĂN	THÁI	10.04.07	16/12/1997	Kinh	Thanh Hóa	Nam	Sinh học	31.70	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
21	PHAN THỊ NGỌC	QUYÊN	10.04.05	06/10/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Sinh học	26.90	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
22	NGUYỄN THỊ	HẢO	10.04.02	10/10/1998	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Sinh học	29.15	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
23	LÊ VŨ NHƯ	QUỲNH	10.04.06	18/04/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Sinh học	29.75	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
24	NGUYỄN THỊ	THỦY	10.04.08	11/05/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Sinh học	31.85	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
25	TRỊNH LƯƠNG HỮU	ĐỨC	10.05.02	23/08/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Tin học	13.37	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
26	TRẦN ĐÌNH	BẢO	10.05.01	06/03/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Tin học	18.67	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
27	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	10.05.05	26/12/1997	Kinh	Gia Lai	Nam	Tin học	22.97	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
28	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	10.06.06	03/07/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
29	TRẦN THỊ	GIANG	10.07.05	16/07/1997	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
30	NGUYỄN THỊ KIM	CHUYỀN	10.07.02	19/05/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
31	LÊ TRẦN THẢO	NI	10.07.08	20/11/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
32	NGUYỄN HỒNG	HẢO	10.07.06	08/08/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
33	NGUYỄN THU	TRANG	10.07.10	25/08/1997	Kinh	Gia Lai	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
34	TÔN QUỲNH	LÂM	10.08.06	19/03/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
35	PHẠM THỊ	HƯƠNG	10.08.04	13/09/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
36	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	10.08.03	08/02/1998	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	BÙI QUANG	KHẢI	10.08.05	18/03/1997	Kinh	Bình Phước	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
38	TRẦN THỊ XUÂN	MƠ	10.08.07	17/02/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
39	HOÀNG THỊ BÍCH	NGỌC	10.08.09	20/02/1998	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
40	TRƯƠNG THỊ	HẢO	10.08.02	10/04/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
41	CHU THỊ	DỊU	10.08.01	14/03/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
42	ĐỖ THANH	THỦY	10.08.10	25/12/1998	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
43	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	10.09.02	08/12/1998	Kinh	Bình Dương	Nam	Tiếng Anh	15.10	Nhì	11	THPT chuyên Quang Trung
44	BÙI LẬP	SANG	10.09.04	24/06/1998	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Tiếng Anh	15.10	Nhì	11	THPT chuyên Quang Trung
45	HUỲNH NGỌC THẢO	NGUYÊN	10.09.03	09/06/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
46	ĐẶNG THỊ KHÁNH	VY	10.09.06	26/04/1998	Kinh	Bình Phước	Nữ	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
47	NGUYỄN THỊ TRÚC	VÂN	10.09.05	20/03/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
48	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	10.09.01	24/10/1997	Kinh	Bình Phước	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 48 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

11-TỈNH BÌNH THUẬN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	DƯƠNG ĐỨC	THỊNH	11.01.04	26/03/1997	Kinh	Bình Thuận	Nam	Toán	18.00	Ba	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
2	NGUYỄN BẢO	HUY	11.02.02	25/09/1998	Kinh	Bình Thuận	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
3	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	11.02.01	17/01/1998	Kinh	Bình Thuận	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
4	TRẦN NGỌC TƯỜNG	UYÊN	11.03.06	17/05/1997	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Hoá học	22.60	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
5	TRƯƠNG VĂN	HÒA	11.04.03	06/01/1997	Kinh	Bình Thuận	Nam	Sinh học	30.55	Ba	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
6	LÊ THỊ THU	THỦY	11.04.06	30/11/1997	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Sinh học	27.15	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
7	ĐOÀN TẤN VIỆT	KHÔI	11.05.03	31/08/1997	Kinh	Bình Thuận	Nam	Tin học	15.92	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
8	HOÀNG LÊ NGUYÊN	ĐẠT	11.07.03	21/08/1997	Kinh	Bình Thuận	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
9	TRƯƠNG GIA	HÂN	11.08.03	09/05/1997	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
10	NGUYỄN TẤN	LỘC	11.08.04	11/05/1998	Kinh	Bình Thuận	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo

Danh sách này gồm 10 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

12-TỈNH CÀ MAU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÝ	ANH	12.01.01	17/09/1998	Kinh	Cà Mau	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	chuyên Phan Ngọc Hiển
2	TRẦN NGỌC	BÁCH	12.01.02	22/07/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	chuyên Phan Ngọc Hiển
3	NGÔ TRỌNG	NHÂN	12.02.02	11/04/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Vật lí	11.50	K.Khích	12	chuyên Phan Ngọc Hiển
4	LÝ XÔNG	PHA	12.04.05	10/06/1997	Kinh	Kiên Giang	Nam	Sinh học	28.85	Ba	12	chuyên Phan Ngọc Hiển
5	LÊ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	12.06.05	21/07/1997	Kinh	Cà Mau	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	chuyên Phan Ngọc Hiển
6	PHẠM KHÁNH	DUY	12.06.01	16/08/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	U Minh
7	HỒ HUỲNH LAM	LINH	12.06.03	26/03/1998	Kinh	Cà Mau	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Đầm Dơi
8	NGUYỄN HỒNG	NGOÃN	12.06.04	16/02/1997	Kinh	Cà Mau	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Đầm Dơi
9	TRẦN THỊ ÁI	LINH	12.07.04	19/11/1997	Kinh	Cà Mau	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Đầm Dơi
10	LÊ KHẢI	NGHIÊM	12.07.05	04/02/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Thới Bình
11	TRỊNH HỮU	ĐỆ	12.08.02	11/07/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Địa lí	14.25	Ba	12	Cái Nước

Danh sách này gồm 11 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

13-TP. CẦN THƠ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN ĐẮC NHÂN	TÂM	13.01.05	13/05/1997	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	19.50	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
2	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	13.02.02	19/05/1997	Kinh	Cần Thơ	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
3	NGUYỄN KHÁNH	MINH	13.02.04	03/06/1997	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	12	PT Quốc Văn Cần Thơ
4	LÊ BẢO	NHƯ	13.03.05	29/12/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Hoá học	25.15	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
5	ROÃN HƯNG	THUẬN	13.03.06	22/02/1997	Kinh	Cần Thơ	Nam	Hoá học	24.80	Ba	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
6	NGUYỄN	BẰNG	13.04.01	20/12/1996	Kinh	Cần Thơ	Nam	Sinh học	26.10	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
7	HUỲNH NGUYỄN NHƯ	NGỌC	13.04.02	09/05/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Sinh học	26.65	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
8	PHẠM ĐẮC	PHÚ	13.04.04	30/03/1998	Kinh	Cần Thơ	Nam	Sinh học	31.90	Nhì	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
9	THÁI THỊNH	PHÚ	13.05.03	18/10/1997	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tin học	13.93	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
10	NGUYỄN DIỆP XUÂN	QUANG	13.05.04	16/05/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tin học	18.82	Ba	10	THPT chuyên Lý Tự Trọng
11	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	13.06.04	06/05/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
12	BÙI THIỆN	TRÍ	13.06.06	25/04/1998	Kinh	Cần Thơ	Nam	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
13	NGUYỄN QUỐC THỤY LAN	ANH	13.07.01	28/09/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
14	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	13.08.01	12/01/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
15	CHUNG TỬ	ANH	13.09.01	09/07/1998	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.15	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
16	TRẦN NGUYỆT	MINH	13.09.03	28/08/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
17	NGUYỄN LÊ BẢO	TRÂN	13.09.05	21/06/1998	Kinh	An Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
18	NGUYỄN THỊ THANH	VY	13.09.06	21/04/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Anh	14.15	Ba	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

13-TP. CẦN THƠ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN MỸ HẠNH	DUYÊN	13.11.01	30/03/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Pháp	13.90	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
20	BÀNH NGỌC THỤY	THẢO	13.11.05	16/01/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Pháp	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng
21	NGUYỄN MINH	THƯ	13.11.07	28/03/1997	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Pháp	14.65	K.Khích	12	THPT chuyên Lý Tự Trọng
22	HUỲNH HỮU THANH	TRÀ	13.11.08	12/01/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Pháp	16.65	Nhất	11	THPT chuyên Lý Tự Trọng

Danh sách này gồm 22 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

14-TỈNH CAO BẰNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐÀM VIỆT	CHÌ	14.02.01	23/06/1997	Nùng	Cao Bằng	Nam	Vật lí	11.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	ĐOÀN THỊ	LAM	14.06.04	19/01/1997	Tày	Cao Bằng	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
3	NÔNG TRÚC	QUỲNH	14.06.05	11/07/1997	Tày	Cao Bằng	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
4	ĐÀO TRỌNG	NGHĨA	14.07.04	14/04/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên
5	ĐỖ THỊ HƯƠNG	TRÀ	14.08.05	05/04/1997	Nùng	Cao Bằng	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
6	ĐÀM TRÍ	TUỆ	14.08.06	24/08/1997	Tày	Cao Bằng	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên

Danh sách này gồm 6 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ VŨ NAM	ANH	15.01.01	07/04/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	20.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	NGUYỄN NGỌC	BẢO	15.01.02	22/10/1997	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	15.01.04	30/06/1997	Kinh	Cộng Hòa Séc	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN QUANG	DUY	15.01.03	15/05/1997	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	TRẦN TRỌNG	HIẾU	15.01.05	17/11/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	22.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	CAO XUÂN	HUY	15.01.06	18/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	NGUYỄN VĂN GIA	THỊNH	15.01.07	19/08/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	24.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	NGUYỄN HỮU MINH	THÔNG	15.01.08	18/12/1998	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	20.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
9	LƯU QUANG	KHẢI	15.02.01	28/06/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	TRẦN QUANG	MINH	15.02.02	13/02/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
11	DƯƠNG MINH	NGHĨA	15.02.03	07/10/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	22.25	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
12	NGUYỄN VÕ THANH	VIỆT	15.02.06	10/01/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
13	MAI DIỆU	LINH	15.03.01	05/07/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Hoá học	23.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
14	TRƯƠNG NHƯ	PHƯỚC	15.03.03	21/05/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Hoá học	23.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
15	NGUYỄN TÚ	QUỲNH	15.03.04	16/08/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Hoá học	24.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
16	BÙI TRẦN DIỄM	THI	15.03.06	20/07/1997	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Hoá học	23.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
17	ĐÀO XUÂN HOÀN	THIỆN	15.03.07	08/02/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Hoá học	24.70	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
18	LÂM NGUYỄN ĐOAN	TRANG	15.03.08	18/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Hoá học	31.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN HỮU MINH	DŨNG	15.04.03	30/08/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Sinh học	33.35	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
20	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	15.04.04	22/10/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	26.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
21	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	15.04.05	23/09/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Sinh học	31.85	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
22	NGUYỄN THÔNG	HIẾU	15.04.06	17/04/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Sinh học	35.25	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
23	TRẦN TRÚC	LÂM	15.04.07	25/08/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	30.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
24	HÀ PHẠM BÍCH	TRÂM	15.04.08	11/02/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Sinh học	28.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
25	NGUYỄN NGỌC	DƯỠNG	15.05.01	15/05/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tin học	12.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
26	ĐINH VĨNH	HOÀNG	15.05.04	03/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tin học	14.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
27	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH	LƯƠNG	15.05.05	28/05/1998	Kinh	Quảng Nam	Nam	Tin học	25.78	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
28	TRẦN CHÍ	NGUYỄN	15.05.07	07/03/1998	Kinh	Đắc Lắc	Nam	Tin học	16.04	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
29	ĐÀO NGUYÊN	HẠNH	15.06.01	21/08/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
30	PHẠM THỊ LÊ	NA	15.06.02	01/01/1997	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
31	TRƯƠNG NGỌC UYỂN	NHI	15.06.04	01/01/1998	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
32	HỒ THỊ THANH	THẢO	15.06.05	03/01/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
33	NGÔ THỊ THANH	THẢO	15.06.06	12/04/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
34	LÊ VŨ MINH	THI	15.06.07	05/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
35	ĐINH ANH	THƯ	15.06.08	06/08/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
36	TRẦN THỊ	TẤN	15.07.06	30/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN THỊ DIỆU	THẢO	15.07.07	04/06/1998	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
38	NGUYỄN NGỌC CẨM	NI	15.08.03	10/10/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
39	LÊ QUANG	THÔNG	15.08.05	06/05/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
40	HUỲNH KIM	VŨ	15.08.06	11/12/1997	Kinh	Quảng Nam	Nam	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
41	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	AN	15.09.01	13/10/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
42	HÀ ĐỨC	BẢO	15.09.02	26/12/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Anh	14.70	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
43	NGUYỄN THUỴ HẠC	CẦM	15.09.03	05/12/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
44	PHẠM ĐÌNH	DUY	15.09.04	24/04/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
45	HUỲNH KHÁNH	LINH	15.09.05	06/04/1997	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
46	ĐẶNG HUỆ	MIÊN	15.09.06	31/03/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
47	TRẦN PHƯƠNG	THANH	15.09.08	06/09/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.45	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
48	ĐẶNG QUANG	VINH	15.09.10	18/08/1996	Kinh	Quảng Nam	Nam	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	THPT Phan Châu Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 48 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

16-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ THẾ	CƯỜNG	16.02.01	04/06/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	15.50	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
2	ĐOÀN MINH	DŨNG	16.02.02	26/03/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Huệ
3	LÊ VĂN	NAM	16.02.04	29/11/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	19.00	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
4	NGUYỄN VIẾT	SANG	16.02.06	04/01/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
5	PHẠM NGUYỄN NGỌC	BẢO	16.03.01	22/08/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	30.70	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
6	HỒ THỊ	GIANG	16.03.03	01/08/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Hoá học	26.55	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
7	DƯƠNG THỊ NGỌC	HIỀN	16.03.04	17/11/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Hoá học	24.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
8	TRƯƠNG GIA	HUY	16.03.05	01/07/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	22.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
9	NGUYỄN CAO HOÀNG	NAM	16.03.07	25/08/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	27.30	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
10	HUỲNH BẢO ANH	NGUYÊN	16.03.08	24/11/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	21.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
11	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	16.03.06	29/05/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	27.70	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
12	ĐẶNG KHÁNH	HUYỀN	16.04.01	06/02/98	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Sinh học	25.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
13	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÚY	16.04.06	28/01/98	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Sinh học	27.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
14	CHU TRỌNG	CAO	16.05.01	02/01/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	14.03	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
15	NGUYỄN THANH	HẢI	16.05.02	30/03/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	18.68	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
16	NGÔ ĐỨC	NGHĨA	16.05.03	14/01/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	16.22	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
17	TRẦN THÀNH	NHÂN	16.05.04	03/01/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tin học	14.53	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
18	ĐẶNG VŨ KHÁNH	HUYỀN	16.06.04	10/10/98	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

16-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	HOÀNG THỊ	OANH	16.06.05	22/07/97	Nùng	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Ngô Gia Tự
20	NGÔ THỊ THUỲ	TRANG	16.06.06	06/06/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Phan Đình Phùng
21	HUỲNH THỊ BÍCH	CHI	16.06.01	30/09/97	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
22	ĐỖ THỊ NGỌC	HUYỀN	16.07.01	13/06/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Trần Quốc Toản
23	ĐỖ THUỲ	LY	16.07.03	15/03/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
24	HÀ THỊ KIỀU	OANH	16.07.06	20/03/97	Mường	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Trần Quốc Toản
25	NAY H	NGA	16.08.03	10/06/97	Mnông	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT DTNT N'Trang Lơng
26	MAI PHƯƠNG	THUY	16.08.05	02/02/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT Trần Quốc Toản
27	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	16.08.01	29/05/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
28	LÊ MINH	TÚ	16.08.06	02/04/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
29	TRẦN VĂN	THUẬT	16.08.04	16/12/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Cư M'gar
30	VÕ ĐẠI MINH	HUY	16.09.02	06/11/97	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
31	VÕ VĂN CHÁNH	THIÊN	16.09.05	07/01/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
32	LÊ XUÂN NGÂN	GIANG	16.11.02	01/05/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Tiếng Pháp	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Du
33	ĐÀO MẠNH	HÙNG	16.11.05	13/11/98	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tiếng Pháp	14.60	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
34	LÊ BÍCH	THỦY	16.11.06	27/10/98	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Tiếng Pháp	14.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Du
35	NGUYỄN PHAN QUỲNH	GIAO	16.11.03	11/10/97	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Tiếng Pháp	15.05	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Du

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

16-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 35 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

17-TỈNH ĐẮK NÔNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LƯƠNG THU	PHƯƠNG	17.01.04	09/04/1997	Kinh	Đăk Lăk	Nữ	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
2	NGUYỄN PHAN AN	PHÚ	17.01.03	01/01/1997	Kinh	Cà Mau	Nam	Toán	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
3	TRẦN DANH	NGÂN	17.03.04	04/09/1997	Kinh	Lầm Đồng	Nam	Hoá học	23.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
4	TRẦN THỊ	HOA	17.06.04	03/05/1998	Kinh	Đăk Lăk	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Trần Hưng Đạo
5	ĐẶNG BẠCH	HUỆ	17.07.01	03/06/1997	Kinh	Bến Tre	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Trường Chinh

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

18-TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN XUÂN	LƯƠNG	18.01.05	28/09/1998	Kinh	Điện Biên - Lai	Nam	Toán	17.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	HÀ QUANG	BÌNH	18.01.02	02/08/1998	Kinh	Thị Xã Điện	Nam	Toán	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	18.02.03	08/03/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nam	Vật lí	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN THỊ KIỀU	THƯƠNG	18.02.05	12/03/1997	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Vật lí	17.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	LÊ THÙY	TRANG	18.02.06	28/04/1997	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	PHẠM THÁI	HỌC	18.02.04	17/08/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	TÔ THỊ PHƯƠNG	MAI	18.03.05	05/11/1997	Kinh	Hưng Hà - Thái	Nữ	Hoá học	21.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	NGUYỄN PHÚC	LƯƠNG	18.03.04	25/08/1997	Kinh	Nam Sách - Hải	Nam	Hoá học	27.45	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
9	ĐINH TRỌNG	KHƯƠNG	18.03.03	15/03/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nam	Hoá học	21.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	LÊ THỊ THU	THẢO	18.04.04	30/07/1997	Kinh	Tuần Giáo - Lai	Nữ	Sinh học	26.10	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
11	ĐINH THỊ BÍCH	THƯƠNG	18.04.06	20/07/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nữ	Sinh học	26.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
12	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	18.06.05	01/06/1997	Kinh	Thái Thụy - Thái	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
13	NGÔ THỊ	DUNG	18.06.01	10/07/1997	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Ngữ văn	17.00	Nhất	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
14	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	18.06.06	31/12/1997	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
15	PHẠM THỊ QUỲNH	NGA	18.06.03	07/03/1998	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
16	ĐỖ MINH	QUÂN	18.06.04	25/10/1998	Kinh	Thị Xã Điện	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
17	PHẠM THỊ	HUYỀN	18.07.02	05/03/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
18	PHẠM MAI	THẢO	18.07.05	21/11/1997	Kinh	Điện Biên - Lai	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

18-TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÊ THỊ	TRANG	18.07.06	02/02/1997	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
20	TRẦN THỊ NHƯ	QUYÊN	18.07.03	03/08/1997	Kinh	Thị Xã Lai Châu	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
21	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	18.07.01	14/09/1998	Kinh	Thị Xã Điện	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
22	BÙI KHẮC TRUNG	ANH	18.08.01	22/02/1997	Kinh	Nho Quan -	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
23	VÀNG A	MINH	18.08.04	05/05/1997	H.Mông	Điện Biên Đông	Nam	Địa lí	16.75	Nhì	12	PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông

Danh sách này gồm 23 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN PHI	HIẾU	19.01.02	19/03/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
2	LÊ NGỌC	MINH	19.02.02	12/05/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	16.25	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
3	NGUYỄN BẢO	THI	19.02.06	27/09/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Vật lí	11.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
4	ĐỖ VIẾT	HOÀNG	19.03.01	18/12/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Hoá học	25.40	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
5	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	19.03.05	12/06/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Hoá học	27.40	Nhì	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
6	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	19.03.06	11/03/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	22.90	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
7	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂM	19.03.08	05/03/1997	Kinh	Thừa Thiên -	Nữ	Hoá học	21.15	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
8	NGÔ TRUNG	KIÊN	19.03.02	09/09/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	22.90	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
9	ĐÀO NGỌC THANH	NAM	19.03.04	11/09/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	22.90	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
10	NGUYỄN ĐÀO THANH	THƯƠNG	19.03.07	24/05/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Hoá học	21.40	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
11	LÊ THỊ	PHƯỢNG	19.04.09	24/07/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	30.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGUYỄN LÝ MINH	HIỀN	19.04.05	22/07/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	29.75	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
13	TẠ THANH	DUY	19.04.03	11/12/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	26.15	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
14	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHÂU	19.04.01	08/06/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	26.35	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
15	ĐINH LÊ	CHƯƠNG	19.04.02	23/01/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	29.30	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
16	BÙI THỊ MINH	NGỌC	19.04.08	13/11/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	26.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
17	NGUYỄN PHAN QUỲNH	LÂM	19.04.07	22/02/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	28.90	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
18	LÊ THANH	HUY	19.04.06	13/06/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	25.90	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
19	NGUYỄN MINH	PHƯỢNG	19.04.10	30/06/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	28.85	Ba	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
20	NGUYỄN QUỐC	HUY	19.05.04	16/09/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	23.53	Nhì	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
21	NGUYỄN NGỌC	QUANG	19.05.06	11/06/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	30.70	Nhất	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
22	TRẦN ANH	HÀO	19.05.01	24/03/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	23.90	Nhì	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	HỒ NHẬT	NAM	19.05.05	03/07/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	20.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
24	HỒ TRUNG	HIẾU	19.05.02	31/01/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	15.78	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
25	LÊ KHẮC	HUY	19.05.03	09/10/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	21.78	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
26	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	19.06.06	04/01/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
27	PHAN THẾ	ANH	19.08.02	26/07/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
28	NGÔ THỊ KIM	TRANG	19.08.05	07/06/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Long Khánh
29	ĐINH TRẦN PHƯƠNG	ANH	19.09.01	08/07/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Tiếng Anh	16.20	Nhì	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
30	TRẦN HỮU	DỤNG	19.09.03	05/11/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
31	PHẠM HỒNG GIA	HÂN	19.09.04	18/11/1997	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Tiếng Anh	15.70	Nhì	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
32	TRƯƠNG TRÚC	THANH	19.09.07	07/02/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh
33	ĐỖ MAI HUYỀN	TRANG	19.09.09	25/01/1998	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
34	NGUYỄN NGUYÊN	MINH	19.09.06	31/03/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Vinh
35	ĐÀO THÙY	TRANG	19.09.08	25/01/1998	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Thế Vinh
36	THÁI THẢO	VY	19.09.10	08/10/1997	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Thế Vinh

Danh sách này gồm 36 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

20-TỈNH ĐỒNG THÁP

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN KINH	LUÂN	20.01.05	15/06/1998	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
2	HOÀNG ĐẮC	DINH	20.02.02	28/12/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Vật lí	11.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
3	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	20.03.03	17/10/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Hoá học	26.40	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
4	TRẦN TOÀN	VĂN	20.03.05	05/02/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Hoá học	22.45	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
5	NGUYỄN GIA	DUY	20.04.01	08/12/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	27.45	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
6	NGUYỄN HOÀNG	NAM	20.04.03	06/12/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	29.80	Ba	12	THPT Lấp Vò 1
7	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	20.04.06	15/08/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	27.35	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
8	NGUYỄN HỮU NHẬT	TRƯỜNG	20.04.07	26/10/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	27.40	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
9	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	20.05.04	04/04/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Tin học	23.45	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
10	TÔ HIẾU	MINH	20.05.05	03/11/1998	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Tin học	13.11	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
11	LÊ QUỐC	ĐẠT	20.05.03	13/01/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Tin học	17.63	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
12	LÊ THỂ AN	XUÂN	20.06.06	28/01/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

20-TỈNH ĐỒNG THÁP

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Chiểu
13	TRẦN TUYẾT	OANH	20.06.02	17/02/1998	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
14	NGUYỄN THANH	TUYỀN	20.07.06	09/11/1996	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Cao Lãnh 1
15	TRẦN VƯƠNG	LINH	20.08.03	25/01/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Tháp Mười
16	LÊ NGỌC	NHÂN	20.08.04	26/04/1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Thiên Hộ Dương

Danh sách này gồm 16 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

21-TỈNH GIA LAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HỮU	HUY	21.01.01	29/09/1997	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
2	TRẦN TRUNG	ĐỨC	21.04.02	28/02/1997	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	33.40	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
3	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	21.04.06	06/11/1997	Kinh	Gia Lai	Nữ	Sinh học	25.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
4	LÊ THỊ	HIỀN	21.04.03	22/04/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Sinh học	30.55	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
5	NGUYỄN XUÂN	NGUYÊN	21.04.04	03/02/1998	Kinh	Đăk Lăk	Nam	Sinh học	30.45	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
6	HỒ NGỌC KHANG	VINH	21.05.03	30/07/1998	Kinh	Gia Lai	Nam	Tin học	12.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
7	NGUYỄN THỊ QUẾ	MI	21.06.04	18/06/1998	Kinh	Bình Định	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
8	NGUYỄN BÙI HOÀNG	MAI	21.06.03	26/03/1997	Kinh	Gia Lai	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
9	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	21.07.04	18/04/1997	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
10	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	21.07.05	16/05/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
11	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	21.07.03	12/08/1997	Kinh	Gia Lai	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
12	PHẠM THỊ	MÂY	21.08.03	12/07/1997	Kinh	Gia Lai	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

21-TỈNH GIA LAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 12 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

22-TỈNH HÀ GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGÔ THU	HIỀN	22.06.02	12/12/1997	Kinh	Hà Giang	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
2	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	22.06.04	26/08/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
3	VŨ TRƯỜNG	GIANG	22.07.02	11/05/1997	Kinh	Hà Giang	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên
4	NGUYỄN HOÀNG	LAN	22.07.03	22/03/1997	Tày	Hà Giang	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
5	LA THU	HƯƠNG	22.08.03	26/07/1997	Mông	Hà Giang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	PTDT Nội trú cấp 2,3 Yên Minh

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	23.01.05	12/06/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
2	ĐẶNG VŨ	ĐỨC	23.01.01	11/02/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
3	NGÔ THÀNH	TRUNG	23.01.06	23/09/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
4	NGUYỄN THỊ	HUỆ	23.01.02	12/01/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Toán	20.50	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
5	LÊ ANH	TUẤN	23.01.07	21/03/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
6	TRỊNH NGỌC	TÚ	23.01.08	12/04/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Toán	19.50	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
7	ĐẶNG QUANG	HUY	23.01.03	06/06/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
8	VŨ LAN	ANH	23.02.02	24/03/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Vật lí	11.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
9	NGUYỄN CÔNG	ANH	23.02.01	09/10/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
10	LÃ QUANG	CƯỜNG	23.02.03	15/08/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	18.75	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
11	ĐINH VĂN	NGỌC	23.02.06	14/12/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	16.25	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
12	ĐINH THỊ THU	HƯỜNG	23.02.04	26/08/1998	Kinh	Hà Nam	Nữ	Vật lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Biên Hòa
13	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	23.02.05	13/11/1998	Kinh	Hà Nam	Nữ	Vật lí	15.25	Ba	11	THPT Chuyên Biên Hòa
14	ĐOÀN VĂN	TUẤN	23.02.07	26/04/1998	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	17.25	Ba	11	THPT Chuyên Biên Hòa
15	LƯƠNG NGỌC	CƯỜNG	23.03.01	26/05/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	31.30	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
16	BÙI THÙY	LINH	23.03.04	26/06/1997	Kinh	Hòa Bình	Nữ	Hoá học	30.00	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
17	LẠI TUẤN	DŨNG	23.03.02	12/08/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Hoá học	23.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
18	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẢI	23.03.03	12/01/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Hoá học	23.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN QUỐC	QUÂN	23.03.06	10/02/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Hoá học	23.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
20	PHẠM THỊ	THẢO	23.03.08	20/05/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Hoá học	22.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
21	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	23.03.05	16/08/1998	Kinh	Hà Nam	Nữ	Hoá học	24.45	Ba	11	THPT Chuyên Biên Hòa
22	NGHIÊM MINH	HIẾU	23.04.01	16/04/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Sinh học	30.85	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
23	ĐỖ HẰNG	THANH	23.04.07	07/10/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	27.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
24	LƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	23.04.03	12/04/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	34.10	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
25	PHẠM THỊ THÙY	MY	23.04.06	02/02/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	29.45	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
26	LƯƠNG VĂN	MẠNH	23.04.05	26/05/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Sinh học	31.55	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
27	LÊ THỊ KIM	TUYẾN	23.04.08	19/09/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	29.50	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
28	TRẦN TÙNG	LÂM	23.04.04	30/01/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	32.10	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
29	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	23.04.02	23/12/1998	Kinh	Hà Nam	Nam	Sinh học	29.00	Ba	11	THPT Chuyên Biên Hòa
30	ĐÀO PHAN	KHẢI	23.05.03	08/10/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Tin học	18.10	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
31	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	23.06.06	24/10/1998	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Biên Hòa
32	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	23.06.02	06/01/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
33	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LIÊN	23.06.03	07/07/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
34	NGUYỄN THỊ	MẾN	23.06.05	26/09/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
35	LƯƠNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	23.06.07	27/03/1997	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
36	NHỮ THỊ CẨM	TÚ	23.06.08	03/05/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	LƯU THỊ LAN	ANH	23.07.01	12/08/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
38	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	23.07.02	24/11/1997	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
39	TRẦN NỮ NGỌC	DIỆP	23.07.03	19/08/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
40	ĐẶNG THỊ THÚY	QUỲNH	23.07.05	17/07/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
41	TRỊNH THỊ TÚ	QUỲNH	23.07.06	02/05/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
42	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	23.07.07	09/09/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
43	LỪ THỊ HẢI	YẾN	23.07.08	05/11/1997	Thái	Sơn Tây	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
44	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	23.07.04	17/03/1998	Kinh	Hà Nam	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Biên Hòa
45	HOÀNG THỊ	HỒNG	23.08.02	01/08/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
46	ĐÀO QUỐC	VIỆT	23.08.07	10/02/1997	Kinh	Hà Nam	Nam	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
47	KIỀU THU	HIỀN	23.08.01	17/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa
48	TRẦN THỊ THÙY	LINH	23.08.05	29/11/1997	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Biên Hòa
49	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	23.08.08	11/11/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Biên Hòa
50	ĐỖ NGỌC	KHÁNH	23.08.04	23/12/1998	Kinh	Hà Nam	Nam	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Biên Hòa
51	NGÔ NGỌC	VÂN	23.10.08	08/08/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tiếng Nga	17.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 51 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HOÀNG CAO	PHONG	24.01.08	12/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
2	PHÙNG ĐẮC VŨ	ANH	24.01.04	05/12/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	19.00	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
3	LƯƠNG QUỐC	TRUNG	24.01.12	28/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
4	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	ANH	24.01.01	12/04/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
5	NGUYỄN VIỆT	ANH	24.01.03	15/12/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	13.00	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
6	ĐOÀN VIỆT	CƯỜNG	24.01.06	05/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
7	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	24.01.07	04/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	17.00	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
8	PHẠM ĐỨC	THẮNG	24.01.10	20/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
9	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	24.02.01	17/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	20.00	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
10	NGUYỄN SONG	HÀ	24.02.04	05/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Vật lí	22.00	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
11	PHẠM QUANG	MINH	24.02.08	15/03/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	20.25	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
12	TRẦN NHẬT	QUANG	24.02.12	11/04/1998	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	18.25	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
13	PHẠM NGỌC	DŨNG	24.02.03	23/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	25.50	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
14	NGUYỄN DANH	PHƯƠNG	24.02.11	10/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	24.75	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
15	LÊ HOÀNG	VÂN	24.02.15	24/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Vật lí	16.75	Ba	12	Đào Duy Từ
16	VŨ THANH TRUNG	NAM	24.02.09	19/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	30.00	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
17	TRẦN ĐÌNH	CƯỜNG	24.02.02	09/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	18.00	Ba	12	Chu Văn An
18	CHU KHÁNH	HOÀNG	24.02.05	30/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	20.00	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
19	HÀ LINH	QUÂN	24.02.13	22/05/1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
20	BÙI MINH	THẮNG	24.02.14	22/09/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	12.50	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
21	ĐỖ QUANG	KHẢI	24.02.06	04/10/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
22	NGUYỄN QUANG	MINH	24.02.07	03/12/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	18.25	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
23	ĐÀO CƯ HÙNG	PHI	24.02.10	17/01/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	18.00	Ba	11	Chuyên Nguyễn Huệ
24	ĐINH TUẤN	HOÀNG	24.03.10	10/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	34.35	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
25	TRỊNH TUẤN	ANH	24.03.03	27/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	29.40	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
26	BÙI QUÝ	SƠN	24.03.12	02/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	22.25	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
27	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	24.03.01	12/07/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Hoá học	22.70	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
28	LÊ MẠNH	TUẤN	24.03.15	29/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	25.10	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
29	NGUYỄN THANH	BÌNH	24.03.04	11/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	26.70	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
30	PHẠM THÁI	HÀ	24.03.07	02/04/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	33.60	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
31	CAO DANH	HIẾU	24.03.09	10/10/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Hoá học	23.60	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
32	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	GIANG	24.03.06	02/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	21.55	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
33	NGUYỄN HỮU	LONG	24.03.11	03/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	23.95	K.Khích	11	Chu Văn An
34	HOÀNG MINH	HẢI	24.03.08	27/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	29.05	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
35	LÊ THỊ HỒNG	HOA	24.04.11	18/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	34.50	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
36	VÕ THANH	MAI	24.04.17	04/12/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	36.50	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
37	NGUYỄN MINH	ANH	24.04.04	26/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	33.20	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
38	LẠI QUỐC	ĐẠT	24.04.07	18/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	26.50	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
39	ĐỖ TRUNG	HIẾU	24.04.10	05/12/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	30.50	Ba	11	Chuyên Nguyễn Huệ
40	PHẠM LÊ	MINH	24.04.18	28/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	32.75	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
41	TRẦN THỊ KIM	ANH	24.04.05	24/01/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Sinh học	30.55	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
42	NGUYỄN MINH	HƯƠNG	24.04.12	04/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	30.50	Ba	11	Chu Văn An
43	VŨ LÊ PHƯỚC	HẠNH	24.04.08	14/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.70	Nhì	11	Chu Văn An
44	PHẠM THỊ THANH	HƯỜNG	24.04.13	24/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	29.85	Ba	12	Chu Văn An
45	NGUYỄN THỊ	THU	24.04.19	13/02/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Sinh học	29.90	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
46	CẤN KHÁNH	LINH	24.04.15	14/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.60	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
47	TRẦN MINH	AN	24.04.02	10/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	29.55	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
48	NGUYỄN THÚY	AN	24.04.01	13/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	27.30	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
49	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	24.04.06	08/08/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	30.05	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
50	NGUYỄN MỘC	LAN	24.04.14	05/05/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.95	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
51	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	24.04.09	09/11/1997	Kinh	Sơn Tây	Nữ	Sinh học	31.40	Nhì	12	Sơn Tây

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
52	TRẦN MINH	TRANG	24.04.20	11/11/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	28.65	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
53	NGUYỄN ĐỨC	MINH	24.05.09	28/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	28.75	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
54	NGUYỄN ANH	QUANG	24.05.13	30/05/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Tin học	20.58	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
55	NGUYỄN ĐỨC	MINH	24.05.10	02/09/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Tin học	17.85	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
56	NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	24.05.05	13/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	23.35	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Huệ
57	LẠI HOÀNG	LÊ	24.05.08	21/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	14.79	K.Khích	12	Chu Văn An
58	ĐỖ QUANG	PHONG	24.05.12	24/06/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	20.72	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
59	HOÀNG VIỆT	CƯỜNG	24.05.01	04/12/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Tin học	12.92	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Huệ
60	LÊ MINH	HIẾU	24.05.06	07/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	32.85	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
61	TRẦN ANH	DŨNG	24.05.03	18/03/1997	Kinh	Cao Bằng	Nam	Tin học	17.19	Ba	12	Cổ Loa
62	TRẦN NHƯ	NGHĨA	24.05.11	16/11/1998	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	16.63	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
63	LÊ XUÂN	HƯNG	24.05.07	16/11/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	26.40	Nhì	12	Chu Văn An
64	LÊ VIỆT	THẮNG	24.05.15	13/01/1997	Kinh	CHLB Nga	Nam	Tin học	12.74	K.Khích	12	Chu Văn An
65	NGUYỄN THỤC	ANH	24.06.02	20/05/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
66	NGUYỄN THỊ THU	GIANG	24.06.05	04/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	17.00	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
67	LÊ HUYỀN	MINH	24.06.10	24/08/1997	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chu Văn An
68	PHẠM THỊ THÁI	PHƯƠNG	24.06.14	04/05/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
69	VÕ HƯƠNG	DUNG	24.06.04	29/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
70	ĐỖ HỒNG	HẠNH	24.06.06	28/06/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
71	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	24.06.07	26/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chu Văn An
72	NGUYỄN MINH	HÒA	24.06.08	27/07/1997	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chu Văn An
73	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	24.06.13	07/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
74	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	ANH	24.06.03	30/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
75	ĐỖ HUỆ	ANH	24.06.01	26/03/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
76	NGUYỄN TRẦN THY	KHANH	24.06.09	13/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Việt Đức
77	TỪ HẢI	MINH	24.06.12	11/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
78	NGUYỄN THẢO	MINH	24.06.11	17/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Nội-Amsterdam
79	TRẦN HẢI	YẾN	24.06.15	27/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
80	NGUYỄN TÙNG	LONG	24.07.10	07/08/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
81	NGUYỄN THỊ VIỆT	CHINH	24.07.03	02/10/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Huệ
82	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	24.07.08	07/05/1997	Kinh	Sơn Tây	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	Sơn Tây
83	NGUYỄN THỊ NHẬT	ANH	24.07.01	19/08/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Huệ
84	TRẦN THỊ TƯỜNG	VI	24.07.12	16/05/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Huệ
85	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	24.07.11	21/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	11	Chu Văn An
86	BÙI NGUYÊN	ĐỨC	24.07.05	15/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	Chu Văn An
87	VŨ HƯƠNG	GIANG	24.07.06	26/01/1996	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	Chu Văn An
88	NGUYỄN HÀ	CHI	24.07.02	24/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Chu Văn An
89	NGUYỄN THƯỢNG	ĐẠT	24.07.04	06/01/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	11	Chu Văn An
90	BÙI MỸ	HẠNH	24.07.07	01/08/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
91	NGUYỄN ĐĂNG	HIẾU	24.08.04	16/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	16.25	Nhì	11	Trần Nhân Tông
92	TRẦN LÊ THANH	HẰNG	24.08.03	27/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	Chu Văn An
93	NGUYỄN KHÁNH	LINH	24.08.08	28/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
94	PHẠM THÙY	LINH	24.08.09	23/03/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
95	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	24.08.11	20/10/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
96	PHẠM NGỌC	ANH	24.08.01	02/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
97	NGUYỄN AN	CHI	24.08.02	20/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
98	NGUYỄN QUÝ	KHOA	24.08.06	05/12/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Địa lí	16.75	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Huệ
99	PHẠM HỒNG	NGỌC	24.08.12	13/04/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Nhân Chính
100	LÊ HÀ	THU	24.09.19	27/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.60	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
101	TRẦN THÙY	LINH	24.09.08	19/06/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	17.35	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
102	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	24.09.17	16/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	16.60	Nhất	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
103	ĐỖ HOÀNG	LONG	24.09.10	05/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.90	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
104	NGUYỄN NGỌC	ANH	24.09.01	24/05/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	Chu Văn An
105	NGUYỄN QUỲNH	CHI	24.09.03	25/12/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
106	TRẦN THÙY	LINH	24.09.09	25/05/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.30	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
107	NGUYỄN NHẬT	MINH	24.09.12	06/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
108	LƯU MAI	TRANG	24.09.20	04/12/1996	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.50	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
109	ĐOÀN VŨ	NAM	24.09.13	14/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.30	Ba	11	Chuyên Nguyễn Huệ
110	VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	24.09.15	24/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.10	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
111	HOÀNG TRẦN PHƯƠNG	THẢO	24.09.18	18/04/1997	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.00	Ba	12	Chu Văn An
112	ĐẶNG XUÂN MINH	ĐỨC	24.09.04	24/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
113	TRẦN AN BÍCH	HÀ	24.09.06	23/10/1998	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
114	NGUYỄN NGỌC	MINH	24.09.11	26/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
115	ĐỖ MINH	QUÂN	24.09.16	08/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
116	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24.09.02	19/02/1996	Kinh	CHLB Đức	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
117	PHẠM MINH	NGỌC	24.09.14	09/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.60	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
118	HUỲNH VŨ THU	HÀ	24.09.05	23/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	Chu Văn An
119	LÊ PHAN THỤC	LINH	24.09.07	09/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.70	Nhì	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
120	PHẠM CÔNG	THÀNH	24.10.09	17/09/1996	Kinh	Ucraina	Nam	Tiếng Nga	17.22	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
121	NGHIÊM BÁ	TRÍ	24.10.11	01/12/1996	Kinh	LB Nga	Nam	Tiếng Nga	19.88	Nhất	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
122	TRẦN KHÁNH	LÂM	24.10.05	03/11/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Nga	17.98	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Huệ
123	NGUYỄN THÙY	LINH	24.10.07	19/08/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	17.60	Ba	12	Chuyên Nguyễn Huệ
124	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	24.10.10	24/10/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	17.05	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
125	NGUYỄN HẢI	YẾN	24.10.12	09/10/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	17.75	Nhì	11	Chuyên Nguyễn Huệ
126	VŨ HOÀNG MỸ	LINH	24.10.08	03/04/1997	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	17.00	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Huệ
127	LÊ MINH	ANH	24.10.01	20/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	17.35	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
128	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	24.10.04	23/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	16.70	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
129	TRẦN VÂN	ANH	24.10.03	11/12/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	16.45	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
130	VƯƠNG THU	TRANG	24.11.14	03/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	16.30	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
131	TRẦN LÊ	MINH	24.11.06	06/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	14.25	K.Khích	12	Chuyên Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Nội-Amsterdam
132	BÀNH PHƯƠNG	UYÊN	24.11.15	08/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.95	Ba	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
133	NGUYỄN THANH	THẢO	24.11.10	01/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	13.90	K.Khích	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
134	LÊ PHƯƠNG	NHƯ	24.11.08	17/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.70	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
135	NGUYỄN TUẤN	KHANG	24.11.04	13/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	14.30	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
136	PHẠM THỊ ANH	THƯ	24.11.11	12/07/1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.55	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
137	HOÀNG YẾN	CHI	24.11.03	02/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
138	NGUYỄN THU	TRANG	24.11.13	04/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.80	Nhì	11	Chuyên Hà Nội-Amsterdam
139	NGUYỄN	OCÉANE	24.11.01	25/02/1997	Kinh	CH Pháp	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	12	Chu Văn An
140	PHẠM KHÁNH	LINH	24.12.04	05/06/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	14.50	Ba	12	Chuyên Hà Nội-Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 140 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HÀ TRỌNG	HIẾU	25.01.03	01/01/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
2	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	25.01.04	02/01/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	27.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
3	TRẦN ĐỨC	MẠNH	25.01.06	11/04/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
4	LÊ VĂN TRƯỜNG	NHẬT	25.01.07	04/10/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	18.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
5	TRẦN THỊ THÚY	QUỲNH	25.01.08	19/04/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
6	NGUYỄN VĂN	THẾ	25.01.10	26/02/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	20.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
7	TRẦN HẬU MẠNH	CƯỜNG	25.01.01	30/07/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
8	NGUYỄN THỊ VIỆT	HÀ	25.01.02	17/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Toán	25.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
9	PHAN VĨNH	KHÁNH	25.01.05	16/12/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
10	TRẦN HỒNG	SƠN	25.01.09	09/01/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
11	HỒ QUANG	ANH	25.02.02	08/09/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	17.75	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
12	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	25.02.04	01/09/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	17.25	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
13	NGUYỄN THẾ	QUYỀN	25.02.06	06/03/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
14	TRẦN HỒNG	QUÂN	25.02.05	03/09/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	18.75	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
15	NGUYỄN ĐĂNG	CAO	25.02.03	22/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	19.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
16	PHAN HUY	ĐỨC	25.03.01	01/04/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	27.80	Nhì	11	THPT Hồng Lĩnh
17	NGUYỄN QUANG	SÁNG	25.03.04	18/09/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	23.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
18	TRẦN HỮU	THIỆN	25.03.05	02/08/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	23.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN HOÀNG	VŨ	25.03.06	06/03/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	22.70	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
20	LÊ THÚY	NGÀ	25.03.02	07/06/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Hoá học	30.15	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
21	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	25.03.03	02/07/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Hoá học	26.40	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
22	LÊ VĂN	ĐỨC	25.04.02	29/04/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Sinh học	32.05	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
23	NGUYỄN THỊ TRANG	LINH	25.04.04	21/08/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	30.90	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
24	PHAN NGỌC	THỌ	25.04.09	27/11/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Sinh học	28.75	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
25	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	25.04.05	07/09/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	30.35	Ba	12	THPT Mai Thúc Loan
26	LÊ BÌNH	AN	25.04.01	18/11/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	28.75	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
27	PHAN THỊ	HUYỀN	25.04.03	15/01/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	29.30	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
28	KIỀU THỊ HÀ	MY	25.04.06	15/11/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	28.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
29	NGUYỄN ĐÌNH	PHÙNG	25.04.07	07/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	27.10	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
30	LÊ HÀ	PHƯƠNG	25.04.08	09/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	28.75	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
31	ĐẶNG THỊ	TRANG	25.04.10	13/05/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	32.45	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
32	BÙI ĐÌNH	CƯƠNG	25.05.02	27/06/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	15.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
33	NGUYỄN MẬU	DUY	25.05.03	09/10/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	12.47	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
34	NGUYỄN VIẾT NHẬT	HOÀNG	25.05.05	12/11/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	14.78	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
35	ĐẬU MẠNH	TUẤN	25.05.10	29/06/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	14.38	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
36	PHAN VĂN	NHÂN	25.05.07	20/10/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	13.32	K.Khích	12	THPT Lý Tự Trọng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHAN MẠNH	TÀI	25.05.09	30/03/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	13.18	K.Khích	12	THPT Nghèn
38	NGUYỄN THÀNH	CHINH	25.05.01	11/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	20.63	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
39	NGUYỄN ANH	TUẤN	25.06.06	23/05/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Cẩm Bình
40	NGUYỄN XUÂN	ĐỨC	25.06.01	04/01/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
41	NGUYỄN THỊ BẢO	THI	25.06.02	11/03/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
42	NGUYỄN THỊ	THU	25.06.03	03/02/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	17.00	Nhất	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
43	PHAN PHAN QUỲNH	NHƯ	25.07.04	31/12/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
44	LÊ THỊ THU	THỦY	25.07.05	04/06/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
45	CAO THỊ VIỆT	ANH	25.07.01	12/11/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	17.00	Nhất	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
46	HOÀNG THỊ	HOÀI	25.07.02	01/03/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
47	PHẠM LÊ MINH	HOÀNG	25.07.03	31/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
48	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	25.07.06	02/03/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
49	NGUYỄN THÚY	NGA	25.08.04	16/02/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
50	ĐẶNG THỊ KIM	ANH	25.08.01	09/02/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	16.75	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
51	CHU THỊ MỸ	HẠNH	25.08.02	30/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
52	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	LINH	25.08.03	19/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
53	NGUYỄN TRẦN DIỆU	THÚY	25.08.05	25/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
54	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	25.09.01	09/02/1998	Kinh	Đăk Lăk	Nữ	Tiếng Anh	14.90	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN TRÀ	MY	25.09.04	27/11/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.75	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
56	TRỊNH HÀ	MY	25.09.05	24/03/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	14.60	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
57	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	25.09.06	03/09/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
58	NGUYỄN THẢO	QUỲNH	25.09.08	18/03/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	16.40	Nhất	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
59	NGUYỄN VĂN	THẮNG	25.09.10	11/05/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tiếng Anh	16.20	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
60	TRẦN QUỲNH	CHI	25.09.02	29/10/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.80	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
61	PHẠM THỊ THU	HOÀI	25.09.03	20/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
62	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	25.09.07	16/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	16.60	Nhất	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
63	PHẠM THỊ NGỌC	SƯƠNG	25.09.09	19/04/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.30	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
64	CÙ THỊ QUỲNH	TRANG	25.11.03	01/07/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.30	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
65	PHẠM HUYỀN	TRANG	25.11.06	27/09/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.85	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
66	BÙI THỊ CẨM	DUNG	25.11.01	15/09/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
67	LÊ THỊ HỒNG	THẮM	25.11.02	24/08/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
68	LÊ HÀ	TRANG	25.11.04	16/01/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	16.45	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
69	PHẠM HIỀN	TRANG	25.11.05	07/12/1997	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	15.95	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 69 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN ĐỨC	ANH	26.01.01	07/06/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
2	HOÀNG XUÂN	BÁCH	26.01.02	07/06/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
3	TĂNG VĂN	ĐẠT	26.01.03	29/07/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	25.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
4	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	26.01.04	05/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
5	ĐẶNG VĂN	KHUYẾN	26.01.06	06/03/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	20.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
6	PHẠM VĂN	TUẤN	26.01.10	18/04/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	23.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
7	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	26.01.05	11/09/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
8	VŨ QUANG	MINH	26.01.08	08/05/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
9	ĐÀO PHƯƠNG	BẮC	26.02.02	13/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	16.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
10	NGUYỄN VĂN	HÀO	26.02.04	24/01/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	16.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
11	PHẠM MINH	HIẾU	26.02.06	15/06/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	21.25	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
12	BÙI ĐỨC HIỆP	HƯNG	26.02.07	17/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	16.25	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
13	PHẠM THÀNH	LỘC	26.02.08	12/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	15.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
14	NGUYỄN TUẤN	ANH	26.02.01	28/08/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
15	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	26.02.03	18/04/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
16	ĐINH THỊ	HIỀN	26.02.05	14/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Vật lí	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
17	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	26.03.03	10/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Hoá học	21.90	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
18	LÊ QUỲNH	ANH	26.03.01	15/12/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Hoá học	23.30	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THẾ	ANH	26.03.02	27/12/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Hoá học	24.95	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
20	TRẦN VĂN	CHUNG	26.03.05	05/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	32.15	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
21	PHẠM ĐỨC	KIÊN	26.03.06	21/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	22.05	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
22	ĐINH TIẾN	LONG	26.03.07	25/12/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	22.80	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
23	HOÀNG TRUNG	VĂN	26.03.10	10/05/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	29.20	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
24	PHẠM VĂN	TẤN	26.03.08	18/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	22.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
25	TRƯƠNG THỊ THANH	THỦY	26.03.09	02/08/1998	Kinh	TP Hà Nội	Nữ	Hoá học	23.10	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
26	NGUYỄN SĨ	DŨNG	26.04.02	01/04/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	25.85	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
27	NGUYỄN HỮU	HƯNG	26.04.03	09/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	29.55	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
28	HOÀNG THỊ THU	THUỶ	26.04.06	26/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	26.35	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
29	NGUYỄN THỊ THUỶ	TIÊN	26.04.07	27/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	26.35	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
30	DƯƠNG CẨM	TÚ	26.04.09	21/12/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	26.35	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
31	ĐÀO ĐỨC	TÙNG	26.04.08	16/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	29.35	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
32	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	CÔNG	26.04.01	06/05/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	29.25	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
33	BÙI THỊ	MẬN	26.04.04	01/06/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	27.25	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
34	NGUYỄN HOÀNG	NAM	26.04.05	07/07/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	31.85	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	NGUYỄN BÁ	VIỆT	26.04.10	18/12/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	28.35	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
36	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	26.05.04	24/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	18.60	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHẠM XUÂN	THẮNG	26.05.08	01/07/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	19.85	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
38	NGUYỄN MINH	HIẾU	26.05.02	01/08/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	12.27	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
39	LƯU THỊ	HUỆ	26.05.03	03/04/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	14.32	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
40	DƯƠNG MẠNH	HÙNG	26.05.05	21/10/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	14.48	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
41	VŨ DUY	MẠNH	26.05.06	13/06/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	25.64	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
42	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	26.05.07	09/06/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	14.85	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
43	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	26.05.09	03/02/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	17.20	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
44	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	26.06.02	09/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
45	PHẠM NHẬT	MINH	26.06.04	07/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
46	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	26.06.06	25/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
47	HỒ NGỌC BẢO	TRÂM	26.06.07	27/11/1997	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
48	HOÀNG PHAN THU	UYÊN	26.06.08	27/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
49	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	26.07.01	17/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
50	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	26.07.03	06/12/1997	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
51	TRỊNH THU	GIANG	26.07.04	30/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
52	NGUYỄN VIỆT	HÀ	26.07.05	09/07/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
53	HOÀNG NHẬT	LINH	26.07.07	12/04/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
54	TRỊNH HẢI	NGỌC	26.07.08	29/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	LÊ VĂN	THÀNH	26.07.10	09/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
56	TRẦN TRUNG	HIẾU	26.07.06	05/11/1998	Kinh	TP Hà Nội	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
57	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	26.08.02	11/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
58	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	26.08.03	11/03/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	18.50	Nhất	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
59	VŨ THỊ YẾN	NHI	26.08.04	24/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
60	PHẠM HỒNG	SƠN	26.08.05	03/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
61	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	26.08.06	16/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	18.00	Nhất	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
62	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	26.08.07	02/03/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
63	HOÀNG VĂN	VỸ	26.08.08	12/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
64	ĐỖ MẠNH	HÀ	26.08.01	25/03/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	15.75	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi
65	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	26.09.01	26/04/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
66	PHẠM MINH	ĐỨC	26.09.02	20/11/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
67	VŨ TÁ TRƯỜNG	GIANG	26.09.03	28/06/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	15.90	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
68	LÊ PHƯƠNG	QUỲNH	26.09.06	26/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
69	NGUYỄN MINH	TRANG	26.09.07	01/07/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
70	NGUYỄN MINH	TRANG	26.09.08	16/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
71	LÊ THỊ	HUỆ	26.10.01	09/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	17.15	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
72	VŨ XUÂN	HUY	26.10.02	14/02/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Nga	17.65	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	26.10.03	14/12/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	17.65	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
74	VŨ ANH	QUÂN	26.10.04	10/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Nga	18.20	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
75	NGUYỄN THỊ NAM	TRANG	26.10.05	28/06/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	18.35	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
76	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	26.10.06	20/04/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	19.05	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
77	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	26.11.04	06/05/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	15.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
78	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	26.11.05	17/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
79	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	26.11.08	18/09/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	14.45	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
80	ĐÀO THỊ	TRANG	26.11.07	14/08/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	15.35	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Trãi
81	NGUYỄN HẢI	LINH	26.11.02	19/03/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	13.95	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Trãi

Danh sách này gồm 81 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM VĂN	CHIẾN	27.01.01	15-07-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
2	NGUYỄN HUY	HOÀNG	27.01.02	31-07-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	18.50	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
3	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	27.01.03	11-11-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	26.50	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
4	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	27.01.04	12-09-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
5	VŨ HỒNG	QUÂN	27.01.05	22-02-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	17.00	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
6	LƯƠNG THẾ	SƠN	27.01.06	20-12-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
7	DƯƠNG MINH	TRUNG	27.01.07	01-06-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
8	LÊ XUÂN	TÙNG	27.01.08	12-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	27.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
9	PHẠM VŨ HOÀNG	ANH	27.02.02	09-06-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	15.50	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
10	PHAN ĐỨC	ANH	27.02.01	02-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	16.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
11	TRẦN MINH	QUANG	27.02.03	20-09-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
12	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	27.02.04	19-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	28.75	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
13	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	27.02.05	07-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
14	NGÔ ĐỨC	THỊNH	27.02.07	22-04-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	21.25	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
15	NGUYỄN HÀ	ANH	27.03.01	27-07-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Hoá học	26.60	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
16	TRẦN HẢI	DƯƠNG	27.03.04	27-06-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	21.60	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
17	TRẦN NHẬT	MINH	27.03.05	28-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	32.30	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
18	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	27.03.06	20-09-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Hoá học	27.70	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÊ ANH	PHƯƠNG	27.03.07	25-10-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Hoá học	25.00	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
20	VŨ HUY NHẬT	QUANG	27.03.08	09-05-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	23.25	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
21	LƯU QUANG	QUÝ	27.03.09	14-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	23.25	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
22	BÙI HOÀNG	VIỆT	27.03.10	06-01-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	25.40	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
23	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	27.04.01	05-02-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	32.65	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
24	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	27.04.02	15-07-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	34.70	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
25	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	LONG	27.04.03	12-03-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	30.20	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
26	NGUYỄN PHÚ	LỘC	27.04.04	16-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	32.25	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
27	ĐÀO TRỌNG	PHÚC	27.04.05	26-11-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	32.20	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
28	NGUYỄN THANH	THỦY	27.04.06	01-09-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	28.90	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
29	TRẦN ANH	THƯ	27.04.07	23-10-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	32.15	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
30	TRỊNH THỊ LÊ	VÂN	27.04.08	26-09-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	31.40	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
31	TRỊNH THỊ HẠNH	AN	27.05.01	25-10-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tin học	22.28	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
32	NGUYỄN XUÂN	ĐỨC	27.05.03	24-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	17.08	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
33	ĐINH MẠNH	HOÀNG	27.05.04	15-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	22.24	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
34	MAI HUY	HOÀNG	27.05.05	21-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	30.39	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
35	LÊ QUỐC	HƯỚNG	27.05.06	03-02-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	19.40	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
36	ĐỖ HOÀNG	KHÁNH	27.05.07	11-10-1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	23.70	Nhì	10	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHÙNG DANH	LÂN	27.05.09	31-05-1998	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	20.82	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
38	ĐÀO VŨ HOÀNG	NAM	27.05.10	05-08-1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	19.07	Ba	10	THPT chuyên Trần Phú
39	NGUYỄN NGỌC	ANH	27.06.01	21-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
40	NGUYỄN THUỲ	DƯƠNG	27.06.02	23-09-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
41	ĐỖ THỊ NGÂN	HÀ	27.06.03	19-07-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
42	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	27.06.04	25-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
43	TRỊNH KHÁNH	LINH	27.06.05	02-08-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
44	VŨ THỊ THU	NGÂN	27.06.06	07-02-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
45	PHẠM HỒNG	NHUNG	27.06.07	06-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
46	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	27.06.08	12-12-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
47	TRẦN DIỆU	TRANG	27.06.09	06-02-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
48	TRẦN THU	VÂN	27.06.10	11-03-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
49	DƯƠNG THỊ	ÁNH	27.07.02	07-08-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm
50	TRỊNH THỊ THANH	HUYỀN	27.07.04	02-12-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
51	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	27.07.06	31-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
52	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	27.07.08	15-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Thái Phiên
53	PHẠM THU HẢI	BÌNH	27.08.01	19-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
54	BÙI THU	HƯƠNG	27.08.05	06-02-1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	BÙI KHÁNH	LINH	27.08.06	17-02-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
56	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	27.08.07	28-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	18.25	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
57	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	27.08.08	28-09-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Lê Quý Đôn
58	PHẠM HOÀNG	ANH	27.09.01	02-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	15.30	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
59	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	27.09.02	19-05-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
60	PHẠM THÁI	HÀ	27.09.03	28-06-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
61	VŨ HOÀNG	HIỆP	27.09.05	19-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
62	THẨM TRUNG	HIẾU	27.09.04	28-05-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
63	LÊ THỊ MAI	HOA	27.09.06	24-05-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
64	NGUYỄN KHÁNH	LINH	27.09.07	09-12-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
65	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	27.09.08	01-08-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	15.60	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
66	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	27.09.09	11-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	14.70	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
67	ĐẶNG THỊ THẢO	NGỌC	27.09.10	07-07-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
68	LÊ PHƯƠNG	ANH	27.10.01	06-04-1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Nga	17.37	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
69	ĐINH THỊ QUỲNH	TRANG	27.10.05	20-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Nga	17.47	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
70	NGUYỄN LÊ HẢI	BÌNH	27.11.01	15-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	14.65	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
71	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	27.11.02	05-02-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	16.65	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
72	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	27.11.03	29-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.60	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	NGUYỄN QUANG	MINH	27.11.05	14-08-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Pháp	15.05	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
74	VŨ THỊ NGỌC	MINH	27.11.06	06-06-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.35	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
75	LÊ THỊ BẢO	NHUNG	27.11.07	03-12-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	16.20	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
76	TẠ THANH	TÙNG	27.11.09	16-06-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Pháp	15.80	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
77	TRẦN HỒNG	VÂN	27.11.10	10-07-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
78	BÙI THỊ HẰNG	ANH	27.12.01	28-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	14.60	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
79	LÊ ĐỨC	ANH	27.12.02	12-06-1997	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Trung	14.59	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
80	VŨ THỊ BẢO	HÂN	27.12.03	30-10-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.47	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
81	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	LINH	27.12.04	02-09-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	14.66	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
82	ĐẶNG HOÀNG	NGÂN	27.12.05	29-01-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
83	ĐOÀN THỊ PHƯỢNG	NHƯ	27.12.06	08-04-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.13	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
84	TRIỆU BÍCH	PHƯƠNG	27.12.07	11-10-1997	Hoa	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	16.08	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
85	NGUYỄN PHẠM THUỲ	VÂN	27.12.08	07-11-1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 85 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

28-TỈNH HẬU GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	KHƯU MINH	HUỆ	28.02.03	12/09/1997	Kinh	Cần Thơ	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	12	Tân Phú
2	HỨA MINH	QUANG	28.02.05	16/04/1997	Kinh	Kiên Giang	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh
3	NGUYỄN THÙY	NGÂN	28.02.04	16/05/1997	Kinh	BVKV Vị Thanh	Nữ	Vật lí	13.50	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh

Danh sách này gồm 3 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐỖ QUANG	VINH	29.01.06	07/08/1997	Kinh	Tx. Hòa Bình,	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
2	NGUYỄN QUANG	BẰNG	29.02.02	02/01/1997	Kinh	Kim Môn, Hải	Nam	Vật lí	16.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
3	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	29.02.03	18/02/1997	Kinh	Bệnh viện Hoà	Nam	Vật lí	17.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
4	NGUYỄN TUẤN	ANH	29.02.01	24/02/1997	Kinh	Bệnh viện Hoà	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
5	TRƯƠNG VĂN CÔNG	TIỂN	29.02.05	01/05/1997	Kinh	Tư Nghĩa,	Nam	Vật lí	15.25	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
6	NGUYỄN TUẤN	PHONG	29.02.04	04/07/1998	Kinh	Mai Châu, Hòa	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
7	TRẦN DUY	LONG	29.03.04	17/09/1997	Kinh	Bệnh viện Hoà	Nam	Hoá học	27.95	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
8	PHẠM QUANG	VINH	29.03.10	05/08/1997	Kinh	BV huyện Đà	Nam	Hoá học	25.60	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
9	TRƯƠNG MINH	HIẾU	29.03.03	22/05/1998	Kinh	Mai Châu, Hòa	Nam	Hoá học	24.20	Ba	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
10	ĐÀO VIỆT	HOÀNG	29.04.04	11/08/1998	Kinh	Lạc Sơn, Hòa	Nam	Sinh học	29.90	Ba	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
11	ĐINH CHUNG	MỪNG	29.04.07	15/09/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Sinh học	33.00	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	29.04.10	25/06/1997	Kinh	Kỳ Sơn, Hòa	Nam	Sinh học	35.85	Nhất	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
13	ĐINH VŨ THẢO	ANH	29.04.01	11/09/1998	Kinh	BV bà mẹ trẻ	Nữ	Sinh học	28.75	Ba	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
14	TRẦN VŨ HOÀNG	LINH	29.05.01	23/12/1998	Kinh	Chương Mỹ,	Nam	Tin học	12.19	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
15	NGÔ KỲ	DUYÊN	29.06.01	19/09/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
16	NGUYỄN THU	HIỀN	29.06.03	12/07/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
17	TRẦN ĐỨC	DŨNG	29.06.02	28/12/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
18	NGUYỄN NGỌC	LINH	29.06.04	03/08/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
19	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	29.06.05	09/09/1997	Mường	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
20	PHẠM LÂM	OANH	29.06.06	13/02/1997	Kinh	Bệnh viện Yaly	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
21	PHẠM HẢI	ANH	29.07.01	20/06/1997	Kinh	Mai Châu, Hòa	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
22	TRẦN CÔNG ĐĂNG	QUANG	29.07.05	01/12/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	NGUYỄN HÙNG	SƠN	29.07.06	24/05/1997	Tày	Hà Giang	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
24	NGUYỄN THỊ	LINH	29.07.04	15/09/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
25	HOÀNG THỊ DIỆU	LINH	29.07.02	18/03/1997	Mường	Tân Lạc,Hòa	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
26	NGUYỄN THỊ	YẾN	29.07.08	12/10/1997	Kinh	Đà Bắc,Hòa	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
27	NGHIÊM THỊ THÙY	LINH	29.07.03	15/03/1997	Kinh	Bệnh viện Hòa	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
28	BÙI QUÝ	NHÂN	29.08.07	29/07/1997	Mường	Thị Xã Hòa Bình	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
29	NGUYỄN ĐỖ	KHẢI	29.08.04	05/12/1997	Kinh	Đà Bắc, Hòa	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
30	NGUYỄN THÀNH	LONG	29.08.06	05/09/1997	Kinh	Tân Lạc, Hòa	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
31	NGUYỄN THÀNH	DUY	29.08.02	08/04/1997	Mường	TP. Hòa Bình,	Nam	Địa lí	15.25	Ba	12	PT DTNT THPT tỉnh
32	LÊ THỊ VÂN	ANH	29.08.01	13/07/1997	Thái	Kỳ Sơn, Hòa	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
33	TRỊNH ĐỨC	HOÀ	29.08.03	09/01/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
34	BÙI THỊ THIÊN	THU	29.08.08	25/11/1997	Mường	Kim Bôi, Hòa	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Thụ
35	HỒ NHẬT	LỆ	29.09.02	01/12/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
36	TRẦN THỊ THU	TRANG	29.09.06	19/10/1997	Kinh	Bệnh viện Kim	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	NGUYỄN THU	TRANG	29.09.05	02/02/1998	Mường	Bệnh viện Hoà	Nữ	Tiếng Anh	13.15	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
38	VŨ MINH	TRANG	29.11.05	14/06/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.85	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
39	TRẦN HẢI	YẾN	29.11.06	23/02/1997	Kinh	Bệnh viện phụ	Nữ	Tiếng Pháp	14.30	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
40	DƯƠNG THỊ THANH	NHUNG	29.12.02	29/11/1997	Kinh	Tx. Hòa Bình,	Nữ	Tiếng Trung	14.10	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
41	PHẠM HUYỀN	TRANG	29.12.06	12/03/1997	Kinh	Kim Bôi, Hòa	Nữ	Tiếng Trung	14.59	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 41 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

30-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN LONG	DUY	30.01.01	02/04/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
2	TRẦN THỊ THU	HUỆ	30.01.02	14/02/1998	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Toán	18.50	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
3	TRẦN HUY	PHAN	30.01.03	27/08/1998	Kinh	Hưng Yên	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
4	PHAN VĂN	QUÝ	30.01.05	26/04/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
5	NGUYỄN MINH	HẢI	30.02.02	11/01/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
6	DƯƠNG VĂN	HIỆP	30.02.04	21/09/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
7	NGUYỄN QUANG	TÙNG	30.02.06	22/07/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
8	NGUYỄN MINH	HOÀI	30.03.05	28/02/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Hoá học	22.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
9	TRẦN TÚ	QUYÊN	30.03.08	20/07/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Hoá học	23.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
10	NGUYỄN THÙY	TRANG	30.03.09	14/02/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Hoá học	21.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
11	PHẠM ĐĂNG	ANH	30.04.01	02/05/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Sinh học	29.75	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
12	PHẠM ĐỨC	DIỆN	30.04.02	25/01/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Sinh học	26.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
13	ĐỖ TÙNG	ĐẮC	30.04.03	16/11/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Sinh học	30.35	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
14	DƯƠNG THỊ	THU	30.04.05	14/06/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Sinh học	29.50	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
15	VŨ HUYỀN	TRANG	30.04.06	29/07/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Sinh học	29.10	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
16	PHẠM NGUYỄN NGỌC	BIÊN	30.05.01	31/01/1997	Kinh	Điện Biên	Nam	Tin học	17.92	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
17	NGUYỄN CAO	DUY	30.05.02	20/07/1998	Kinh	Hưng Yên	Nam	Tin học	20.37	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
18	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	30.05.03	03/12/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	16.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

30-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐỖ ĐỨC	LỘC	30.05.04	27/12/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Tin học	20.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
20	LÊ MINH	QUANG	30.05.05	25/01/1998	Kinh	Hưng Yên	Nam	Tin học	26.24	Nhì	11	THPT Chuyên Hưng Yên
21	TRẦN THANH	TÙNG	30.05.06	30/09/1998	Kinh	Hưng Yên	Nam	Tin học	19.24	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
22	ĐỖ THỊ THẢO	ANH	30.06.01	24/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
23	NGUYỄN THỊ XUÂN	HẬU	30.06.02	11/02/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
24	NGUYỄN XUÂN	HUY	30.06.03	02/07/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
25	ĐOÀN THỊ HỒNG	LY	30.06.04	24/02/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
26	PHẠM THỊ	THẢO	30.06.06	11/11/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
27	LÊ THỊ	TRANG	30.07.06	28/01/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
28	TRẦN THỊ	HẰNG	30.08.01	25/03/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
29	NGUYỄN THỊ	HOA	30.08.02	11/12/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Hoàng Hoa Thám, HY
30	BÙI HẢI	PHONG	30.08.03	14/08/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
31	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	30.08.06	05/02/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
32	NGUYỄN THỊ	HẰNG	30.09.03	06/09/1998	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Tiếng Anh	14.05	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
33	DOÃN THỊ MINH	HÒA	30.09.05	25/03/1998	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

30-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 33 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

31-TỈNH KHÁNH HOÀ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN SỸ	ĐỨC	31.02.01	05/12/1997	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	31.02.03	01/05/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN HOÀNG	LONG	31.02.05	27/01/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	LÊ PHƯỚC	LỘC	31.02.06	24/10/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	NGUYỄN VIỆT	ÁNH	31.03.02	14/02/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Hoá học	22.25	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	ĐỖ THANH	PHONG	31.05.05	08/04/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tin học	12.37	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	31.06.04	27/04/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Ngô Gia Tự
8	THÁI THỊ THANH	THẢO	31.06.05	03/10/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	BÙI THỊ KIM	THỂ	31.06.06	16/04/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Ngô Gia Tự
10	HUỲNH VINH	HỒNG	31.07.03	21/09/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	31.08.06	05/06/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	PHÙNG VƯƠNG	ĐẠT	31.09.01	24/01/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	NGUYỄN PHÚ	LÂM	31.09.02	19/01/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tiếng Anh	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	HUỲNH NGUYỄN KHÁNH	LINH	31.09.03	04/01/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	13.35	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	VÕ THỤC	LINH	31.09.04	10/03/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nữ	Tiếng Anh	13.45	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	TRẦN THIÊN HÀ	MY	31.09.05	08/04/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	31.09.07	24/12/1996	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	PHẠM NGUYỄN MINH	THƯ	31.09.08	10/02/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

31-TỈNH KHÁNH HOÀ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN NGỌC TRỌNG	HIẾU	31.11.04	30/11/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tiếng Pháp	14.85	Ba	12	THPT Nguyễn Văn Trỗi
20	NGUYỄN TRÀ	MY	31.11.05	12/08/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	11	THPT Nguyễn Văn Trỗi
21	LÊ PHƯƠNG	PHI	31.11.06	14/11/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Pháp	15.00	Ba	11	THPT Nguyễn Văn Trỗi
22	NGUYỄN ANH THẢO	PHƯƠNG	31.11.07	02/02/1998	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Pháp	15.00	Ba	11	THPT Nguyễn Văn Trỗi

Danh sách này gồm 22 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

32-TỈNH KIÊN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN ĐÀO XUÂN	TRƯỜNG	32.05.06	12/09/1997	Kinh	Kiên Giang	Nam	Tin học	17.10	Ba	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
2	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	32.06.04	18/10/1997	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
3	HUỲNH GIA	QUÝ	32.07.05	14/09/1997	Kinh	Kiên Giang	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Bàn Tân Định

Danh sách này gồm 3 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

33-TỈNH KON TUM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	33.01.02	05/12/1997	Kinh	Kon Tum	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
2	MAI ĐỨC	THẮNG	33.02.05	27/09/1997	Kinh	Kon Tum	Nam	Vật lí	15.25	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
3	TRẦN NGỌC	HIẾU	33.03.02	15/06/1997	Kinh	Kon Tum	Nam	Hoá học	21.55	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
4	ĐINH THANH	TÙNG	33.05.03	20/08/1998	Kinh	Kon Tum	Nam	Tin học	13.22	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
5	NGUYỄN HIỀN	TÀI	33.06.05	06/05/1997	Kinh	Kon Tum	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
6	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	33.07.06	03/10/1997	Kinh	Kon Tum	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Duy Tân
7	NGUYỄN THỊ	HOA	33.07.03	18/01/1997	Kinh	Hưng Yên	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Nguyễn Trãi
8	ĐỖ HUYỀN	PHƯƠNG	33.08.03	08/02/1998	Kinh	Kon Tum	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
9	LÊ NGUYÊN HUYỀN	TRANG	33.08.06	10/12/1998	Kinh	Kon Tum	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
10	NGUYỄN MINH	THUẬN	33.08.04	21/02/1997	Kinh	Kon Tum	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
11	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	33.09.06	01/02/1997	Kinh	Kon Tum	Nữ	Tiếng Anh	13.45	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành

Danh sách này gồm 11 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

34-TỈNH LAI CHÂU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN XUÂN	CHIẾN	34.01.01	14/11/1997	Kinh	Lào Cai	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	VŨ THÙY	DUNG	34.06.02	01/02/1998	Kinh	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	TỐNG MỸ	LINH	34.06.03	20/08/1998	Hà Nhì	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	ĐÀO ANH	QUỲNH	34.06.05	02/03/1997	Kinh	Thanh Hóa	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	ĐINH TUẤN	HÙNG	34.07.03	21/10/1997	Kinh	Lào Cai	Nam	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	LÊ TÙNG	LÂM	34.07.04	18/07/1997	Lô lô	Lai Châu	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	NGUYỄN THỊ	THOA	34.07.06	07/05/1997	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	NGUYỄN THỊ	HIỀN	34.08.02	06/01/1996	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
9	PHẠM THỊ	NGÂN	34.08.05	17/07/1997	Kinh	Thanh Hóa	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	LÊ THỊ MINH	PHÚC	34.08.06	04/11/1997	Kinh	Lào Cai	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 10 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

35-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐOÀN THỊ KIỀU	NGÂN	35.01.03	02/01/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Toán	13.50	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
2	ĐỖ QUANG	THỊNH	35.01.04	25/03/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	Chuyên Bảo Lộc
3	TRẦN MINH	HOÀNG	35.02.03	06/05/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	11.50	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
4	LÊ NGUYỄN GIANG	PHƯƠNG	35.02.05	02/06/1997	Kinh	Bình Định	Nữ	Vật lí	12.75	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
5	NGUYỄN ĐẶNG KIM	NGÂN	35.04.03	11/11/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	25.90	K.Khích	11	Chuyên Thăng Long
6	NGUYỄN ĐOÀN LÂM	NGUYỆT	35.04.04	04/10/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	29.55	Ba	12	Langbiang
7	TRỊNH NAM	PHƯƠNG	35.04.05	30/05/1998	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	26.60	K.Khích	11	Chuyên Thăng Long
8	TRẦN VIẾT	ĐÔNG	35.05.01	30/09/1998	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	14.53	K.Khích	11	Chuyên Thăng Long
9	DƯƠNG ANH	TUẤN	35.05.04	04/05/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	20.11	Ba	12	Chuyên Thăng Long
10	NGUYỄN ANH	VIỆT	35.05.06	25/07/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	15.35	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
11	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ANH	35.06.01	20/10/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Bảo Lộc
12	LƯU THÙY	ANH	35.07.01	01/02/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
13	VŨ PHƯƠNG	HÀ	35.08.02	30/07/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
14	NGUYỄN BA	LÊ	35.08.03	15/11/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Địa lí	13.50	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long
15	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HẠ	35.09.02	27/10/1998	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	11	Chuyên Thăng Long
16	ĐỒNG MẠNH	KIÊN	35.09.03	16/04/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	11	Chuyên Thăng Long
17	PHẠM GIA	LUÂN	35.09.04	28/04/1998	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tiếng Anh	14.80	Ba	11	Chuyên Thăng Long
18	VÕ PHAN MỸ	PHƯƠNG	35.11.04	29/08/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Pháp	15.20	Ba	12	Chuyên Thăng Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

35-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THIÊN	THI	35.11.06	07/09/1997	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Pháp	14.65	K.Khích	12	Chuyên Thăng Long

Danh sách này gồm 19 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

36-TỈNH LẠNG SƠN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN KHẮC	PHONG	36.03.06	10/12/1997	Tày	Lạng Sơn	Nam	Hoá học	22.00	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
2	TRẦN TRỊNH	HUY	36.03.05	12/02/1997	Nùng	Lạng Sơn	Nam	Hoá học	21.25	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
3	LÊ QUANG	TÙNG	36.04.05	06/09/1997	Kinh	Lạng Sơn	Nam	Sinh học	26.20	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
4	ĐỖ MINH	HIẾU	36.04.01	10/10/1997	Kinh	Lạng Sơn	Nam	Sinh học	28.30	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
5	NÔNG THỊ HOÀI	TRANG	36.04.04	10/01/1997	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Sinh học	26.45	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
6	ĐÀM MINH	NGỌC	36.06.05	23/10/1997	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
7	VŨ THỊ TUYẾT	BĂNG	36.06.02	24/06/1997	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
8	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	36.06.04	02/07/1997	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPTC Chu Văn An
9	NÔNG THỊ THẢO	VI	36.06.06	27/06/1997	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chi Lăng
10	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	36.07.01	18/04/1997	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPTC Chu Văn An
11	HOÀNG THỊ	DUYÊN	36.07.02	03/03/1997	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPTC Chu Văn An
12	HÀ AN	QUỲNH	36.07.06	27/12/1997	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	THPTC Chu Văn An
13	NÔNG HOÀNG	LAN	36.07.03	14/05/1997	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPTC Chu Văn An
14	LÊ THỊ	LỆ	36.07.04	13/04/1998	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPTC Chu Văn An
15	PHẠM THU	PHƯƠNG	36.07.05	09/12/1998	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPTC Chu Văn An
16	HOÀNG DIỆU	MINH	36.08.04	15/04/1997	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPTC Chu Văn An
17	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	36.08.06	22/09/1998	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPTC Chu Văn An
18	NÔNG NGUYỄN MINH	PHONG	36.08.05	30/05/1998	Nùng	Lạng Sơn	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPTC Chu Văn An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

36-TỈNH LẠNG SƠN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 18 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

37-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN ĐẮC	THÀNH	37.01.06	14/03/1998	Kinh	Bệnh Viện Bảo	Nam	Toán	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
2	KHUẤT MINH	QUYÊN	37.01.05	06/12/1998	Kinh	Bệnh Viện Mỏ	Nữ	Toán	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
3	ĐINH MINH	HIẾU	37.01.02	18/08/1997	Kinh	Bệnh Viện Tỉnh	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
4	HOÀNG THÁI	BẢO	37.02.01	23/07/1998	Kinh	Bv Việt Bun Thái	Nam	Vật lí	20.00	Nhì	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
5	HOÀNG ĐĂNG	CƯỜNG	37.03.03	12/10/1997	Kinh	BV Cty Apatít	Nam	Hoá học	23.35	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
6	ĐẶNG VIỆT	CƯỜNG	37.03.02	19/03/1998	Kinh	Bệnh Viện Đk	Nam	Hoá học	24.45	Ba	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
7	NGUYỄN THÙY	LINH	37.03.04	24/02/1997	Kinh	Bệnh Viện Tỉnh	Nữ	Hoá học	22.25	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
8	PHẠM HỒNG	SƠN	37.05.06	20/07/1997	Kinh	Bảo Thắng -	Nam	Tin học	18.06	Ba	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
9	TẠ THỊ THÙY	TRANG	37.06.05	30/08/1998	Kinh	Bệnh Viện Tỉnh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
10	PHẠM THỊ	QUỲNH	37.06.03	11/03/1998	Kinh	Tiền Hải - Thái	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
11	VŨ THỊ THU	TRANG	37.06.06	15/03/1998	Kinh	Bảo Thắng -	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
12	PHẠM NGỌC	HÀ	37.07.04	04/02/1997	Kinh	Bình Giang -	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
13	AN THIÊN	VŨ	37.07.06	27/01/1997	Kinh	Bv Công Ty	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT số 1 thành phố Lào Cai
14	TRẦN THỊ HỒNG	CHIÊN	37.07.02	30/07/1997	Kinh	Thanh Miên -	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT số 1 huyện Bảo Yên
15	NGUYỄN VĂN	TÂN	37.08.05	09/03/1997	Kinh	Huyện Bát Xát -	Nam	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
16	LÊ TRẦN PHƯƠNG	ANH	37.08.01	24/06/1998	Kinh	Tam Dương -	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
17	TRẦN THÙY	DƯƠNG	37.08.03	30/11/1998	Kinh	Phòng Khám	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

37-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
18	NGUYỄN DIỆU	ANH	37.08.02	02/10/1998	Kinh	Phòng Khám	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
19	HÀ NGỌC	HÙNG	37.08.04	12/06/1998	Kinh	Ninh Giang -	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
20	NÔNG NHẬT	QUANG	37.09.04	15/03/1997	Tày	Bắc Hà - Lào	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
21	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	37.09.05	16/07/1997	Kinh	Thị Trấn Phố Lu	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
22	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	37.09.03	17/12/1998	Kinh	Phòng Khám	Nữ	Tiếng Anh	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
23	LÊ THỊ THANH	HÀ	37.09.01	02/12/1997	Kinh	Bệnh Viện Tỉnh	Nữ	Tiếng Anh	13.15	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
24	VƯƠNG ÁI	NHƯ	37.12.05	17/09/1997	Dáy	Mường Khương	Nữ	Tiếng Trung	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
25	ĐÀO THỊ	HƯƠNG	37.12.01	21/12/1998	Kinh	Thanh Chương	Nữ	Tiếng Trung	13.92	K.Khích	11	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
26	NGUYỄN THU	HƯỜNG	37.12.02	30/07/1997	Kinh	Bát Xát - Lào	Nữ	Tiếng Trung	13.74	K.Khích	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
27	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	37.12.06	04/07/1997	Kinh	Xã Bắc Cường	Nữ	Tiếng Trung	15.13	Nhì	12	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai

Danh sách này gồm 27 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

38-TỈNH LONG AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	DƯƠNG NGỌC NGỮ	UYÊN	38.06.06	25/12/1998	Kinh	Long An	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Long An
2	PHẠM ĐỨC	HUY	38.07.02	19/08/1997	Kinh	Long An	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Cần Đước
3	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	38.08.03	01/01/1997	Kinh	Long An	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Cần Đước
4	NGUYỄN ĐỖ XUÂN	QUỲNH	38.09.02	12/08/1998	Kinh	Long An	Nữ	Tiếng Anh	16.05	Nhì	11	THPT Chuyên Long An
5	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	38.09.06	25/11/1997	Kinh	TP. HCM	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	12	THPT Chuyên Long An
6	ĐOÀN QUỲNH	HƯƠNG	38.09.01	01/01/1998	Kinh	Long An	Nữ	Tiếng Anh	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Long An
7	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	38.09.05	06/01/1997	Kinh	TP. HCM	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Long An

Danh sách này gồm 7 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM THỊ MINH	PHƯƠNG	39.01.04	14/04/1997	Kinh	Huyện Xuân	Nữ	Toán	22.00	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
2	ĐỖ ĐỨC	DUY	39.01.02	26/05/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Toán	19.00	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
3	VŨ ĐỨC	TÀI	39.01.06	19/06/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Toán	29.50	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
4	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	39.01.08	07/11/1997	Kinh	Huyện Nghĩa	Nam	Toán	20.50	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
5	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	39.01.01	27/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Toán	17.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
6	TRẦN PHÚC	TÀI	39.01.05	19/02/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
7	PHẠM NGỌC	NAM	39.02.02	02/08/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Vật lí	18.25	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
8	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	39.02.04	27/08/1997	Kinh	Huyện Nghĩa	Nam	Vật lí	32.25	Nhất	12	chuyên Lê Hồng Phong
9	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	39.02.08	09/07/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Vật lí	27.25	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
10	VŨ TRIỀU	DƯƠNG	39.02.01	30/09/1997	Kinh	Huyện Trực	Nam	Vật lí	20.00	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
11	ĐỖ THUỲ	TRANG	39.02.07	05/01/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Vật lí	19.25	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
12	ĐINH THỊ HƯƠNG	THẢO	39.02.06	17/12/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Vật lí	29.00	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
13	NGUYỄN VĂN	QUÂN	39.02.05	17/01/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Vật lí	21.00	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
14	PHẠM NGỌC	NAM	39.02.03	28/05/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Vật lí	25.00	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
15	VŨ MINH	DƯƠNG	39.03.01	02/08/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Hoá học	30.65	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
16	PHẠM MINH	ĐỨC	39.03.03	06/10/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Hoá học	24.00	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
17	ĐÀO MINH	HẠNH	39.03.04	21/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Hoá học	29.80	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
18	PHAN THUỲ	LINH	39.03.05	01/01/1998	Kinh	Huyện Mỹ Lộc,	Nữ	Hoá học	27.35	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN NGỌC	LONG	39.03.06	13/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Hoá học	25.50	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
20	NGUYỄN ĐỨC	QUỲNH	39.03.07	06/12/1998	Kinh	Huyện ý Yên,	Nam	Hoá học	23.20	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
21	NINH THỊ NHƯ	QUỲNH	39.03.08	15/09/1997	Kinh	Huyện ý Yên,	Nữ	Hoá học	26.10	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
22	NGUYỄN PHI	SƠN	39.03.09	05/01/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Hoá học	26.45	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
23	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	39.03.10	25/02/1998	Kinh	Huyện Giao	Nam	Hoá học	30.45	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
24	TRẦN THỊ THỤC	TRANG	39.04.08	30/12/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Sinh học	34.40	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
25	LÊ TRƯỜNG	GIANG	39.04.03	04/09/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Sinh học	30.95	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
26	LƯU TÙNG	DƯƠNG	39.04.02	19/12/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Sinh học	33.15	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
27	VŨ THỊ THANH	HẰNG	39.04.04	17/01/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Sinh học	30.50	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
28	MAI QUỐC	HƯNG	39.04.06	10/06/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Sinh học	31.45	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
29	PHẠM THỊ	HUYỀN	39.04.05	01/01/1997	Kinh	Huyện ý Yên,	Nữ	Sinh học	31.95	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
30	NGUYỄN THỊ THUỶ	TIÊN	39.04.07	01/06/1997	Kinh	Huyện Nam	Nữ	Sinh học	32.60	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
31	NGUYỄN THUỲ	CHI	39.04.01	06/07/1998	Kinh	Huyện Trực	Nữ	Sinh học	27.55	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
32	DƯƠNG VĂN	NGỌC	39.05.06	11/07/1997	Kinh	Huyện Nam	Nam	Tin học	28.62	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
33	ĐỖ BẢO	HOÀNG	39.05.04	01/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Tin học	21.16	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
34	LƯU QUANG	TÙNG	39.05.08	18/12/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Tin học	25.87	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
35	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	39.05.02	06/05/1998	Kinh	Huyện Nam	Nam	Tin học	12.35	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
36	ĐỖ ĐÌNH	PHÁT	39.05.07	20/06/1998	Kinh	Huyện Nam	Nam	Tin học	18.80	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	TRẦN MINH	ĐỨC	39.05.03	10/04/1998	Kinh	Huyện Vụ Bản,	Nam	Tin học	17.88	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
38	HOÀNG THU	HUYỀN	39.06.03	29/01/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
39	ĐINH VÂN	ANH	39.06.01	01/08/1997	Kinh	Huyện Giao	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
40	TRẦN THỊ THUÝ	QUỲNH	39.06.05	17/10/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
41	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	39.06.07	02/02/1997	Kinh	Huyện Nghĩa	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
42	NINH THỊ	DUYÊN	39.06.02	29/03/1997	Kinh	Huyện ý Yên,	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
43	TRẦN THỊ	NGÂN	39.06.04	19/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
44	TRẦN THU	HẰNG	39.07.02	16/04/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
45	PHẠM THU	HIỀN	39.07.03	06/12/1997	Kinh	Huyện Vụ Bản,	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
46	BÙI THỊ KHÁNH	LY	39.07.04	14/02/1997	Kinh	Huyện ý Yên,	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
47	NGUYỄN BÍCH	PHƯƠNG	39.07.05	20/09/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
48	HOÀNG HỒNG	QUÂN	39.07.06	24/04/1997	Kinh	Huyện Nam	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
49	NGÔ VĂN	TƯỞNG	39.07.07	08/11/1997	Kinh	Huyện Nam	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
50	LÊ THỊ	YẾN	39.07.08	10/10/1997	Kinh	Huyện Vụ Bản,	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
51	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	39.07.01	12/05/1997	Kinh	Huyện Nam	Nam	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
52	TRẦN THỊ HỒNG	DUYÊN	39.08.01	01/11/1997	Kinh	Huyện Xuân	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
53	TRƯƠNG THÀNH	ĐỨC	39.08.02	07/01/1997	Kinh	Huyện Lí Nhân,	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
54	PHAN THỊ HƯƠNG	GIANG	39.08.03	02/04/1997	Kinh	Huyện Mỹ Lộc,	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN THỊ HẢI	LINH	39.08.04	14/03/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Địa lí	17.50	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
56	HOÀNG NGUYÊN	LONG	39.08.05	07/04/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
57	NGUYỄN THỊ HỒNG	THUÝ	39.08.07	02/03/1997	Kinh	Huyện Nam	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
58	NGUYỄN ANH	TRUNG	39.08.08	17/09/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
59	NGUYỄN KHÁNH	QUỲNH	39.08.06	29/09/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	chuyên Lê Hồng Phong
60	NGUYỄN HẢI	ANH	39.09.01	23/02/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Anh	14.30	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
61	TRẦN MINH	NGỌC	39.09.04	24/10/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
62	HOÀNG HỒNG	TRANG	39.09.07	05/08/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
63	ĐINH THUỶ	TIÊN	39.09.06	08/05/1997	Kinh	TP Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
64	TRẦN TRUNG	DŨNG	39.09.02	03/08/1998	Kinh	Huyện Mỹ Lộc,	Nam	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	chuyên Lê Hồng Phong
65	TRẦN KIỀU HUYỀN	TRÂN	39.09.08	20/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
66	NGUYỄN THỊ THU	HOÀ	39.09.03	17/03/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Anh	13.35	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
67	TRẦN PHƯƠNG	THUÝ	39.09.05	04/04/1997	Kinh	Huyện Lý Nhân,	Nữ	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
68	PHẠM QUANG	ANH	39.10.01	03/10/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Tiếng Nga	17.65	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
69	ĐOÀN NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	39.10.04	22/08/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Nga	17.70	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
70	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	39.10.08	14/06/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Nga	16.52	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
71	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	39.10.05	06/08/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Nga	19.68	Nhì	12	chuyên Lê Hồng Phong
72	NGUYỄN ANH	TUẤN	39.11.08	18/05/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nam	Tiếng Pháp	15.80	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	VŨ PHẠM MINH	HUYỀN	39.11.02	22/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Pháp	15.10	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong
74	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	39.11.06	18/01/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
75	DƯƠNG THỊ THẢO	LINH	39.11.03	22/02/1997	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Pháp	14.70	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
76	NGUYỄN LÂM THUÝ	QUỲNH	39.11.05	18/06/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Pháp	14.05	K.Khích	12	chuyên Lê Hồng Phong
77	TRẦN PHƯƠNG	TRANG	39.11.07	13/11/1998	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Nhì	11	chuyên Lê Hồng Phong
78	HOÀNG THU	NGỌC	39.11.04	28/09/1997	Kinh	TP Nam Định,	Nữ	Tiếng Pháp	15.20	Ba	12	chuyên Lê Hồng Phong

Danh sách này gồm 78 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	THÁI BÁ	MẠNH	40.01.02	14/05/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	22.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
2	NGUYỄN TẤT	TUẤN	40.01.09	01/05/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
3	HOÀNG ANH	TÀI	40.01.04	03/06/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
4	NGUYỄN VĂN	TÂM	40.01.05	15/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	27.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
5	NGUYỄN ĐẮC TIẾN	TRÌNH	40.01.08	05/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
6	NGUYỄN ANH	TÚ	40.01.10	07/12/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
7	VÕ HẢI	THIỆN	40.01.06	20/02/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
8	PHAN DUY	PHÚC	40.01.03	05/06/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	24.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
9	NGÔ THỊ	TRÀ	40.01.07	16/08/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
10	NGUYỄN BÁ TUẤN	ANH	40.01.01	15/05/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	22.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
11	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	40.02.01	23/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	22.75	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	MAI TÙNG	DƯƠNG	40.02.02	26/05/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	23.25	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
13	PHẠM TRUNG	HIẾU	40.02.03	04/09/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	16.25	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
14	LÃ HOÀNG	HƯNG	40.02.04	09/02/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	22.75	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
15	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	40.02.05	04/06/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	31.50	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
16	HOÀNG PHƯƠNG	NGUYÊN	40.02.06	26/05/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	17.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
17	CAO TRỌNG DUY	NHÂN	40.02.07	09/03/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	18.25	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
18	NGUYỄN ĐÌNH	QUANG	40.02.08	08/09/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	23.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
19	PHẠM VIỆT	TÀI	40.02.09	18/04/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	19.75	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
20	TRẦN MẠNH	THẮNG	40.02.10	19/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	16.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
21	NGUYỄN NGỌC AN	NGUYÊN	40.03.07	27/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	31.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
22	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	40.03.03	07/06/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	30.40	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	NGUYỄN QUỲNH	MAI	40.03.06	14/07/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	28.95	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
24	PHÙNG NGỌC	THÀNH	40.03.10	02/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	29.90	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
25	PHAN ĐỨC	TÂM	40.03.09	01/05/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	28.35	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
26	HUỲNH NGỌC	QUANG	40.03.08	31/03/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	29.90	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
27	NGUYỄN TRỌNG	HIỆP	40.03.04	01/08/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	31.85	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
28	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	40.03.05	20/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	29.15	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
29	LÊ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	40.03.02	14/09/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	24.75	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
30	BÙI LÂM	DƯƠNG	40.03.01	24/02/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	28.50	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
31	CHU MINH	NGUYỆT	40.04.07	01/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	26.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
32	PHẠM THỊ	CƯỜNG	40.04.02	11/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	28.90	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
33	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	40.04.09	20/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	28.70	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	NGUYỄN TẤT	HÀO	40.04.04	12/02/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	28.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
35	HOÀNG THỊ VÂN	ANH	40.04.01	20/01/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	30.90	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
36	HOÀNG THỊ HOÀI	THU	40.04.10	15/10/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	31.10	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
37	NGUYỄN THẾ	HOÀNH	40.04.05	06/05/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	27.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
38	BÙI QUÝ	BẢO	40.05.02	08/06/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	21.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
39	LÊ TIẾN	CHIẾN	40.05.03	27/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	20.05	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
40	ĐẶNG NGỌC	CƯỜNG	40.05.04	01/04/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	23.70	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
41	HỒ SỸ VIỆT	CƯỜNG	40.05.05	21/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	25.57	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
42	LÊ ANH	ĐỨC	40.05.06	16/01/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	24.76	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
43	NGUYỄN QUANG	MINH	40.05.10	13/12/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	16.42	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
44	NGUYỄN DUY	ĐỨC	40.05.07	08/07/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	26.10	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	NGUYỄN VĂN	MẠNH	40.05.09	07/04/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	17.17	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
46	GIẢN QUỐC	ANH	40.05.01	25/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
47	HỒ NGUYÊN	HẠNH	40.06.02	04/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
48	TRẦN THỊ	NGỌC	40.06.06	17/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
49	CAO THỊ HOÀNG	OANH	40.06.08	31/08/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
50	HOÀNG THU	THẢO	40.06.09	02/11/1997	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
51	TRẦN HẰNG	NI	40.06.07	18/10/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
52	NGUYỄN THÙY	CHI	40.06.01	13/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
53	CAO HOÀNG	VIỆT	40.06.10	15/07/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
54	NGUYỄN THỊ	HẠNH	40.06.03	09/12/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
55	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	40.06.04	01/02/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	BÙI THỊ HẢI	LINH	40.07.04	25/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
57	TRẦN THỊ MINH	TRANG	40.07.09	11/01/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
58	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	40.07.03	03/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
59	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	40.07.07	01/01/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
60	TRẦN HỮU	ĐỨC	40.07.02	26/07/1997	Kinh	Nghệ An	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
61	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	40.07.08	17/12/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
62	HỒ THỊ THÚY	TRÀ	40.08.10	28/03/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
63	HOÀNG THỦY	TIÊN	40.08.09	08/08/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
64	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	40.08.07	28/02/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
65	LÊ THỊ	BÌNH	40.08.02	02/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
66	CAO THỊ MINH	HUYỀN	40.08.04	03/03/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
67	MAI THỊ VÂN	ANH	40.08.01	15/02/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
68	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	40.08.03	01/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
69	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	40.08.06	11/11/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
70	VÕ NGỌC LINH	TRANG	40.09.08	11/12/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
71	PHAN THỊ NGÂN	THANH	40.09.06	29/10/1998	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
72	NGÔ THẢO	CHI	40.09.01	17/02/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
73	LÊ DIỆU	LINH	40.09.02	31/12/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
74	BÙI THỊ HÀ	MY	40.09.03	20/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
75	ĐẶNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	40.09.05	19/07/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
76	TRẦN HÀ	NGÂN	40.09.04	21/09/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
77	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	40.10.06	15/11/1996	Kinh	Liên Bang Nga	Nữ	Tiếng Nga	17.65	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
78	THÁI QUỲNH	ANH	40.10.02	07/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Nga	17.55	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
79	HOÀNG THỊ MỸ	LINH	40.11.03	12/10/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
80	ĐẬU HƯƠNG	THẢO	40.11.05	03/06/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	15.15	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
81	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	40.11.01	30/04/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	13.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
82	PHẠM THỊ MỸ	HẰNG	40.11.02	08/03/1997	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	14.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

Danh sách này gồm 82 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM DUY	MINH	41.01.02	31/01/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
2	LÊ TUẤN	NGHĨA	41.01.04	11/03/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	17.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
3	HÀ QUÝ	ANH	41.01.01	23/07/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
4	TẠ HỮU	NAM	41.01.03	27/01/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	19.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
5	TRẦN VIỆT	THẮNG	41.02.05	02/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
6	NGUYỄN TỬ XUÂN	CÔNG	41.02.01	16/01/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	16.75	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
7	ĐÀO ANH	TẤN	41.03.04	24/12/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Hoá học	31.30	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
8	NGUYỄN THỊ	THẢO	41.03.05	30/03/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	25.40	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
9	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	41.03.06	17/04/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	25.75	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
10	LÊ THANH	BÌNH	41.03.01	17/07/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Hoá học	25.75	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
11	ĐẶNG THỊ THANH	HUYỀN	41.03.02	30/11/1998	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	21.35	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	ĐOÀN LÊ BẢO	NGỌC	41.03.03	07/05/1998	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	24.80	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
13	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRANG	41.04.06	01/02/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	28.90	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
14	PHẠM THỊ	NGA	41.04.05	15/10/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	26.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
15	TRỊNH THỊ THÚY	HẰNG	41.04.03	30/03/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	25.85	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
16	TẠ BÁ HOÀNG	PHÚC	41.05.07	08/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	20.60	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
17	ĐOÀN VIỆT	BÁCH	41.05.01	18/03/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	15.42	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
18	HOÀNG NGỌC	THẠCH	41.05.08	11/09/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	14.52	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
19	LÊ MINH	ĐỨC	41.05.04	11/01/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	15.35	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
20	NGUYỄN TỬ TOÀN	LỢI	41.05.06	25/09/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	13.43	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
21	PHẠM MINH	HUYỀN	41.06.03	19/11/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
22	TRẦN LÊ ÁNH	LINH	41.06.04	05/11/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	41.06.06	27/03/1997	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
24	ĐỖ THỊ	MAI	41.06.05	02/05/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
25	HOÀNG THỊ MỸ	HẠNH	41.06.02	23/02/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
26	HOÀNG NHẬT	MINH	41.07.04	07/10/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Lịch sử	16.75	Nhất	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
27	LÊ THỊ MỸ	LINH	41.07.03	28/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
28	ĐÀM THỊ HOÀI	THƯƠNG	41.07.05	01/02/1998	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
29	ĐÀM THỊ THU	HOÀI	41.07.02	05/05/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
30	TRẦN THỊ	HẰNG	41.07.01	09/11/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
31	ĐINH QUANG	TRƯỜNG	41.08.06	19/10/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
32	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	41.08.01	10/10/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
33	NGUYỄN HỒNG	HÀ	41.08.02	12/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	ĐINH THỊ THU	HẰNG	41.08.03	11/09/1998	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
35	HOÀNG LINH	TRANG	41.08.04	02/01/1998	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
36	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	41.08.05	11/09/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
37	PHAN THỊ THU	HIỀN	41.09.03	23/02/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
38	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	41.09.02	29/01/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
39	VŨ MINH	TUẤN	41.11.06	25/10/1997	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tiếng Pháp	15.25	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
40	BÙI THÚY	AN	41.11.01	27/08/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Pháp	15.35	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	TẠ GIÁNG	HƯƠNG	41.11.05	13/12/1997	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Pháp	14.70	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 41 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

42-TỈNH NINH THUẬN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN MINH	NHẬT	42.01.04	22/07/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	TRẦN THẾ TRUNG	THIỆN	42.05.04	09/11/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nam	Tin học	12.24	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN TRẦN HỒNG	NHI	42.06.03	19/07/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	HÀ ĐỨC	HIỂN	42.06.02	14/04/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nam	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Trường THPT An Phước
5	PHẠM HOÀNG TUYẾT	NGÂN	42.08.04	21/05/1997	Kinh	Ninh Thuận	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	43.01.01	03/02/1998	Kinh	Lâm Thao - Phú	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
2	LÊ MINH	HOÀNG	43.01.02	04/07/1997	Kinh	BV tỉnh Việt Trì -	Nam	Toán	19.00	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
3	PHẠM MINH	HÙNG	43.01.03	15/01/1998	Kinh	Thị xã Phú Thọ	Nam	Toán	18.50	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
4	NGUYỄN QUANG	KHẢI	43.01.04	21/10/1998	Kinh	BV Tỉnh Phú Thọ	Nam	Toán	21.00	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
5	VŨ THỊ	MAI	43.01.05	26/04/1997	Kinh	Phong Châu -	Nữ	Toán	20.00	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
6	HỨA HÀ	PHƯƠNG	43.01.06	11/09/1998	Kinh	Phong Châu -	Nam	Toán	17.50	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
7	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	43.01.07	11/05/1997	Kinh	Phong Châu -	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
8	PHẠM QUÝ	VƯỢNG	43.01.08	02/08/1998	Kinh	BV Việt Trì - Phú	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
9	NGUYỄN THANH	HÀ	43.02.02	27/07/1997	Kinh	BV công ty	Nam	Vật lí	11.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
10	TỐNG HOÀNG VĨNH	AN	43.03.01	26/02/1998	Mường	BV tỉnh Phú Thọ	Nam	Hoá học	23.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
11	HỒ ANH	DŨNG	43.03.02	06/09/1997	Kinh	Bệnh viện Việt	Nam	Hoá học	26.25	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
12	NGUYỄN THUÝ	HẰNG	43.03.03	27/05/1997	Kinh	BV Công ty Dệt	Nữ	Hoá học	33.35	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
13	CAO TRẦN BÍCH	NGỌC	43.03.04	12/07/1998	Kinh	Đoan Hùng -	Nữ	Hoá học	26.00	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
14	NGUYỄN THỊ	TÂM	43.03.05	08/03/1997	Kinh	Phong Châu -	Nữ	Hoá học	34.35	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
15	NGUYỄN DUY	THUẬN	43.03.06	13/05/1998	Kinh	Phong Châu -	Nam	Hoá học	25.10	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
16	TRẦN	TÙNG	43.03.07	05/05/1998	Kinh	Ba Vì - Hà Tây	Nam	Hoá học	24.05	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
17	TRẦN ĐÌNH	VIỆT	43.03.08	25/04/1998	Kinh	Việt Trì - Phú	Nam	Hoá học	22.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
18	ĐẶNG DUY	ANH	43.04.01	12/02/1998	Kinh	Thanh Ba - Phú	Nam	Sinh học	27.40	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TẠ THỊ LAN	ANH	43.04.02	07/07/1997	Kinh	Việt Trì - Phú	Nữ	Sinh học	30.15	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
20	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	43.04.04	12/02/1998	Kinh	Phong Châu -	Nữ	Sinh học	27.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
21	ĐINH THUÝ	HUYỀN	43.04.05	12/04/1998	Kinh	Bệnh viện Việt	Nữ	Sinh học	26.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
22	NGUYỄN VĂN	NAM	43.04.06	06/09/1997	Kinh	BV H.Phong	Nam	Sinh học	31.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
23	PHẠM ĐỨC	TIẾN	43.04.07	24/04/1997	Kinh	BV Việt Trì tỉnh	Nam	Sinh học	31.70	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
24	ĐINH LONG	VƯƠNG	43.04.08	12/03/1998	Kinh	BV Tỉnh Phú Thọ	Nam	Sinh học	31.30	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
25	PHẠM HỮU	TRƯỜNG	43.05.06	21/10/1997	Kinh	Thanh Sơn -	Nam	Tin học	14.94	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
26	ĐÀO THỊ THANH	BÌNH	43.06.01	06/05/1998	Kinh	Thanh Sơn -	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
27	ĐẶNG THỊ THANH	LINH	43.06.03	31/07/1998	Kinh	Phong Châu -	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
28	NGUYỄN KHÁNH	LINH	43.06.04	28/09/1997	Kinh	BV Tỉnh Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
29	PHÙNG THANH	QUỲNH	43.06.07	13/02/1998	Kinh	Trạm y tế xã Hà	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
30	ĐINH THỊ LAN	ANH	43.07.01	12/06/1997	Kinh	Việt Trì - Phú	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
31	ĐỖ NGỌC	HÀ	43.07.02	14/03/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
32	TRẦN THỊ THU	HÀ	43.07.03	20/06/1997	Kinh	Trạm y tế xã	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
33	HOÀNG THỊ THUỲ	LINH	43.07.05	19/05/1997	Kinh	Đoan Hùng -	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
34	NGUYỄN MỸ	LINH	43.07.06	18/10/1997	Kinh	Phong Châu -	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
35	NGUYỄN THỊ	THẢO	43.07.07	03/02/1997	Kinh	Tam Thanh -	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
36	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	43.07.08	09/01/1998	Kinh	Việt Trì - Phú	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN NHẬT HÀ	ANH	43.08.01	08/01/1998	Kinh	Bệnh viện Việt	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
38	NGUYỄN THỊ THUÝ	HẠNH	43.08.02	13/01/1998	Kinh	Phòng khám	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
39	BÙI TRUNG	HIẾU	43.08.03	03/08/1997	Kinh	Phong Châu -	Nam	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
40	NGUYỄN THỊ CẨM	LINH	43.08.04	11/05/1997	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nữ	Địa lí	16.75	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
41	NGUYỄN HẠNH	LOAN	43.08.05	06/08/1997	Kinh	Đoan Hùng -	Nữ	Địa lí	18.00	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
42	NGUYỄN HỒNG	SƠN	43.08.06	01/08/1997	Kinh	Sông Thao -	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
43	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	43.08.07	30/09/1997	Kinh	Việt Trì - Phú	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
44	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	43.08.08	28/06/1997	Kinh	Tam Thanh -	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
45	TRẦN THANH	DƯƠNG	43.09.01	16/12/1997	Kinh	Phòng khám	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
46	TÔ HOÀI	GIANG	43.09.03	29/11/1997	Kinh	Bệnh viện Việt	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
47	PHẠM KHÁNH	LY	43.09.04	04/07/1997	Kinh	Việt Trì - Phú	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương

Danh sách này gồm 47 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

44-TỈNH PHÚ YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TRẦN	HẬU	44.01.02	28/03/1998	Kinh	Phú Yên	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
2	TRƯƠNG THẾ	KHẢI	44.02.04	19/12/1997	Kinh	Phú Yên	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
3	ĐỖ NGUYÊN	HƯNG	44.03.04	23/08/1997	Kinh	Phú Yên	Nam	Hoá học	31.90	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
4	NGUYỄN TRẦN NỮ	VƯƠNG	44.03.06	28/04/1998	Kinh	Phú Yên	Nữ	Hoá học	22.45	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
5	TỪ NAM	ANH	44.03.01	20/12/1998	Kinh	Phú Yên	Nam	Hoá học	23.10	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
6	TRẦN THỊ MINH	THƯ	44.03.05	01/05/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Hoá học	23.30	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
7	MAI LÂM TRỌNG	NGUYÊN	44.05.03	27/06/1997	Kinh	Phú Yên	Nam	Tin học	13.13	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
8	NGUYỄN THỊ	MAI	44.06.04	17/10/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
9	LÊ THỊ KỲ	DUNG	44.06.01	09/06/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Phổ thông tư thục Duy Tân
10	TRẦN MỸ	THƯ	44.08.04	12/10/1996	Kinh	Phú Yên	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
11	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÀ	44.08.05	18/05/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT Trần Quốc Tuấn
12	ĐINH VĂN	KIÊN	44.08.03	15/02/1997	Kinh	Phú Yên	Nam	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Trần Quốc Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

44-TỈNH PHÚ YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
13	NGUYỄN HÀ	VI	44.08.06	29/07/1998	Kinh	Phú Yên	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
14	HUỲNH NGỌC	SƯƠNG	44.09.05	02/09/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
15	LÊ MAI HUYỀN	LINH	44.09.02	01/04/1997	Kinh	Phú Yên	Nữ	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TRƯỜNG	NHẬT	45.01.04	22/01/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
2	TRẦN THANH	BÌNH	45.01.01	10/02/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
3	HỒ ANH	TIẾN	45.01.06	26/06/1998	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Toán	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
4	NGUYỄN TRẦN	DUY	45.01.02	11/02/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
5	NGUYỄN PHÚC	NGUYÊN	45.02.03	10/03/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Vật lí	11.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
6	TỪ ANH	HỒNG	45.02.01	12/12/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Vật lí	12.75	K.Khích	12	THPT Quang Trung
7	LÊ THỊ THANH	HẠNH	45.03.01	20/12/1998	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Hoá học	21.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
8	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	45.03.06	15/08/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Hoá học	23.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
9	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	45.03.03	18/01/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Hoá học	24.75	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
10	VÕ NHẬT	MINH	45.03.04	02/09/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Hoá học	23.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
11	LÊ TẤN	SANG	45.04.06	30/04/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Sinh học	30.30	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
12	NGUYỄN THANH	HÀ	45.04.02	03/05/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Sinh học	30.55	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Giáp
13	NGUYỄN QUANG	LỘC	45.04.03	03/02/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Sinh học	30.90	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
14	HOÀNG HỒNG	QUÂN	45.04.05	23/04/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Sinh học	26.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
15	NGUYỄN HỮU	ĐỒNG	45.05.03	10/09/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Tin học	12.97	K.Khích	12	THPT Trần Hưng Đạo
16	NGUYỄN ANH	TUẤN	45.05.05	19/05/1998	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Tin học	17.13	Ba	11	THPT Lê Trực
17	LÂM PHƯƠNG	THẢO	45.06.06	13/06/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
18	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	45.06.03	20/04/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
19	VÕ HOÀNG HƯƠNG	GIANG	45.06.01	09/05/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
20	ĐẶNG THỊ NGỌC	HÀ	45.06.02	15/01/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
21	ĐINH THÚY	HIỀN	45.07.02	26/10/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
22	LÊ MỸ LAN	PHƯƠNG	45.07.06	02/05/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
23	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	45.07.07	21/08/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
24	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	45.07.01	29/12/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
25	CAO MINH	HOÀI	45.08.01	08/01/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
26	TRẦN GIA	HUY	45.08.02	02/10/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nam	Địa lí	18.00	Nhất	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
27	TRẦN THỊ THANH	NHUẦN	45.08.05	15/10/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
28	LÊ THÚY	NGA	45.08.03	27/12/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
29	VÕ THỊ	NGỌC	45.08.04	04/09/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
30	NGUYỄN THỊ THÀNH	VI	45.08.08	27/02/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
31	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	45.08.06	04/09/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
32	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	45.09.05	15/03/1997	Kinh	Tỉnh Quảng	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 32 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	VÕ QUANG	HƯNG	46.01.02	24/05/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nam	Toán	19.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
2	NGUYỄN VĨNH NGỌC	NỮ	46.01.04	26/04/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
3	ĐINH THANH	HẢI	46.01.01	03/05/1997	Kinh	Điện Bàn,	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Thánh Tông
4	ĐỖ CHÂU	TRÌNH	46.01.06	13/10/1997	Kinh	Đại Lộc,	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Thánh Tông
5	NGUYỄN HOÀN	THIỆN	46.02.04	11/01/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nam	Vật lí	17.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
6	PHAN QUANG	VINH	46.02.06	01/06/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nam	Vật lí	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
7	NGUYỄN VIỆT	ĐẠO	46.02.02	03/09/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nam	Vật lí	17.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
8	VÕ LÊ	ÂN	46.02.01	11/01/1997	Kinh	Núi Thành,	Nam	Vật lí	14.75	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
9	LÊ THỊ THANH	THÚY	46.02.05	04/04/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nữ	Vật lí	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
10	VÕ CHÂU HOÀNG	LONG	46.03.03	20/08/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nam	Hoá học	28.90	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
11	PHAN MINH	HẢI	46.03.01	03/11/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nam	Hoá học	24.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Thánh Tông

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	TRẦN HOÀI	TÂY	46.03.05	02/11/1998	Kinh	Thăng Bình,	Nam	Hoá học	28.75	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
13	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	THƯ	46.04.04	17/02/1998	Kinh	Thăng Bình,	Nữ	Sinh học	27.15	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
14	VÕ THỊ MY	NY	46.05.05	13/01/1998	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Tin học	15.29	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
15	DƯƠNG LÝ ÁNH	NGUYỆT	46.06.03	02/02/1997	Kinh	Thăng Bình,	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
16	HÀ THỊ THANH	HUYỀN	46.06.02	09/03/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
17	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	46.06.06	17/06/1998	Kinh	Thăng Bình,	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
18	NGUYỄN THỊ HOÀNG	VÂN	46.06.05	01/04/1997	Kinh	Hội An, Quảng	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Thánh Tông
19	BÙI THỊ TƯỜNG	VI	46.07.06	11/10/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
20	LÊ TRỌNG GIA	KHÁNH	46.07.01	10/04/1997	Kinh	Điện Bàn,	Nam	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT chuyên Lê Thánh Tông
21	NGUYỄN PHAN HOÀI	LINH	46.07.02	21/11/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
22	PHẠM VĂN	TRÌNH	46.07.05	01/06/1998	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	CAO THỊ MỸ	NINH	46.07.03	05/01/1998	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
24	PHẠM THỊ	THÚY	46.07.04	28/06/1997	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
25	TRƯƠNG CÔNG	THÁI	46.08.06	16/11/1996	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nam	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Trần Cao Vân
26	DƯƠNG THỊ HOÀI	PHƯƠNG	46.09.04	25/12/1998	Kinh	Tam Kỳ, Quảng	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
27	VÕ PHI	LONG	46.09.03	13/06/1997	Kinh	Quế Sơn,	Nam	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm

Danh sách này gồm 27 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

47-TỈNH QUẢNG NGÃI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN LÊ	DUY	47.01.01	06/08/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
2	PHẠM NGÔ THÀNH	ĐẠT	47.01.03	18/12/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Khiết
3	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	47.02.01	23/04/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Vật lí	11.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
4	VÕ THỊ HỒNG	HẠNH	47.02.02	01/05/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Vật lí	17.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
5	BÙI VŨ	HOÀN	47.02.03	12/01/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
6	HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	47.02.06	15/01/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Vật lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
7	TỐNG VĂN	DỰ	47.03.01	22/03/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	25.45	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
8	NGUYỄN THÀNH	TÂN	47.03.03	03/05/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	29.05	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Khiết
9	NGUYỄN BÙI TRỌNG	TÍN	47.03.06	11/08/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	27.90	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Khiết
10	NGUYỄN TRẦN MINH	ĐỨC	47.04.04	01/02/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Sinh học	27.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
11	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN	47.06.04	20/11/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
12	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	47.06.06	13/12/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Khiết
13	VÕ THỊ THU	NGOAN	47.07.05	09/04/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Khiết
14	NGUYỄN THỊ CẨM	TRANG	47.07.06	08/07/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
15	BÙI XUÂN	HÒA	47.08.01	10/06/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
16	TRẦN NGỌC	THUẬN	47.08.05	22/03/1997	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
17	BÙI THỊ MINH	THÙY	47.09.04	23/12/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

47-TỈNH QUẢNG NGÃI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 17 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN MẠNH	LINH	48.01.02	16/10/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
2	PHẠM THỌ HẢI	MINH	48.01.03	18/12/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	17.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long
3	ĐINH NGỌC	TÙNG	48.01.05	28/09/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	17.50	Ba	11	Chuyên Hạ Long
4	ĐOÀN THỊ	HIỀN	48.01.01	22/05/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
5	NGUYỄN THANH	TÙNG	48.01.06	15/10/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	17.50	Ba	12	Chuyên Hạ Long
6	VŨ XUÂN	TRƯỜNG	48.01.04	11/06/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	17.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long
7	BÙI MINH	QUÂN	48.02.05	18/01/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	21.00	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
8	HOÀNG VĂN	NAM	48.02.04	24/05/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Vật lí	25.25	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
9	PHẠM NGỌC	ÁNH	48.02.01	18/03/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Vật lí	17.25	Ba	11	Chuyên Hạ Long
10	HỒ THỊ PHƯƠNG	MAI	48.02.03	26/05/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Vật lí	15.25	Ba	11	Chuyên Hạ Long
11	TRỊNH MINH	THÀNH	48.02.06	10/11/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	15.25	Ba	12	Chuyên Hạ Long
12	LÊ QUANG	LINH	48.02.02	06/06/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
13	TRẦN SƠN	TÙNG	48.03.07	25/12/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	32.70	Nhất	12	Chuyên Hạ Long
14	PHẠM NGỌC	MINH	48.03.04	24/05/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	22.90	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
15	ĐÀO VŨ DIỆP	PHƯƠNG	48.03.05	05/05/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	23.85	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
16	DƯƠNG ANH	TÚ	48.03.08	21/04/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Hoá học	22.65	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
17	CAO QUỐC	KIÊN	48.04.04	04/03/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	28.10	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
18	NGUYỄN NGỌC MINH	HẢI	48.04.03	24/08/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	26.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LƯƠNG TUẤN	THÀNH	48.04.07	13/07/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	27.15	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
20	ĐỒNG MINH	ANH	48.04.01	10/10/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	29.85	Ba	11	Chuyên Hạ Long
21	NGUYỄN THỊ	THÚY	48.04.08	12/02/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	28.20	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
22	NGUYỄN TÚ	ANH	48.04.02	26/12/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	26.60	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
23	MAI QUANG	LINH	48.05.06	26/11/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	19.53	Ba	12	Chuyên Hạ Long
24	NGUYỄN QUỐC	HUY	48.05.04	22/11/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	19.34	Ba	12	Chuyên Hạ Long
25	HOÀNG TUẤN	TRUNG	48.05.10	04/11/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	18.32	Ba	12	Chuyên Hạ Long
26	NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	48.05.03	18/10/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	12.26	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
27	NGUYỄN DUY	LONG	48.05.07	10/04/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	17.87	Ba	11	Chuyên Hạ Long
28	VI THÀNH	ĐẠT	48.05.02	25/11/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	15.43	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
29	PHẠM ĐOÀN HƯƠNG	LY	48.06.03	15/09/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Hạ Long
30	TRẦN MỸ	LINH	48.06.02	07/03/1998	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
31	ĐINH THỊ	THẢO	48.06.08	16/07/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long
32	PHẠM MỸ	DUYÊN	48.07.02	06/01/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
33	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	48.07.06	03/09/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
34	BÙI VÂN	QUỲNH	48.07.07	08/04/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	Chuyên Hạ Long
35	TRẦN MINH	HƯƠNG	48.07.03	14/08/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
36	LẠI NGỌC ANH	THƯ	48.07.08	18/08/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN THỊ	THẢO	48.08.07	14/09/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	Chuyên Hạ Long
38	ĐOÀN THỊ HUYỀN	TRANG	48.08.08	01/06/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	Chuyên Hạ Long
39	HOÀNG HỒNG	NGỌC	48.08.05	13/12/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
40	NGUYỄN THU	HUYỀN	48.08.02	06/08/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	Chuyên Hạ Long
41	NGUYỄN TRỌNG	THÁI	48.08.06	23/06/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
42	NGUYỄN HẢI	AN	48.08.01	21/02/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
43	MAI PHƯƠNG	LINH	48.08.03	28/08/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	Chuyên Hạ Long
44	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	48.08.04	27/07/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
45	PHẠM MINH	HIẾU	48.09.05	30/09/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tiếng Anh	14.30	Ba	12	Chuyên Hạ Long
46	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	48.09.03	24/07/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
47	BÙI THU	HÀ	48.09.04	29/08/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
48	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	48.09.07	25/11/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
49	KHÚC THỊ QUỲNH	TRANG	48.09.08	03/12/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
50	TĂNG THỊ NGỌC	TUYẾT	48.11.06	08/11/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	15.65	Nhì	11	Hòn Gai
51	ĐẶNG HOÀNG	DŨNG	48.11.01	25/02/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tiếng Pháp	13.95	K.Khích	11	Hòn Gai
52	NGÔ THỊ NGỌC	TUYẾT	48.11.05	01/01/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	15.05	Ba	11	Hòn Gai
53	PHẠM THỊ MỸ	NGA	48.11.03	27/04/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	15.60	Nhì	11	Hòn Gai
54	ĐÀO HẢI	LONG	48.12.02	02/11/1997	Kinh	Đắc Lắc	Nam	Tiếng Trung	14.12	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGÔ THỊ	HIÊN	48.12.01	14/12/1997	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Trung	14.85	Ba	12	Trần Phú

Danh sách này gồm 55 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

49-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	VĂN TIẾN	ĐỨC	49.01.02	05/02/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	NGUYỄN VĂN	THÀNH	49.01.05	23/04/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Toán	17.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	LÊ HỒ HƯƠNG	GIANG	49.03.02	21/08/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Hoá học	26.80	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	LÊ TRẦN QUANG	HUY	49.03.03	24/10/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Hoá học	24.40	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	NGÔ THỊ THÙY	LINH	49.03.04	29/11/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Hoá học	24.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	HOÀNG KIM	NGHỊ	49.03.05	10/04/1998	Kinh	Quảng Trị	Nam	Hoá học	28.00	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	PHAN VĂN NAM	PHƯƠNG	49.03.06	20/03/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Hoá học	28.90	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	PHAN MINH	DƯƠNG	49.05.03	22/12/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Tin học	12.40	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	LÊ VĂN	HẠNH	49.05.04	27/05/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Tin học	12.17	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	VÕ XUÂN MINH	TUẤN	49.05.06	12/11/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Tin học	25.66	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	HỒ THỊ HẢI	CHÂU	49.06.01	27/04/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	LÊ NGỌC	HÀ	49.06.02	18/09/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	TRƯƠNG THỊ DIỆU	MY	49.06.04	04/12/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	DƯƠNG MAI	NGỌC	49.06.05	02/12/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THANH	49.06.06	13/03/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	TRẦN MAI	HÂN	49.07.01	02/06/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Lê Lợi
17	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	49.07.02	10/02/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Triệu Phong
18	TRẦN THỊ NGỌC	LAN	49.07.03	27/05/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT TX Quảng Trị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

49-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	VÕ THỊ MINH	NGUYỆT	49.07.04	09/08/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	LÊ THỊ THANH	TỰ	49.07.06	10/11/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Triệu Phong
21	DƯƠNG HOÀI	MY	49.08.03	09/07/1998	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT Gio Linh
22	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	49.09.01	22/06/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Tiếng Anh	14.30	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 22 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

50-TỈNH SÓC TRĂNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRIỆU ĐOAN	AN	50.02.01	21/04/1997	Hoa	Sóc Trăng	Nam	Vật lí	14.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
2	KHƯƠNG THÀNH GIA	HIẾU	50.02.02	22/12/1998	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Vật lí	19.75	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
3	TRẦN VĂN	QUÝ	50.02.04	07/10/1997	Kinh	Bạc Liêu	Nam	Vật lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
4	LÂM MỘC	TÍN	50.02.05	24/06/1998	Hoa	Sóc Trăng	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
5	HỒNG ĐẠI	HÙNG	50.03.02	04/03/1997	Hoa	Sóc Trăng	Nam	Hoá học	21.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
6	LÊ HOÀNG	MỸ	50.04.03	12/07/1997	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Sinh học	25.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
7	NGUYỄN MINH	NHỰT	50.05.03	28/08/1998	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Tin học	12.95	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
8	HOÀNG THIÊN	NỮ	50.05.04	27/04/1998	Kinh	Sóc Trăng	Nữ	Tin học	14.92	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
9	NGUYỄN TRẦN QUỐC	TOÀN	50.05.06	11/07/1998	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Tin học	12.63	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
10	LÂM QUỐC	HÀO	50.08.03	11/07/1997	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

50-TỈNH SÓC TRĂNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 10 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

51-TỈNH SƠN LA

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM TẤT	THÀNH	51.02.05	22/09/1997	Kinh	Mai Sơn - Sơn	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	PHẠM THANH	TÙNG	51.02.06	08/08/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nam	Vật lí	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
3	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	51.06.03	26/01/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
4	BÙI NGỌC	HÀ	51.06.01	18/02/1997	Kinh	Mai Sơn - Sơn	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
5	BÙI THANH	LAM	51.06.05	28/06/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
6	ĐẶNG THỊ	HẠNH	51.06.02	04/06/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên
7	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	51.06.04	09/10/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
8	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	51.07.01	23/09/1997	Kinh	Thị Xã Sơn La,	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT Chuyên
9	NGUYỄN THỊ	HÒA	51.07.02	31/01/1997	Kinh	Chương Mỹ -	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
10	NGUYỄN NHẬT	TIẾN	51.07.06	15/02/1997	Kinh	Mộc Châu -	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Mộc Lỵ

Danh sách này gồm 10 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

52-TỈNH TÂY NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TIẾN TUẤN	KHIÊM	52.02.05	27/02/1997	Kinh	Tây Ninh	Nam	Vật lí	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
2	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	52.06.01	15/05/1997	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
3	TRẦN THỊ THÚY	VY	52.06.06	03/08/1997	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
4	CAO THỊ THU	HÀ	52.07.01	/ /1997	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
5	LÊ XUÂN	THẢO	52.07.04	16/04/1998	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
6	RƯƠNG ĐẶNG THIÊN	TRANG	52.09.06	07/11/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha

Danh sách này gồm 6 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

53-TỈNH THÁI BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	BÙI THỊ NGỌC	ÁNH	53.01.01	01/11/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Toán	19.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
2	ĐỖ TRỌNG	ĐẠT	53.01.02	19/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	Chuyên Thái Bình
3	HOÀNG TRUNG	HIẾU	53.01.04	22/10/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	26.50	Nhì	12	Chuyên Thái Bình
4	CAO MINH	HIẾU	53.01.03	12/07/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	24.50	Nhì	11	Chuyên Thái Bình
5	NGUYỄN VĂN	HUY	53.01.05	17/11/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	19.00	Ba	11	Chuyên Thái Bình
6	LÊ NGỌC TUẤN	KHANG	53.01.06	04/02/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
7	VŨ XUÂN	TRUNG	53.01.08	12/11/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	23.00	Nhì	11	Chuyên Thái Bình
8	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	53.02.02	27/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
9	HOÀNG THỊ THÙY	DINH	53.02.03	06/01/1998	Kinh	Thái Bình	Nữ	Vật lí	19.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình
10	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	53.02.04	22/09/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
11	ĐÀO ANH	TUẤN	53.02.06	14/10/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	14.25	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
12	NGUYỄN THÀNH	AN	53.03.01	13/10/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	22.90	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
13	NGUYỄN QUANG	ANH	53.03.02	04/11/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	22.15	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
14	TẠ THỊ THANH	THỦY	53.03.05	26/06/1998	Kinh	Thái Bình	Nữ	Hoá học	21.65	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
15	TRẦN THỊ THÙY	TƯƠI	53.03.06	13/08/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Hoá học	24.30	Ba	12	Chuyên Thái Bình
16	NGUYỄN ANH	THƯ	53.04.08	14/07/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	29.90	Ba	12	Chuyên Thái Bình
17	HÀ VIỆT	DŨNG	53.05.02	25/08/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Tin học	13.30	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
18	TRẦN THANH	TÙNG	53.05.05	29/04/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Tin học	18.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

53-TỈNH THÁI BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	53.06.01	16/01/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
20	TÔ THỊ HƯƠNG	LAN	53.06.02	08/04/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
21	VŨ HUYỀN	LINH	53.06.03	03/11/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình
22	NGUYỄN THỊ HOÀI	NAM	53.06.04	23/07/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
23	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	53.06.05	05/09/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
24	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	53.06.06	14/12/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình
25	PHẠM THỊ	THANH	53.06.07	10/05/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
26	DƯƠNG HOÀN	YẾN	53.06.08	05/08/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
27	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	53.07.01	03/12/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình
28	PHẠM THỊ	HƯƠNG	53.07.02	17/10/1998	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	11	Chuyên Thái Bình
29	NGUYỄN KHÁNH	LINH	53.07.04	13/11/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	14.75	Ba	12	Chuyên Thái Bình
30	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	53.07.06	10/09/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	Chuyên Thái Bình
31	VŨ THỊ	TRANG	53.07.07	17/01/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
32	LƯƠNG THỊ CẨM	VÂN	53.07.08	28/11/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
33	THÁI BẢO	ANH	53.08.01	15/08/1998	Kinh	Thái Bình	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
34	VŨ DUY	CƯỜNG	53.08.02	02/02/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	Chuyên Thái Bình
35	TÔ THỊ LAN	HƯƠNG	53.08.04	13/04/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
36	BÙI THỊ NGỌC	LINH	53.08.05	08/03/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

53-TỈNH THÁI BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	TRẦN THÙY	LINH	53.08.06	21/01/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
38	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	NHI	53.08.07	09/11/1998	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	Chuyên Thái Bình
39	NGUYỄN MINH	THU	53.08.08	22/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	Chuyên Thái Bình
40	BÙI VÂN	ANH	53.09.01	17/10/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
41	TRẦN THU	ÁNH	53.09.03	06/05/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	Chuyên Thái Bình
42	LẠI THUỲ	DUNG	53.09.04	12/10/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình
43	VŨ THỊ THU	HẰNG	53.09.05	14/09/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.60	Ba	12	Chuyên Thái Bình
44	ĐÀO MINH	HIẾU	53.09.06	26/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	Chuyên Thái Bình

Danh sách này gồm 44 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	BÙI XUÂN	TRƯỜNG	54.01.06	13/06/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
2	ĐÀO MINH	HOÀNG	54.01.02	27/10/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
3	LÊ ĐỨC	DŨNG	54.01.01	22/02/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
4	VŨ HUY	HOÀNG	54.01.04	11/10/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
5	NGUYỄN NGỌC THANH	TÂM	54.01.05	20/07/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
6	THÁI NAM	AN	54.02.01	16/08/1997	Sán dìu	Thái Nguyên	Nam	Vật lí	19.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
7	TRẦN NGÂN	HOA	54.02.02	01/07/1998	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Vật lí	11.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
8	LÊ THỊ THÙY	LINH	54.03.06	06/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Hoá học	27.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
9	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	54.03.03	23/11/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Hoá học	25.15	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
10	HỒ KHÁNH	TOÀN	54.03.07	03/05/1998	Kinh	Hưng Yên	Nam	Hoá học	22.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
11	TÔ KHÁNH	LINH	54.04.03	20/08/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	27.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
12	LÊ THÙY	DƯƠNG	54.04.01	22/10/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	32.65	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
13	LÊ THỊ THANH	NGA	54.04.05	24/07/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	29.30	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
14	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	54.04.02	23/09/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Sinh học	29.05	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
15	TRƯƠNG NGỌC	MAI	54.04.04	18/09/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	28.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
16	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	54.04.07	24/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	31.70	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
17	ĐOÀN THỦY	TIÊN	54.04.08	26/06/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	27.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
18	ĐINH NGỌC	SƠN	54.04.06	18/11/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Sinh học	32.25	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	PHẠM MINH	HIẾU	54.05.02	08/021998	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tin học	15.68	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
20	TRẦN QUANG	HUY	54.05.04	05/12/1997	Tày	Thái Nguyên	Nam	Tin học	17.42	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
21	NGUYỄN NGỌC	THÚY	54.06.07	10/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
22	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	54.06.08	30/01/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
23	MAI LINH	CHI	54.06.01	18/01/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chu Văn An
24	PHẠM THANH	HUYỀN	54.06.02	10/06/1998	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
25	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	54.06.06	21/11/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
26	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	54.06.03	09/10/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
27	PHẠM THÙY	TRANG	54.07.08	23/12/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
28	NÔNG THỊ HẢI	YẾN	54.07.10	23/12/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
29	LÊ ANH	PHƯƠNG	54.07.06	25/10/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
30	GIANG THỊ HẢI	LÝ	54.07.05	03/07/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
31	NGUYỄN LƯU	LY	54.07.04	28/06/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
32	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	54.07.07	15/07/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
33	TRẦN LÂM	TƯỜNG	54.07.09	27/11/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
34	PHẠM THÙY	DUNG	54.07.01	27/02/1998	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
35	TRẦN THỊ	HƯỜNG	54.07.02	22/10/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
36	PHẠM KHÁNH	LINH	54.07.03	20/02/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	54.08.05	21/05/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
38	LÊ HOÀNG	HÀ	54.08.02	27/12/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
39	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	54.08.03	26/10/1997	Tày	Thái Nguyên	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
40	BÙI THỊ THU	UYÊN	54.08.07	25/10/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
41	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	54.08.01	09/02/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
42	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	54.08.06	08/12/1997	Sán Dìu	Thái Nguyên	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
43	NGUYỄN VŨ HƯƠNG	LY	54.09.07	06/12/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
44	PHAN QUỲNH	ANH	54.09.02	21/08/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Anh	14.10	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
45	TRẦN VIỆT	ANH	54.09.03	13/04/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
46	CAO TRUNG	KIÊN	54.10.04	17/01/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Tiếng Nga	17.42	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
47	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	54.10.06	15/11/1997	Sán Dìu	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	17.08	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
48	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	54.10.02	06/09/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Nga	17.03	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
49	TRẦN VŨ	KHÁNH	54.10.03	20/08/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Nga	16.72	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
50	ĐÀO DUY	LONG	54.10.05	08/04/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Nga	17.80	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
51	ĐẶNG THÙY	DUNG	54.10.01	31/01/1998	Nùng	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	16.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
52	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	54.10.07	19/09/1998	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	17.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
53	VŨ PHƯƠNG	THẢO	54.10.08	23/11/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	17.45	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
54	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	54.11.03	04/08/1997	Sán Dìu	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Pháp	15.95	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	VŨ HƯƠNG	TRÀ	54.11.06	27/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Pháp	15.10	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
56	ĐÀO MAI	ANH	54.12.01	18/06/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	13.71	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
57	TÔ THỊ LAN	HƯƠNG	54.12.05	23/05/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	13.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
58	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	54.12.06	11/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	13.79	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên

Danh sách này gồm 58 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ THANH THÁI	BÌNH	55.01.01	21/04/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	18.50	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
2	TRỊNH HOÀNG	ĐỨC	55.01.05	04/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
3	BÙI THỊ THUỲ	DUNG	55.01.02	15/11/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Toán	17.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
4	LÊ ĐÌNH QUANG	HUY	55.01.06	30/07/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	18.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
5	LÊ DUY	THÁI	55.01.07	03/03/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	17.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
6	PHẠM VĂN	THẮNG	55.01.08	25/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	17.50	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
7	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	55.01.04	10/01/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	19.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
8	BÙI TRUNG	DŨNG	55.02.02	27/10/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	21.50	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
9	PHẠM HỒNG	QUÂN	55.02.06	06/04/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	27.00	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
10	LÊ QUANG	HUY	55.02.03	02/02/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
11	VŨ THANH	XUÂN	55.02.10	24/03/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
12	VŨ HỒNG	TIẾN	55.02.08	10/10/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	17.75	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
13	LÊ DUY	MẠNH	55.02.04	28/12/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
14	ĐỖ HOÀNG	TÂN	55.02.07	15/02/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	17.25	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
15	TRẦN ANH	PHƯƠNG	55.02.05	01/02/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Vật lí	16.50	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
16	NGUYỄN VĂN	DUY	55.02.01	04/03/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	18.50	Ba	12	Hoàng Lệ Kha
17	LÊ HỒNG	TUẤN	55.02.09	01/01/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	11.75	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
18	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	55.03.06	26/03/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Hoá học	31.40	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN KHÁNH	DUY	55.03.02	20/06/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	31.00	Nhì	11	Chuyên Lam Sơn
20	DOÃN QUỐC	THÁI	55.03.07	26/02/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	26.00	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
21	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	55.03.08	02/05/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Hoá học	24.20	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
22	LÊ TRUNG	ĐỨC	55.03.03	08/09/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	24.15	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
23	LÊ THỊ	HUỆ	55.03.05	20/10/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Hoá học	26.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
24	VÕ VIỆT	ANH	55.03.01	03/08/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	27.55	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
25	PHẠM THỊ YẾN	NGỌC	55.04.04	08/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	36.45	Nhất	12	Chuyên Lam Sơn
26	NGUYỄN ĐẮC	HIẾU	55.04.03	30/01/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	34.15	Nhì	11	Chuyên Lam Sơn
27	TRẦN NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	55.04.05	24/08/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	31.25	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
28	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	55.04.07	25/02/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	29.70	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
29	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	55.04.08	21/04/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	28.20	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
30	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	55.04.01	30/06/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	31.70	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
31	BÙI THỊ BÍCH	HẬU	55.04.02	20/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	28.35	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
32	TRƯƠNG THỊ	THANH	55.04.06	16/03/1997	Mường	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	29.30	Ba	12	Thạch Thành 1
33	VÕ QUỐC	TUẤN	55.05.06	18/10/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	20.78	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
34	CHU TRỌNG	NHÂN	55.05.04	12/02/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	16.20	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
35	TRIỆU KHƯƠNG	DUY	55.05.02	20/07/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	15.12	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
36	ĐÀO DUY	ANH	55.05.01	26/12/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	20.86	Ba	12	Chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN VĂN	QUANG	55.05.05	23/09/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	21.68	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
38	NGÔ MINH	HOÀNG	55.05.03	02/07/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	18.73	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
39	TRẦN THỊ	NGÂN	55.06.05	14/07/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
40	ĐÀO HỒNG	HẠNH	55.06.03	13/06/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
41	TÀO LÊ TÙNG	LÂM	55.06.04	16/01/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
42	TRẦN THỊ	DUNG	55.06.02	25/06/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
43	TRƯƠNG THỊ	HOA	55.07.02	19/06/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
44	THIỀU THỊ	TRINH	55.07.07	05/02/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
45	ĐẶNG THỊ NGỌC	ÁNH	55.07.01	07/10/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
46	LÊ THỊ	MAI	55.07.04	08/01/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
47	HOÀNG THỊ	HỒNG	55.07.03	28/08/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
48	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	55.07.05	18/11/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
49	LÊ THỊ	NGỌC	55.08.05	06/08/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	Chuyên Lam Sơn
50	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	55.08.08	27/08/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	Chuyên Lam Sơn
51	MAI QUỲNH	TIÊN	55.08.07	09/10/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	Chuyên Lam Sơn
52	VŨ THỊ THANH	THƯ	55.08.06	24/06/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	Chuyên Lam Sơn
53	LÊ THỊ	HIỀN	55.08.01	26/02/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn
54	HỒ PHƯƠNG	ANH	55.09.01	10/12/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	13.25	K.Khích	12	Chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	TRỊNH HÀ	TRANG	55.10.03	08/07/1997	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Nga	17.65	Ba	12	Chuyên Lam Sơn
56	BÙI KHÁNH	LINH	55.11.02	21/10/1998	Mường	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Nhì	11	Chuyên Lam Sơn
57	TRẦN LÊ TRÀ	LOAN	55.11.03	04/12/1998	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Pháp	15.65	Nhì	11	Chuyên Lam Sơn

Danh sách này gồm 57 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN QUANG	ANH	56.01.01	13/12/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
2	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	KHOA	56.01.04	02/09/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Toán	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
3	NGUYỄN HỒ MINH	PHƯỚC	56.01.05	04/11/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
4	LÊ HOÀNG TRIỆU	VỸ	56.02.07	18/04/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	16.00	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
5	VÕ QUỐC	CƯỜNG	56.03.03	05/10/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	30.15	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
6	HOÀNG LÊ GIA	HUY	56.03.05	18/11/1997	Kinh	Quảng Trị	Nam	Hoá học	30.45	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
7	LÊ NGUYỄN ANH	HÀO	56.03.04	23/01/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	21.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
8	ĐẶNG NGỌC NAM	TRÂN	56.03.12	16/11/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Hoá học	23.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
9	TÔN THẤT	HUY	56.03.06	12/04/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	27.60	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
10	NGUYỄN QUỐC	CHUNG	56.03.02	27/10/1998	Kinh	Quảng Trị	Nam	Hoá học	21.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
11	TRẦN ĐÌNH QUANG	LỘC	56.03.08	22/12/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	21.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	56.04.07	12/02/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	26.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
13	LÊ PHẠM ĐỨC	PHONG	56.04.09	16/05/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	29.35	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
14	NGUYỄN THỊ	HIỀN	56.04.05	26/11/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	29.00	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
15	NGUYỄN PHI	HÙNG	56.04.06	22/10/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	26.10	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
16	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	56.05.01	07/10/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	21.40	Ba	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
17	NGUYỄN QUANG	THÁI	56.05.04	22/02/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	12.51	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
18	NGUYỄN HỮU ANH	TIẾN	56.05.05	11/11/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	16.90	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
19	TÔN THẤT	VĨNH	56.05.06	11/09/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	25.36	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
20	VÕ NGUYÊN TỊNH	ĐAN	56.06.02	11/11/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
21	LÊ VIẾT NGUYÊN	ÁI	56.06.01	07/07/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
22	TÔN NỮ DẠ	NGUYÊN	56.06.07	16/04/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	LÊ NGUYỄN THANH	NHÀN	56.06.08	14/03/1997	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
24	LÊ THẢO	NHI	56.06.09	26/01/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
25	PHAN THẾ DƯƠNG	TÔN	56.06.13	03/06/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
26	TRẦN XUÂN	THỊNH	56.07.06	17/01/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
27	VÕ THỊ MINH	THƯ	56.07.07	19/09/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
28	TRƯƠNG BẢO QUANG	HUY	56.07.04	06/02/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
29	PHẠM THỊ ÁNH	HỒNG	56.07.03	17/06/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
30	NGUYỄN GIANG	CHÂU	56.08.01	22/02/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	16.75	Nhì	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
31	NGÔ THỊ KIM	CHI	56.08.02	28/01/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
32	LÊ QUANG	DANH	56.08.03	23/11/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
33	VÕ THỊ	HUỆ	56.08.05	02/04/1995	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	VĂN ĐỨC THANH	THẢO	56.08.07	18/06/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
35	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	56.08.08	01/10/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
36	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	56.09.04	24/03/1997	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Tiếng Anh	16.15	Nhì	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
37	VÕ THỊ THANH	NHÀN	56.09.06	26/10/1996	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
38	NGUYỄN MINH	TRÍ	56.09.09	24/03/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	16.60	Nhất	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
39	LÊ NGUYỄN THANH	LONG	56.09.05	20/04/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	14.45	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
40	CHU LÊ HUY	VŨ	56.09.10	20/12/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	14.20	Ba	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
41	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	56.09.08	28/02/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	13.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế
42	TRẦN UYỂN	NHI	56.09.07	20/02/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	13.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
43	CAO HỮU	ĐỒNG	56.09.03	27/01/1998	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Quốc Học Huế
44	LÊ THỊ MINH	NGỌC	56.11.04	18/01/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Pháp	14.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 44 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

57-TỈNH TIỀN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	CHÂU HOÀNG	LONG	57.01.02	03.04.1997	Kinh	Tiền Giang	Nam	Toán	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	NGUYỄN MINH	THÔNG	57.01.05	27.10.1998	Kinh	Tiền Giang	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT Chuyên
3	TRẦN MINH	HIỂN	57.01.01	13.07.1998	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	20.00	Ba	11	THPT Chuyên
4	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	57.04.01	04.08.1997	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Sinh học	27.65	K.Khích	12	THPT Chuyên
5	TRẦN BÍCH	THUẬN	57.04.05	07.06.1997	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Sinh học	26.25	K.Khích	12	THPT Chuyên
6	LẠI THÀNH	DƯƠNG	57.05.01	09.05.1997	Kinh	Tiền Giang	Nam	Tin học	13.52	K.Khích	12	THPT Chuyên
7	HỒ HỮU	SƠN	57.05.03	10.04.1997	Kinh	Tiền Giang	Nam	Tin học	14.97	K.Khích	12	THPT Chuyên
8	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	57.07.01	24.02.1998	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	THPT Chợ Gạo
9	TRẦN THẾ MINH	KHÔI	57.09.02	03.01.1998	Kinh	Tiền Giang	Nam	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	11	THPT Chuyên
10	TRƯƠNG HUỲNH THẢO	MY	57.09.03	27.12.1997	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Tiếng Anh	15.35	Nhì	12	THPT Chuyên
11	LÝ NGUYỄN HÒA	HIỆP	57.09.01	27.01.1998	Kinh	Tiền Giang	Nam	Tiếng Anh	14.10	Ba	11	THPT Chuyên
12	TRẦN DIỄM	HƯƠNG	57.11.03	19.01.1998	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Tiếng Pháp	15.55	Ba	11	THPT Nguyễn Đình Chiểu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

57-TỈNH TIỀN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 12 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HUỲNH PHƯỚC	TOÀN	58.01.05	14/09/1997	Hoa	TP HCM	Nam	Toán	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
2	LÊ THÁI	AN	58.02.01	11/11/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Vật lí	17.75	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
3	NGUYỄN CHÍNH	THỤY	58.02.08	20/09/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	21.25	Nhì	12	THPT Quốc Văn Sài Gòn
4	CAO BẢO	ĐỨC	58.02.03	14/09/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Vật lí	14.25	K.Khích	12	THPT Nguyễn Hữu Huân
5	TRẦN TIỄN	HUY	58.02.04	07/01/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	12	THPT Nguyễn Thượng Hiền
6	NGUYỄN LIM KIM	SAN	58.02.07	02/11/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Vật lí	21.00	Nhì	12	THPT Gia Định
7	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	58.03.09	10/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	32.10	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
8	LÊ	NGUYỄN	58.03.05	05/03/1997	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Hoá học	25.55	Ba	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
9	NGUYỄN QUÁCH	HƯNG	58.03.02	03/05/1998	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	27.55	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
10	LÊ TẤN	THÀNH	58.03.07	15/10/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Hoá học	24.40	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
11	NGUYỄN MINH TUẤN	ANH	58.03.01	08/11/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Hoá học	23.10	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
12	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TRUNG	58.03.10	28/02/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	21.95	K.Khích	12	THPT Quốc Văn Sài Gòn
13	TRẦN HUỆ	ANH	58.04.01	16/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	28.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
14	NGUYỄN ĐÌNH THẢO	VY	58.04.10	25/07/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Sinh học	26.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
15	HÀ MẠNH	KHANG	58.04.04	05/01/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Sinh học	27.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
16	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂN	58.04.08	30/10/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Sinh học	26.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
17	PHAN NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	58.04.07	31/01/1998	Kinh	TP HCM	Nữ	Sinh học	25.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
18	PHẠM NGUYỄN MINH	TRÍ	58.04.09	01/10/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Sinh học	30.45	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
19	HUỲNH THANH ĐỨC	ANH	58.05.01	21/11/1998	Kinh	TP HCM	Nam	Tin học	15.87	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
20	TRẦN THOẠI	THÔNG	58.05.06	13/11/1997	Hoa	TP HCM	Nam	Tin học	14.57	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
21	TRƯƠNG LÊ GIA	LUẬT	58.05.05	24/11/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tin học	22.13	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
22	PHẠM MINH	ĐỨC	58.05.03	27/08/1998	Kinh	TP HCM	Nam	Tin học	19.40	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
23	LƯU NGHIỆP	CHINH	58.05.02	30/10/1998	Hoa	TP HCM	Nam	Tin học	14.21	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
24	LÂM HOÀNG	PHÚC	58.06.03	15/08/1998	Kinh	An Giang	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
25	TĂNG MỸ	YẾN	58.07.06	01/06/1997	Hoa	TP HCM	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Nguyễn Thượng Hiền
26	NGUYỄN HỒNG	VY	58.07.05	23/09/1998	Kinh	TP HCM	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Gia Định
27	LÊ THANH	TÀI	58.08.04	15/04/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
28	VÕ TƯỜNG	VÂN	58.09.10	06/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.90	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
29	ĐINH THÁI HOÀNG	HIỆP	58.09.02	14/03/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
30	VŨ NHẬT KIM	NGÂN	58.09.07	09/08/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Anh	15.95	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
31	ĐỖ PHƯỚC	TIẾN	58.09.09	09/08/1998	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	14.50	Ba	11	THPT Gia Định
32	LÊ MINH HỒNG	ĐỨC	58.09.01	25/02/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
33	LÊ HOÀNG MINH	QUÂN	58.09.08	27/06/1998	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	15.65	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
34	ĐẶNG BÙI PHÚC	KHANG	58.09.03	03/10/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	14.60	Ba	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
35	TRẦN ANH	KHOA	58.09.05	14/10/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
36	TRẦN ANH	KIỆT	58.09.06	03/08/1998	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	HỒ VƯƠNG ANH	KHOA	58.09.04	19/07/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
38	ĐOÀN THANH NHẬT	HẢO	58.11.02	16/02/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	14.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
39	CAO KHẢ BẢO	KHÁNH	58.11.03	27/10/1997	Kinh	TP HCM	Nam	Tiếng Pháp	14.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
40	HOÀNG NGỌC NHƯ	QUỲNH	58.11.07	07/02/1998	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	16.60	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
41	PHAN BÁ PHƯƠNG	QUỲNH	58.11.08	05/11/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	16.55	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
42	PHAN HOÀNG	MỸ	58.11.06	20/02/1998	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
43	HOÀNG THANH	MAI	58.11.04	10/02/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	15.55	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
44	THÁI NGỌC THẢO	MY	58.11.05	31/10/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	14.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
45	TRẦN HÀ	THU	58.11.09	08/02/1997	Kinh	TP HCM	Nữ	Tiếng Pháp	14.90	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
46	LÝ HIỀN	TÍN	58.12.08	14/11/1998	Hoa	TP HCM	Nam	Tiếng Trung	15.25	Nhì	10	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
47	TRƯƠNG GIA	MẪN	58.12.04	02/03/1998	Hoa	TP HCM	Nữ	Tiếng Trung	14.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
48	LƯU NGỌC	HÂN	58.12.02	18/03/1999	Hoa	TP HCM	Nữ	Tiếng Trung	14.97	Ba	10	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
49	HUỲNH CHIÊU	DĨNH	58.12.01	01/01/1998	Hoa	TP HCM	Nữ	Tiếng Trung	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
50	LÂM PHƯỚC	NGUYÊN	58.12.06	21/02/1998	Hoa	TP HCM	Nam	Tiếng Trung	17.70	Nhất	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
51	PHÙ MỸ	LÂM	58.12.03	10/02/1998	Hoa	TP HCM	Nữ	Tiếng Trung	14.63	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
52	LỮ NGUYÊN	PHÁT	58.12.07	05/11/1998	Hoa	TP HCM	Nam	Tiếng Trung	14.87	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

Danh sách này gồm 52 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

59-TỈNH TRÀ VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN TRUNG	TÍN	59.03.04	20/04/1997	Kinh	Tỉnh Trà Vinh	Nam	Hoá học	25.75	Ba	12	THPT Duyên Hải
2	TRẦN NHỰT	KHANG	59.06.03	10/04/1997	Kinh	Tỉnh Trà Vinh	Nam	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
3	NGUYỄN VIỆT	ANH	59.06.02	21/12/1997	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
4	LÊ THỊ THANH	THẢO	59.06.05	06/09/1997	Kinh	Tỉnh Trà Vinh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
5	LÊ THẢO	NGUYÊN	59.06.04	10/08/1997	Kinh	Tỉnh Trà Vinh	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
6	MAI THỊ YẾN	OANH	59.08.01	11/01/1997	Kinh	Tỉnh Trà Vinh	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành

Danh sách này gồm 6 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

60-TỈNH TUYÊN QUANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐOÀN NGUYỄN TRÀ	MY	60.01.04	21/03/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	NGUYỄN HÀ	DUY	60.01.03	08/10/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT Chuyên
3	PHẠM LÂM	TÙNG	60.01.06	22/04/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Toán	17.00	Ba	11	THPT Chuyên
4	NGUYỄN ĐẠI	NGHĨA	60.01.05	29/07/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT Chuyên
5	PHAN THỊ BĂNG	DUNG	60.01.02	01/02/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Toán	21.00	Ba	12	THPT Chuyên
6	MA XUÂN	QUANG	60.02.05	25/11/1997	Tày	Tuyên Quang	Nam	Vật lí	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
7	PHẠM TIẾN	CÔNG	60.02.03	31/08/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	11	THPT Chuyên
8	TRẦN LONG	VŨ	60.03.06	09/04/1997	Sán Dìu	Tuyên Quang	Nam	Hoá học	26.80	Ba	12	THPT Chuyên
9	NGUYỄN VIỆT	HƯNG	60.04.03	07/12/1997	Tày	Tuyên Quang	Nam	Sinh học	29.30	Ba	12	THPT Chuyên
10	DỊP BÍCH	THẢO	60.04.05	26/09/1997	Hoa	Tuyên Quang	Nữ	Sinh học	31.10	Nhì	12	THPT Chuyên
11	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	60.04.06	28/02/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Sinh học	33.90	Nhì	12	THPT Chuyên
12	HÀ ĐĂNG	DƯƠNG	60.04.01	03/01/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Sinh học	26.90	K.Khích	12	THPT Chuyên
13	NGUYỄN ANH	TUẤN	60.05.05	23/10/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	13.52	K.Khích	11	THPT Chuyên
14	BÙI QUỐC	THẮNG	60.05.03	08/11/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	18.17	Ba	11	THPT Chuyên
15	TRIỆU THỊ MINH	THANH	60.06.06	22/08/1997	Tày	Hà Giang	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên
16	TỐNG KHÁNH	DUYÊN	60.06.03	25/11/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
17	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	60.06.05	14/02/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	THPT Chuyên
18	VŨ QUỲNH	DIỆP	60.06.02	22/03/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

60-TỈNH TUYÊN QUANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	PHAN QUỲNH	MAI	60.07.04	01/08/1997	Nùng	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
20	PHẠM THÚY	HIỀN	60.07.02	22/04/1998	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên
21	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	60.07.03	07/06/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
22	ĐẶNG HÀ	TRANG	60.07.06	11/01/1997	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
23	MAI LAN	HƯƠNG	60.08.05	24/01/1997	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên
24	NGUYỄN DIỆU	NGỌC	60.08.06	14/03/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
25	NGÔ THANH	HUYỀN	60.08.04	20/05/1997	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên
26	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	60.08.03	17/04/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
27	NGUYỄN THỊ HỒNG	CHÂU	60.08.02	17/08/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Chuyên
28	LÊ THỊ LINH	NGỌC	60.09.02	12/05/1997	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên

Danh sách này gồm 28 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

61-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN THANH	PHONG	61.01.04	14.02.1998	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
2	NGUYỄN VÕ HỮU	THẮNG	61.01.06	05.01.1998	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
3	NGUYỄN HOÀNG MẪN	TIẾN	61.02.05	10.07.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
4	NGUYỄN PHÚ	LỘC	61.03.04	02.06.1997	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Hoá học	22.65	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
5	NGUYỄN THÁI THIỆN	PHÚC	61.03.05	03.06.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Hoá học	25.30	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
6	TRẦN DANH	DUY	61.04.01	21.02.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Sinh học	27.45	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
7	HÀ TẤN	LINH	61.05.02	11.04.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Tin học	20.23	Ba	12	THPT Tân Quới
8	HOÀNG ANH	THI	61.05.04	21.03.1998	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Tin học	12.59	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
9	NGUYỄN NGỌC THẢO	NHƯ	61.06.05	20.03.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm
10	TRẦN THỊNH	PHÁT	61.07.04	19.09.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Nguyễn Thông
11	NGUYỄN DUY	ANH	61.08.01	15.01.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Vĩnh Xuân
12	NGUYỄN LÊ ANH	DUY	61.09.01	02.01.1998	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

61-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
13	TRƯƠNG THỊ YÊN	THU	61.09.06	15.01.1997	Kinh	Vĩnh Long	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm

Danh sách này gồm 13 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TIẾN	THÉP	62.01.07	18/08/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	21.50	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
2	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	62.01.08	24/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
3	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	62.01.02	02/09/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	18.50	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
4	ĐƯỜNG THỊ	THẢO	62.01.06	30/08/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Toán	16.50	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
5	LÊ MINH TUẤN	ANH	62.01.01	26/11/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
6	LÊ TÂN	PHÚC	62.01.04	13/03/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
7	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	62.01.03	24/01/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Toán	14.50	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
8	HÀ VĂN	THÁI	62.01.05	06/11/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
9	KHỔNG ANH	TUẤN	62.02.07	30/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	24.50	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
10	NGUYỄN MẠNH	DÂN	62.02.02	03/03/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	21.50	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
11	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	62.02.04	16/08/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	21.25	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
12	NGÔ THỊ	NHUNG	62.02.06	07/03/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Vật lí	14.75	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
13	NGUYỄN MINH	BÁCH	62.02.01	06/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	17.00	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
14	CAO PHẠM QUANG	HÙNG	62.02.05	30/04/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	27.50	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
15	ĐÀO THANH	TÙNG	62.02.08	28/01/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Vật lí	17.75	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
16	NGUYỄN HOÀ	BÌNH	62.03.01	17/09/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	28.05	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
17	NGUYỄN BÁ	HÀ	62.03.02	07/02/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	32.60	Nhất	12	Chuyên Vĩnh Phúc
18	TRẦN MINH	HIẾU	62.03.04	06/04/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	28.15	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ	THẢO	62.03.09	27/02/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Hoá học	28.70	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
20	LƯU VĂN	QUYẾT	62.03.07	17/07/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	24.10	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
21	TRẦN VĂN	HIẾU	62.03.05	12/07/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	21.80	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
22	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	62.03.06	29/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Hoá học	21.15	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
23	NGUYỄN THỊ	THUÝ	62.03.10	05/04/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Hoá học	21.80	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
24	VŨ VĂN	MINH	62.04.08	02/01/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	35.90	Nhất	12	Chuyên Vĩnh Phúc
25	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	62.04.05	26/04/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	32.65	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
26	NGUYỄN THỊ	SEN	62.04.09	24/03/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	26.45	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
27	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	62.04.10	15/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	32.20	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
28	PHAN HUY	GIANG	62.04.01	29/09/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	31.40	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
29	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HẠ	62.04.02	27/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	29.90	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
30	VŨ NHƯ	KIÊN	62.04.06	10/01/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	29.95	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
31	BÙI THỊ	HIỀN	62.04.04	20/07/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	28.30	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
32	NGUYỄN THU	HẰNG	62.04.03	17/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	30.45	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
33	VŨ VĂN	LÂM	62.04.07	11/09/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	28.60	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
34	NGÔ VIỆT	TOÀN	62.05.05	04/01/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	12.17	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
35	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	62.05.04	19/11/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	25.94	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
36	NGUYỄN MINH	CHÂU	62.05.01	20/05/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	19.52	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN VIỆT	HOÀ	62.05.03	01/12/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	24.72	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
38	KIỀU QUỐC	ĐẠT	62.05.02	21/12/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	22.76	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
39	NGUYỄN MINH	TUẤN	62.05.06	03/12/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	23.20	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
40	ĐẶNG THỊ	THUÝ	62.06.08	26/04/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
41	NGUYỄN HOÀNG	LINH	62.06.03	05/05/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
42	NGUYỄN KHÁNH	LINH	62.06.04	20/01/1997	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
43	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	62.06.06	13/09/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
44	NGUYỄN NGỌC	HẢI	62.06.01	08/06/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
45	TRẦN THỊ HỒNG	THẮM	62.06.07	07/01/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
46	PHAN	ANH	62.07.01	30/06/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	15.75	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
47	NGUYỄN THỊ	THÊU	62.07.08	13/05/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
48	PHẠM PHƯƠNG	LINH	62.07.04	25/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
49	PHẠM HỒNG	NGỌC	62.07.05	11/04/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	17.00	Nhất	12	Chuyên Vĩnh Phúc
50	PHÙNG VĂN	QUANG	62.07.07	27/09/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	15.25	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
51	LÊ QUỐC	VƯƠNG	62.07.10	10/02/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
52	DƯƠNG THỊ	DUNG	62.07.02	24/05/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
53	HOÀNG MINH	QUANG	62.07.06	08/09/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
54	NGUYỄN ĐÌNH	TÙNG	62.07.09	06/05/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN VĂN	MẠNH	62.08.09	31/12/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
56	NGUYỄN HOÀNG	ANH	62.08.02	30/03/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	Chuyên Vĩnh Phúc
57	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	62.08.03	28/04/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
58	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	62.08.07	20/04/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
59	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	ANH	62.08.01	29/05/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Địa lí	18.00	Nhất	12	Chuyên Vĩnh Phúc
60	LẠI THẢO	LINH	62.08.06	18/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc
61	VŨ VĂN	MINH	62.08.10	26/07/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
62	PHAN THỊ	HẰNG	62.08.04	28/10/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
63	CAO THỊ THANH	HẰNG	62.09.04	25/02/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	15.05	Nhì	11	Chuyên Vĩnh Phúc
64	TRẦN DUY	KIÊN	62.09.06	16/11/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tiếng Anh	14.60	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
65	TRẦN LÊ LAN	CHI	62.09.02	10/09/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
66	LÊ THU	ANH	62.09.01	08/02/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
67	NGUYỄN LAN	NHI	62.09.08	21/11/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	14.00	Ba	11	Chuyên Vĩnh Phúc
68	NGUYỄN DUY	HẢI	62.09.03	30/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tiếng Anh	14.40	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
69	NGUYỄN MINH	HIỀN	62.09.05	22/11/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	14.00	Ba	12	Chuyên Vĩnh Phúc
70	NGUYỄN TÙNG	LÂM	62.09.07	14/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
71	ĐÀO THUÝ	QUỲNH	62.11.05	23/10/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	14.45	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc
72	VŨ HỒNG	NHUNG	62.11.04	30/01/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	14.60	K.Khích	11	Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	TRẦN TIẾN	ĐẠT	62.11.02	08/08/1997	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tiếng Pháp	14.20	K.Khích	12	Chuyên Vĩnh Phúc

Danh sách này gồm 73 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

63-TỈNH YÊN BÁI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN KHÁNH	HÒA	63.01.03	30/07/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
2	VŨ HỒNG	QUÂN	63.01.04	17/12/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
3	NGUYỄN HUY	HOÀNG	63.01.02	08/08/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
4	HOÀNG NGỌC	HIẾU	63.01.01	27/10/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
5	TRẦN QUANG	HUY	63.02.05	23/08/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	27.75	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
6	PHẠM CÔNG	CHUNG	63.02.02	21/05/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	16.50	Ba	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
7	LÊ TRUNG	ĐỨC	63.02.04	26/12/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	18.75	Ba	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
8	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠI	63.02.03	14/01/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	14.75	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
9	ĐỖ VIẾT	CHÍNH	63.02.01	24/05/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	16.50	Ba	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
10	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	63.03.02	08/12/1997	Kinh	Trấn Yên	Nam	Hoá học	32.05	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
11	HOÀNG ĐÌNH	THIỆP	63.03.05	14/02/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Hoá học	22.45	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
12	NGUYỄN MINH	HIẾU	63.04.03	16/06/1997	Kinh	Phú Thọ	Nam	Sinh học	27.50	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
13	LÊ NGỌC	ÁNH	63.04.01	29/01/1997	Kinh	Yên Bái	Nữ	Sinh học	25.90	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
14	NGUYỄN MẠNH	THIÊN	63.05.05	04/03/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Tin học	16.13	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
15	HOÀNG THỊ THU	THẢO	63.05.04	13/02/1998	Nùng	Yên Bái	Nữ	Tin học	16.67	Ba	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
16	VŨ THỊ THANH	LÂM	63.05.02	22/02/1998	Kinh	Yên Bái	Nữ	Tin học	13.00	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
17	TRẦN ANH	TÚ	63.05.06	12/07/1998	Kinh	Yên Bái	Nam	Tin học	13.78	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
18	HOÀNG MINH	THU	63.06.04	03/09/1997	Kinh	Yên Bái	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

63-TỈNH YÊN BÁI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐOÀN VĨNH	KHẢI	63.07.02	27/12/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
20	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	63.07.03	09/08/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
21	PHẠM HỒNG	UYÊN	63.07.06	16/10/1997	Kinh	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành
22	TẦN THỊ	THẢO	63.07.05	07/07/1997	Dao	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	PT DTNT THPT tỉnh
23	ĐẶNG VĂN	CHÀY	63.08.01	02/05/1997	Dao	Yên Bái	Nam	Địa lí	15.00	Ba	12	PT DTNT THPT tỉnh
24	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	63.08.02	08/10/1997	Kinh	Yên Bái	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Hoàng Quốc Việt
25	NGUYỄN QUANG	NGỌC	63.08.05	26/02/1997	Kinh	Yên Bái	Nam	Địa lí	14.25	Ba	12	THPT Sơn Thịnh
26	NGUYỄN THỊ	HUỆ	63.08.03	04/03/1998	Kinh	Yên Bái	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	Chuyên Nguyễn Tất Thành
27	ĐÀM NGỌC	VŨ	63.08.06	28/07/1997	Kinh	Nghĩa Lộ	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Sơn Thịnh
28	ĐÀO NGỌC	ANH	63.09.01	26/08/1997	Nùng	Yên Bái	Nữ	Tiếng Anh	13.20	K.Khích	12	Chuyên Nguyễn Tất Thành

Danh sách này gồm 28 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	65.01.01	01/04/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	17.00	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
2	NGUYỄN TUẤN HẢI	ĐĂNG	65.01.02	23/02/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	33.00	Nhất	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
3	TRẦN QUANG	HUY	65.01.03	07/01/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	19.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
4	NGUYỄN TIẾN	KHẢI	65.01.04	23/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	18.00	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
5	NGUYỄN ĐỨC	MINH	65.01.05	25/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	29.00	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
6	PHAN MINH	NGHĨA	65.01.06	17/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	23.00	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
7	TẠ HÀ	NGUYÊN	65.01.07	24/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	22.00	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
8	PHAN ANH	QUÂN	65.01.08	05/11/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	20.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
9	NGUYỄN HUY	TUYỂN	65.01.09	09/08/1998	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
10	TRỊNH HUY	VŨ	65.01.10	15/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	17.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
11	NGHIÊM VŨ NHẬT	ANH	65.02.01	16/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	13.50	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
12	TRỊNH XUÂN	DU	65.02.03	26/02/1997	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	16.75	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
13	HÀ ANH	ĐỨC	65.02.04	05/11/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	19.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
14	TRẦN ĐỨC	LINH	65.02.05	15/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	18.00	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
15	TẠ VĂN	NAM	65.02.06	22/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
16	NGUYỄN BÁ	NGHĨA	65.02.07	02/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	22.25	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
17	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	65.02.09	21/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	16.50	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
18	LÊ XUÂN	PHÚC	65.02.08	22/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	23.50	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN DUY	VĂN	65.02.10	16/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	13.00	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
20	ĐỖ HUYỀN	CHI	65.03.01	05/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	21.85	K.Khích	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
21	NGUYỄN MẠNH	CHIẾN	65.03.02	16/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	25.50	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
22	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	65.03.03	05/10/1998	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	22.40	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
23	NGUYỄN ĐÌNH	DƯƠNG	65.03.05	26/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	27.40	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
24	DƯƠNG VIỆT	DŨNG	65.03.04	21/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	27.40	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
25	TRỊNH XUÂN	ĐỨC	65.03.06	25/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	26.90	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
26	LÊ QUÝ	HIỂN	65.03.07	21/03/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	28.15	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
27	ĐẶNG VĂN	HIỆP	65.03.08	18/08/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Hoá học	26.70	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
28	TRƯƠNG TẤN	SANG	65.03.09	14/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	25.10	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
29	BÙI XUÂN	TRƯỜNG	65.03.10	19/03/1997	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	26.15	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
30	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	65.04.01	08/07/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	29.55	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
31	VŨ THỊ	CHINH	65.04.02	25/01/1998	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	36.20	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
32	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	65.04.03	15/04/1998	Kinh	Liên Bang Nga	Nam	Sinh học	27.40	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
33	NGUYỄN THẢO	DƯƠNG	65.04.04	06/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.15	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
34	LÊ XUÂN	LƯỢNG	65.04.06	24/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	35.70	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
35	LÊ TẢO	MAI	65.04.07	04/01/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	26.40	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
36	LÊ CÔNG	MINH	65.04.08	24/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	35.25	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	TRẦN MINH	QUÂN	65.04.09	29/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	35.00	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
38	NGUYỄN NHẬT	TÂN	65.04.10	14/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	29.35	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
39	NGUYỄN ĐỨC	DUY	65.05.01	26/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	22.02	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
40	PHẠM VĂN	HẠNH	65.05.02	22/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	29.54	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
41	CHU MINH	HIẾU	65.05.03	16/10/1998	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	17.78	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
42	ĐẶNG MINH	HIẾU	65.05.04	07/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	15.44	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
43	TRẦN HUY	HÙNG	65.05.06	28/04/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	18.52	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
44	TRẦN ĐỨC	HOÀN	65.05.05	24/01/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	22.63	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
45	PHAN ĐỨC NHẬT	MINH	65.05.08	14/11/1998	Kinh	Phú Thọ	Nam	Tin học	31.14	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
46	NGUYỄN ĐINH QUANG	MINH	65.05.07	15/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	26.64	Nhì	10	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
47	ĐẶNG TIẾN	SƠN	65.05.09	02/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	19.88	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
48	ĐẶNG ANH	VŨ	65.05.10	06/02/1998	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	26.94	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
49	HOÀNG HẢI	ĐĂNG	65.09.01	29/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.50	Nhì	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
50	ĐỖ VŨ MINH	ĐỨC	65.09.02	14/01/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.90	Nhì	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
51	NGUYỄN AN	GIANG	65.09.03	30/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
52	TRƯƠNG QUỐC	HUY	65.09.04	04/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.40	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ -

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												ĐHQGHN
53	NGÔ THỊ QUỲNH	MAI	65.09.05	13/12/1998	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	14.65	Ba	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
54	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	NGỌC	65.09.06	14/10/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Anh	14.60	Ba	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
55	TẠ TÚ	QUYÊN	65.09.07	10/10/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.40	Nhất	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
56	NGUYỄN ANH	THƯ	65.09.08	12/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
57	NGUYỄN PHƯƠNG	TÚ	65.09.10	10/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.70	Ba	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
58	NGUYỄN HÙNG	TUẤN	65.09.09	28/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.00	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
59	BÙI KAO TRUNG	NGHĨA	65.11.03	03/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	15.05	Ba	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
60	NGUYỄN THU	TRANG	65.11.04	16/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.70	K.Khích	11	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
61	LÊ CAO	TÙNG	65.11.05	23/09/1997	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Pháp	14.90	Ba	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
62	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	65.11.06	20/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.65	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
63	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	65.12.02	25/12/1997	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Trung	14.17	K.Khích	12	Chuyên Ngoại ngữ -

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												ĐHQGHN
64	ĐINH THỊ BÍCH	NGỌC	65.12.03	12/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	16.84	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
65	HOÀNG ANH	THƯ	65.12.05	12/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	16.78	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN
66	PHÙNG THUỶ	TIÊN	65.12.06	19/08/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	17.06	Nhì	12	Chuyên Ngoại ngữ - ĐHQGHN

Danh sách này gồm 66 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	VŨ	HÙNG	66.01.03	19/05/1998	Kinh	Phú Yên	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
2	NGUYỄN HUY	HOÀNG	66.01.02	02/08/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	29.50	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
3	NGUYỄN MINH	QUANG	66.01.07	22/09/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	17.50	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
4	NGUYỄN VĨNH	KHANG	66.01.04	19/09/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
5	PHẠM THẢO	NGUYÊN	66.01.06	04/04/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Toán	19.50	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
6	DARMA LÊ MẠNH	CƯỜNG	66.01.01	21/04/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
7	NGUYỄN VÕ THANH	THIỆN	66.01.09	01/04/1998	Kinh	Tiền Giang	Nam	Toán	18.50	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
8	HOÀNG TUẤN	KHÔI	66.02.07	09/04/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	15.75	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
9	LÊ MẬU THIÊN	CÁT	66.02.02	17/03/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	16.25	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
10	NGUYỄN PHONG GIA	HUY	66.02.05	25/05/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	19.50	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
11	NGUYỄN MINH	QUÂN	66.02.09	18/04/1998	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	11.50	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGUYỄN ANH	DUY	66.02.03	22/10/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	15.50	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
13	PHẠM ĐĂNG	HUY	66.02.06	12/09/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	11.00	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
14	NGUYỄN CAO	THÀNH	66.02.10	20/05/1997	Kinh	Tây Ninh	Nam	Vật lí	14.50	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
15	NGUYỄN LÊ	QUÂN	66.02.08	01/11/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	16.75	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
16	TRƯƠNG TẤN	SANG	66.03.06	26/01/1998	Kinh	Bạc Liêu	Nam	Hoá học	26.90	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
17	PHẠM HOÀN	MỸ	66.03.04	08/11/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoá học	22.45	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
18	TRẦN HOÀI	THIÊN	66.03.09	12/02/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	24.75	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
19	NGUYỄN HỮU	THẮNG	66.03.08	14/02/1998	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	23.90	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
20	TRANG HOÀNG NGUYÊN	ANH	66.03.01	26/03/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	27.55	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
21	HUỲNH NGỌC YẾN	NHI	66.03.05	16/04/1997	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Hoá học	27.05	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
22	NGÔ HOÀNG	VIỆT	66.03.10	20/12/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	24.20	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	TRẦN NGỌC HOÀNG	ANH	66.03.02	07/08/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Hoá học	25.40	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
24	PHẠM GIA	KIỆT	66.03.03	28/01/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	22.50	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
25	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	66.03.07	16/08/1998	Kinh	Hà Tây	Nam	Hoá học	21.15	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
26	MAI TÚ	UYÊN	66.04.10	02/05/1997	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	29.55	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
27	VŨ TOÀN	THẮNG	66.04.08	02/06/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	28.15	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
28	ĐINH HOÀNG	MINH	66.04.04	06/02/1997	Kinh	Long An	Nam	Sinh học	27.70	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
29	LÊ MINH ĐAN	THÙY	66.04.09	09/04/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	31.45	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
30	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	66.04.07	31/08/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	29.90	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
31	VÕ HOÀNG	LÂN	66.04.03	18/03/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	30.50	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
32	PHAN HOÀNG CHÍ	HIẾU	66.04.02	16/03/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	25.85	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
33	TRẦN VÂN	HẠC	66.04.01	12/07/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	25.90	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	TRẦN TRIỀU	HƯNG	66.05.03	22/10/1997	Hoa	An Giang	Nam	Tin học	29.70	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
35	TÔ NGỌC	LONG	66.05.06	10/02/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	21.24	Ba	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
36	PHAN NHẬT	KHANG	66.05.04	21/01/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	27.11	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
37	TRẦN QUANG	THẮNG	66.05.09	13/09/1997	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	34.20	Nhất	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
38	TRẦN TẤN	PHÁT	66.05.08	20/01/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	27.40	Nhì	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
39	NGUYỄN KHẮC	TUẤN	66.05.10	03/03/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	26.20	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
40	PHẠM VIỆT	AN	66.05.01	13/02/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	23.40	Nhì	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
41	ĐÀO HOÀNG	LÂN	66.05.05	23/04/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	30.80	Nhất	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
42	LÊ DƯƠNG CÔNG	ĐỨC	66.05.02	29/06/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	17.03	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
43	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	66.06.10	02/07/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
44	NGUYỄN BẮC MỸ	KHÊ	66.06.05	21/10/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	TRỊNH MINH	ANH	66.06.01	03/02/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
46	GIANG BẢO QUỲNH	NHƯ	66.06.07	11/01/1998	Hoa	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
47	LÊ PHẠM MINH	TÂM	66.09.07	29/10/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
48	LÊ HỒNG	ĐỨC	66.09.03	22/07/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.40	Nhì	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
49	ĐẶNG NAM	HƯNG	66.09.04	03/03/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.45	Nhì	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
50	NGUYỄN MINH	TRIẾT	66.09.08	17/03/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
51	NGUYỄN ĐÌNH	CHƯƠNG	66.09.01	29/06/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.15	Nhì	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
52	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	66.09.10	30/11/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	16.05	Nhì	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
53	PHẠM MINH	TRIẾT	66.09.09	11/11/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
54	ĐẶNG HOÀNG	LINH	66.09.05	08/07/1997	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.45	K.Khích	12	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM
55	BÙI HOÀNG CHÍ	NHÂN	66.09.06	18/02/1998	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	14.70	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	VÕ DIỆP THÙY	ĐAN	66.09.02	29/12/1998	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	11	Phổ Thông Năng Khiếu-ĐHQG TP.HCM

Danh sách này gồm 56 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN QUỐC	NAM	67.01.06	16/06/1998	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	19.50	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
2	GIANG TRUNG	HIẾU	67.01.01	07/06/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
3	NGUYỄN VIẾT	HOÀNG	67.01.03	21/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
4	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	67.01.02	25/06/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	21.50	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
5	CHU VĂN	TRANG	67.01.09	15/12/1997	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Toán	21.50	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
6	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	67.01.07	02/09/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	29.00	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
7	NGUYỄN NHẬT	MINH	67.01.05	02/01/1997	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
8	TRẦN HOÀNG	SƠN	67.01.08	21/08/1997	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
9	NGUYỄN DOÃN THANH	TÙNG	67.01.10	22/04/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
10	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	67.02.01	06/12/1998	Kinh	Hà Tây	Nữ	Vật lí	15.25	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
11	NGUYỄN QUANG	NAM	67.02.04	08/05/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	22.75	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
12	BÙI TUẤN	THÀNH	67.02.07	04/06/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
13	PHẠM MINH	TUẤN	67.02.08	26/07/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
14	PHẠM THÁI	HÒA	67.03.03	31/05/1998	Kinh	Ninh Bình	Nam	Hoá học	29.05	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
15	HOÀNG THẢO	NGÂN	67.03.05	19/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	27.10	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
16	LƯU HOÀNG	HƯƠNG	67.03.04	05/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	26.30	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
17	PHAN THỤC	ANH	67.03.01	29/11/1998	Kinh	Thái Bình	Nữ	Hoá học	26.10	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
18	HÀ PHƯƠNG	THẢO	67.03.06	09/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	24.50	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐẶNG NGỌC	DƯƠNG	67.03.02	20/05/1997	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	28.80	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
20	MAI KIỀU	HOA	67.04.04	20/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.65	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
21	LƯƠNG TRUNG	THU	67.04.09	16/09/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	31.65	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
22	NGUYỄN THỊ MINH	NHẬT	67.04.07	14/09/1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	35.45	Nhất	12	THPT Chuyên ĐHSP
23	LƯƠNG QUỐC	BẢO	67.04.01	29/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	26.40	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
24	LÊ HÀ	PHƯƠNG	67.04.08	19/11/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	28.25	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
25	LÊ MINH	CHÂU	67.04.02	17/06/1997	Kinh	Hưng Yên	Nam	Sinh học	31.75	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
26	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	67.04.03	25/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	28.15	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
27	ĐẬU TRUNG	DŨNG	67.05.03	25/07/1998	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	22.37	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
28	NGUYỄN QUANG	TRUNG	67.05.09	09/04/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	12.37	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
29	LÊ HUY	ĐỨC	67.05.05	10/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	21.92	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
30	LÊ TUẤN	MINH	67.05.06	13/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	25.58	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
31	PHẠM GIA	PHONG	67.05.08	14/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	18.23	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
32	HOÀNG	DƯƠNG	67.05.04	16/07/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	27.14	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
33	TRẦN PHONG	BÌNH	67.05.02	25/11/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	19.95	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
34	PHẠM THẾ	NAM	67.05.07	09/10/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	20.90	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
35	VƯƠNG VIỆT	ANH	67.05.01	02/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	13.05	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
36	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	67.06.04	10/06/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	VŨ NGÂN	HÀ	67.06.01	07/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
38	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	67.06.06	20/02/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
39	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	67.06.03	15/08/1997	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
40	LÊ HƯƠNG	GIANG	67.08.03	17/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
41	TRẦN LINH	CHI	67.08.01	06/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
42	PHẠM THỊ THANH	HƯỜNG	67.08.04	01/03/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên ĐHSP
43	LÊ HẢI	DƯƠNG	67.08.02	12/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
44	PHẠM BẢO	LINH	67.09.04	08/04/1997	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	THPT Chuyên ĐHSP
45	CAO NGỌC NAM	PHƯƠNG	67.09.05	20/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.20	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
46	PHẠM TÚ	ANH	67.09.01	28/11/1997	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	13.45	K.Khích	12	THPT Chuyên ĐHSP
47	ĐẶNG PHƯƠNG	HOA	67.09.03	15/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
48	HỒ TƯỜNG	THANH	67.09.07	22/12/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.05	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
49	ĐỖ PHÙNG THÙY	VÂN	67.09.10	27/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.35	K.Khích	11	THPT Chuyên ĐHSP
50	TRẦN THỊ TỐ	GIANG	67.09.02	09/12/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP
51	NGUYỄN VÂN	THẢO	67.09.08	26/03/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.15	Ba	11	THPT Chuyên ĐHSP
52	VƯƠNG MINH	QUÂN	67.09.06	25/09/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	THPT Chuyên ĐHSP
53	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	TRANG	67.09.09	31/01/1997	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.10	Nhì	12	THPT Chuyên ĐHSP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 53 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

68-TRƯỜNG ĐH VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ NGỌC	HẢO	68.01.02	29/11/1997	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Toán	18.50	Ba	12	
2	PHẠM TRUNG	DŨNG	68.01.01	05/12/1997	Kinh	Đức Thọ, Hà	Nam	Toán	18.00	Ba	12	
3	THÁI DOÃN	HÙNG	68.01.04	23/08/1997	Kinh	Quy Nhơn, Bình	Nam	Toán	18.00	Ba	12	
4	ĐINH XUÂN BẢO	HƯNG	68.01.05	22/12/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Toán	17.50	Ba	12	
5	TRẦN NHẬT	HIỆP	68.01.03	03/02/1998	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Toán	18.50	Ba	12	
6	VĂN ĐỨC	ANH	68.02.01	02/07/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Vật lí	17.25	Ba	12	
7	VÕ SƠN	TÙNG	68.02.05	04/07/1998	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Vật lí	14.00	K.Khích	11	
8	NGUYỄN HỮU	LỰC	68.03.06	06/04/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Hoá học	25.20	Ba	12	
9	LÊ THÀNH	ĐẠT	68.03.02	01/03/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Hoá học	29.35	Nhì	12	
10	TRẦN ĐÌNH	OÁNH	68.05.02	08/03/1997	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Tin học	28.60	Nhì	12	
11	HOÀNG VĂN	THẮNG	68.05.03	17/11/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Tin học	14.77	K.Khích	12	
12	NGUYỄN HẠ	QUỲNH	68.09.04	07/04/1997	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	12	
13	LÊ THỊ THU	TRANG	68.09.05	20/02/1997	Kinh	Can Lộc, Hà	Nữ	Tiếng Anh	15.15	Nhì	12	
14	NGUYỄN KHÁNH	LINH	68.09.01	02/09/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Nhì	12	
15	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	68.09.06	21/05/1998	Thái	Quỳ Châu,	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	11	
16	PHAN ĐẶNG HUYỀN	MY	68.09.02	01/01/1997	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nữ	Tiếng Anh	15.05	Nhì	12	
17	ĐẶNG THANH	NHÃ	68.09.03	05/10/1997	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nữ	Tiếng Anh	13.70	K.Khích	12	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

68-TRƯỜNG ĐH VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)

Danh sách này gồm 17 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

69-TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HOÀNG VĂN	TUÂN	69.02.02	16/04/1997	Mường	Phú Thọ	Nam	Vật lí	12.25	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
2	LƯƠNG MINH	HIỆP	69.04.02	01/11/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	27.05	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
3	PHẠM TỐ	UYÊN	69.04.06	30/01/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	26.55	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
4	MẠ THỊ	THƯƠNG	69.06.05	04/09/1998	Tày	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	Ba	11	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
5	LÝ SEO	CHA	69.07.01	15/05/1995	Mông	Lào Cai	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
6	NÔNG THỊ	HẰNG	69.07.02	05/07/1997	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
7	BẾ THỊ	HƯỜNG	69.07.03	18/10/1997	Tày	Cao Bằng	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
8	ĐẶNG THỊ	THỦY	69.07.04	13/08/1998	Dao	Lào Cai	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
9	NGUYỄN THU	TRANG	69.07.05	15/09/1997	Tày	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
10	VI THỊ	VÂN	69.07.06	03/10/1997	Nùng	Cao Bằng	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc
11	HOÀNG THỊ	LIÊN	69.08.02	15/04/1997	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

69-TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	BÀN THỊ	TON	69.08.05	01/10/1997	Dao	Yên Bái	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Trường PT Vùng cao Việt Bắc

Danh sách này gồm 12 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

70-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	MAI NGUYỄN	DŨNG	70.06.02	22/10/1997	Kinh	TP. HCM	Nam	Ngữ văn	13.00	Ba	12	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM
2	PHẠM VŨ LAM	ĐIỀN	70.09.01	30/09/1997	Kinh	TP. HCM	Nữ	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	12	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM
3	THÁI ĐOÀN BẢO	NGỌC	70.09.02	25/02/1997	Kinh	TP. HCM	Nữ	Tiếng Anh	13.40	K.Khích	12	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM
4	HUỲNH BẢO	THẠCH	70.09.03	07/07/1998	Kinh	TP. HCM	Nam	Tiếng Anh	13.30	K.Khích	11	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM
5	HỒ GIA	THỊNH	70.09.05	11/02/1996	Hoa	Đăk Lăk	Nam	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	12	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM
6	DIỆP THẾ	THỊNH	70.09.04	20/10/1997	Hoa	TP. HCM	Nam	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	Trung học Thực hành ĐHSP TP. HCM

Danh sách này gồm 6 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2015

71-ĐẠI HỌC HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM THỊ NGỌC	THU	56.06.12	29/04/1997	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Trường Đại Học Khoa Học Huế
2	HỒ THỊ HẢI	YẾN	56.06.14	07/11/1997	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	12.00	K.Khích	12	Trường Đại Học Khoa Học Huế

Danh sách này gồm 2 thí sinh

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015
CỤC TRƯỞNG

MAI VĂN TRINH